

Viện

# KỂ CHUYỆN

## 3

nuongmaitruongxua.v





# KÊ CHUYÊN

LỚP BA

*Biên soạn :*

NGUYỄN HUY ĐÀN — NGUYỄN CỎ

thuongmaitruongxua.vn

*Viễn*

*10-1983*



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1983



## PHẦN MỘT

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỀ MÔN KỂ CHUYỆN Ở LỚP 3

Ở trường trung học sư phạm và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về phương pháp giảng dạy ngữ văn, các đồng chí giáo viên đã được học tập về mục đích yêu cầu, nội dung chương trình và phương pháp thực hiện môn này ở các lớp cấp I phổ thông. Sách « Kể chuyện lớp 1 » cũng đã trình bày rõ các vấn đề trên ở đầu sách dưới tiêu đề « Một số vấn đề chung về môn kể chuyện ở trường phổ thông cơ sở ».

Để tránh sự trùng lặp không cần thiết, chúng tôi chỉ xin nêu lên ở đây những chỉ dẫn cụ thể về chương trình, cấu trúc sách, cách sử dụng sách « Kể chuyện lớp 3 » và mức độ yêu cầu giảng dạy ở lớp này.

#### A – CHƯƠNG TRÌNH

Học sinh lớp 3 ở vào lứa tuổi từ 8 đến 9 tuổi. Sau hai năm học đầu cấp, năng lực tư duy, cảm thụ về văn học của các em đã có những bước phát triển đáng chú ý. Nếu chương trình môn kể chuyện lớp 2 ghi « Chọn những truyện đơn giản, dễ hiểu, có giá trị thẩm mỹ và

*Biên soạn :* NGUYỄN HUY ĐÀN  
NGUYỄN CỎ  
*Biên tập :* HOÀNG LƯU  
*Trình bày bìa :* PHẠM THỊ HÀ



tác dụng giáo dục rõ rệt của nước ta và nước ngoài (thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn, truyện danh nhân, truyện người thực việc thực...) » thì chương trình môn này ở lớp 3 không nhấn mạnh cần phải chọn những truyện đơn giản, dễ hiểu nữa. Nếu yêu cầu về kỹ năng nói cuối lớp 1 là « biết kể lại một đoạn ngắn trong truyện sau khi đã nghe giáo viên kể, lời kể gọn gàng, ngữ điệu thích hợp » thì cuối lớp 3 học sinh phải « biết kể lại các truyện đã đọc hoặc đã nghe kể với ngữ điệu thích hợp, dáng điệu tự nhiên ». Như vậy là ở lớp 3, đề tài, thể loại truyện được mở rộng hơn, nội dung truyện có thể phong phú hơn, yêu cầu về kỹ năng nói cao hơn, tuy chưa đến mức độ như ở lớp 4 là phải nói « gọn gàng, mạch lạc »...

Những qui định nói trên của chương trình chỉ đạo chặt chẽ việc tuyển chọn truyện kể, cách kể và cách luyện tập cho học sinh kể chuyện.

## B - CẤU TRÚC CỦA SÁCH

Theo chương trình quy định mỗi tuần một tiết kể chuyện, sách này tuyển 35 truyện thuộc các thể loại sau đây:

- Thần thoại, truyền thuyết, cổ tích : 13 truyện
- Ngụ ngôn, truyện cười : 12 truyện
- Truyện danh nhân nước ta và thế giới : 4 truyện
- Truyện người thực việc thực : 4 truyện
- Truyện khoa học : 2 truyện

Trong 35 truyện đó số truyện nước ngoài chiếm gần một nửa. Truyện được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó, từ ngắn đến dài, vừa xen kẽ các thể loại để tránh đơn điệu, vừa thích ứng với từng mùa (xuân, hạ, thu,

đông), với các thời điểm đáng ghi nhớ trong năm học như 7-11 (Cách mạng tháng Mười Nga), 3-2 (ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam), 1-5 (ngày Quốc tế lao động), 19-5 (sinh nhật Bác Hồ) để cho việc thực hiện chương trình dễ sát với hoàn cảnh thiên nhiên và xã hội.

Nội dung truyện nhằm mục đích giáo dục cho học sinh những tư tưởng, tình cảm lành mạnh, cao đẹp bằng những hình tượng nhân vật tích cực là chủ yếu. Một số khuyết điểm thông thường ở trẻ như: tham ăn, trốn tránh công việc, không vâng lời người trên... có đưa ra phê phán qua một số truyện kể thì cũng với thái độ nhẹ nhàng, khoan thứ.

Giáo dục cho trẻ về tình yêu thương đối với người thân trong gia đình có các truyện « Bà cháu » (tình bà cháu), « Sự tích cây vú sữa » (tình mẹ con), « Tình anh em »; về tình bè bạn hồn nhiên, chung thủy có các truyện « Hoa mào gà », « Cô chủ không biết quý tình bạn »...; về tình yêu nơi giống, yêu quê hương đất nước có các truyện « Truyền thuyết về xứ Ba-un-lê », « Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên »; về tình yêu các loài vật trong thiên nhiên có truyện « Con chim nhỏ »; về tình yêu lao động và người lao động có các truyện « Người thợ dệt thảm », « A-i-ô-ga »..., về lòng tôn kính đối với danh nhân trong nước và trên thế giới có các truyện « Chú bé với Lê-nin », « Được Bác Hồ tặng ảnh », « Tiếng tạc đạn ở Sa Diện », « Nhà bác học Ê-di-xơn và bà cụ già » v.v... Bồi dưỡng cho trẻ đức tính thật thà, dũng cảm có truyện « Cái gói trôi trên ngòi »; về thói quen lễ độ, vâng lời người trên có các truyện « Hai tiếng kì lạ », « Con chim sẻ nhỏ »; về tinh thần chống áp bức, bóc lột có các truyện « Đám Bơ-ri », « Hòn đá thần »; về



tinh thần chống xâm lược có các truyện « Người con gái Tây Nguyên », « Chuyện anh Trừ Văn Thố ». Ngoài ra, một số truyện như: « Lời hứa của sâu róm », « Cuộc phiêu lưu của ba giọt nước » cung cấp cho trẻ những tri thức sơ giản về sự biến hóa kì diệu của sự vật trong thiên nhiên.

Những nội dung tư tưởng, tình cảm trên có khi hòa vào nhau trong cùng một truyện làm cho tác dụng giáo dục của truyện càng thêm phong phú. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng nhân vật trong cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười dân gian đều là những con người cá thể của các chế độ xã hội cũ. Do đó những tính toán, lo âu, mơ ước của họ không khỏi có những hạn chế nhất định mà người kể chuyện phải linh táo đánh giá một cách đúng mức trên quan điểm lịch sử cụ thể.

Về nghệ thuật, các truyện trên được chọn trong kho tàng văn học dân gian của nhiều nước (Việt Nam, Liên Xô, Hung-ga-ri, Ấn Độ, Triều Tiên, Lào, Cam-pu-chia...), trong các sáng tác dành cho thiếu nhi của nhiều nhà văn có tên tuổi (M.Gooc-ki, L.Tôn-xtôi...) nên phong cách rất đa dạng. Sự có mặt của nhiều thể loại (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, truyện người tốt việc tốt, truyện ngắn hiện đại...) giúp cho học sinh làm quen với nhiều thủ pháp nghệ thuật phong phú: lối kì vĩ hóa trong thần thoại và truyền thuyết, lối ví von trong ngụ ngôn, lối khai thác mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức trong truyện cười... Các nhân vật trong truyện dù là thần tiên, người hay vật đều có những nét tính cách tiêu biểu và đều được nhìn nhận bằng con mắt của quần chúng lao động, của lứa tuổi thiếu nhi vui vẻ và giàu chất lãng mạn. Lời kể nhìn chung khá giản dị, trong sáng, nhiều chỗ hấp dẫn có khả năng gây xúc động sâu xa trong tâm hồn trẻ.

Tiếp theo mỗi truyện có phần hướng dẫn sư phạm, giúp giáo viên nắm vững nội dung, yêu cầu giáo dục, giáo dưỡng và lựa chọn phương pháp kể thích hợp.

Phần này gồm các mục:

### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chủ giải*: chú thích xuất xứ của truyện, các tên người, tên đất, giải nghĩa các từ ngữ khó cần thiết cho việc hiểu rõ tinh thần và nội dung truyện.

b) *Ý nghĩa*: nêu lên ý nghĩa bao quát, chủ yếu, yêu cầu và mức độ cần đạt của tiết lên lớp.

### II — Lên lớp.

a) *Chuẩn bị*: chỉ dẫn những vật thực, những tranh ảnh minh họa để hỗ trợ cho lời kể và góp phần gây hứng thú cho học sinh trong quá trình kể chuyện.

b) *Giáo viên kể*: chỉ dẫn nội dung và phương pháp kể từng đoạn. Mục này chỉ giới hạn trong việc nêu rõ những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của truyện, những tình tiết chủ yếu cần làm nổi bật trong từng đoạn, gợi ý về cách tái hiện các sự việc quan trọng, các tâm trạng cần phải lưu ý của các nhân vật... Những thủ thuật muôn hình muôn vẻ trong phong cách kể chuyện sẽ đến một cách tự nhiên nếu người kể chuyện nắm vững tinh thần, nội dung và đặc điểm nghệ thuật của truyện và thực sự cảm thụ, thâm nhập truyện mình kể. Thiếu sự say sưa cần thiết, không biến truyện trong sách thành của chính mình, không thâm nhập các tính cách và số phận của nhân vật trong truyện thì bất luận thủ thuật nào cũng trở thành gượng ép và vô tác dụng.

Nhưng nói như vậy không có nghĩa là người kể chuyện không cần biết lướt qua những đoạn ít quan trọng, tập



trung nêu bật những tình tiết cốt yếu, làm toát lên tinh thần của toàn truyện, không cần biết dừng lại khi cần thiết để tạo ra không khí chờ đợi, hồi hộp trước những bước ngoặt quyết định số phận các nhân vật đang có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với học sinh.

Bởi thế, khi cần thiết, phần hướng dẫn cũng lưu ý giáo viên về một số tình tiết cần nhấn mạnh, một số từ ngữ cần được giải thích thêm, một số đoạn cần kể chậm v.v... Nhưng đó chỉ là những gợi ý để tham khảo. Phần chủ động, sáng tạo hoàn toàn thuộc về người kể chuyện.

c) *Học sinh kể*: Mục này nêu một số câu hỏi giúp học sinh nhớ lại những nhân vật chính, những diễn biến chính của truyện. Những câu hỏi này có tác dụng như một dàn ý, dựa theo đó học sinh kể lại từng đoạn hoặc toàn truyện bằng ngôn ngữ của mình chứ không phải để các em trả lời từng câu một cách gò bó.

Ở một số truyện, mục này cũng nêu một số câu hỏi để học sinh phát biểu nhận xét về các nhân vật, trao đổi cảm tưởng về ý nghĩa của truyện nhằm mục đích rèn luyện cho các em phương pháp phân tích, tổng hợp, suy luận, phương pháp đánh giá nhân vật. Đôi khi ở một số truyện thích hợp, cuối tiết kể chuyện, giáo viên có thể cho học sinh trình diễn truyện dưới hình thức hoạt cảnh. Người dẫn truyện có thể là giáo viên hoặc một học sinh giỏi, có năng khiếu.

d) *Tổng kết*: Mục này nhằm chốt lại ý nghĩa cơ bản của một số hình tượng nhân vật chính, hoặc ý nghĩa giáo dục, giáo dưỡng chủ yếu của truyện đã kể. Giáo viên phải thay đổi nhiều cách tổng kết khác nhau, sao cho nhẹ nhàng mà gây được ấn tượng sâu sắc, tránh buộc học sinh bao giờ cũng phải nghe một bài luận lí khô khan vào cuối tiết kể chuyện. Cần tạo cho các em

một cảm giác thoải mái hoặc tâm trạng bồn chồn về số phận của một vài nhân vật nào đó trong truyện.

Một điều cần đặc biệt lưu ý nữa là: mỗi năm học, được nghe và tập kể 35 truyện đối với học sinh không phải ít nhưng chưa đủ để thỏa mãn tính tò mò, lòng ham truyện của trẻ. Bởi vậy, giáo viên nên có kế hoạch giới thiệu cho các em đọc thêm những truyện chọn lọc của nước ta và nước ngoài và tổ chức những cuộc thi kể chuyện cuối mỗi học kì để các em thi đua trau dồi kĩ năng kể chuyện một cách hứng thú và sáng tạo.

Tóm lại, môn kể chuyện có vị trí quan trọng và tác dụng to lớn trong chương trình Tiếng Việt và Văn học cấp I. Chất lượng các tiết kể chuyện trong tuần phụ thuộc vào công sức chuẩn bị và nghệ thuật lên lớp của giáo viên là chính, bởi lẽ đầu sách này cũng không phải là một tập bài soạn mẫu thích hợp với từng giáo viên, từng trường, lớp hoặc từng địa phương trong cả nước.

NGUYỄN HUY ĐÀN



## PHẦN HAI

### HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

#### 1. HOA MÀO GÀ

1. Ngày xưa, cô gà mái nào cũng có cái mào đỏ rất đẹp như mào của các chú gà trống bây giờ. Một buổi sớm gà mái mơ soi mình trong vũng nước và sung sướng thấy chiếc mào rực rỡ xòe trên đỉnh đầu như một chùm hoa đỏ rực. Gà mơ khoan khoái vỗ cánh và hát vang bài hát quen thuộc của họ hàng nhà gà: «Cục ta, cục tác, mào ta đã mọc, cục ta cục tác». Mọi vật quay ra nhìn gà mơ và cũng xuýt xoa: «Chiếc mào mới xinh xắn làm sao! Trông gà mơ thật đom dáng!».

2. Gà mơ tung tăng đi kiếm mồi khắp nơi. Nó đến bên bờ nước và chợt nghe có tiếng khóc ti ti. Nó dừng lại, ngừng đầu và chớp chớp mắt, lắng tai nghe. Một cây mào đỏ tía, lá thon dài đang tím tím khóc một mình. Gà mơ bối rối, chạy đến khẽ hỏi:

— Bạn làm sao thế? Ai làm phật lòng bạn?

Cây đỏ những giọt nước mắt trong suốt như sương và sụt sịt bảo:

— Các cây quanh đây, cây nào cũng có hoa, riêng mình tôi là chẳng có gì cả. Vừa nãy có cây còn bảo rằng: «Đến gà mơ cũng có hoa trên đầu. Thế mà...».

Nói chưa dứt câu, cây đã bật khóc, nước mắt cứ thi nhau rơi xuống thánh thót. Nó vừa khóc vừa nhắc đi nhắc lại:

— Tôi chỉ là đồ xấu xí, là đồ bỏ đi thôi...

Gà mơ an ủi bao nhiêu nó cũng không nín. Mái mơ cúi lòng, suy nghĩ một lúc rồi quyết định:

— Thôi, bạn nín đi. Tôi biếu bạn bông hoa trên đầu tôi, vậy bạn có vui lòng không?

Cây sung sướng hỏi dồn:

— Thật ư? Bạn cho tôi thật nhé!

Sáng hôm sau, mọi người ngạc nhiên thấy chiếc mào đẹp đẽ của mái mơ không còn nữa. Còn cái cây thân đỏ, lá thon dài bên bờ nước thì lại nở chùm hoa đỏ đẹp, rực rỡ y như chiếc mào của gà mơ.

3. Cây hoa sung sướng vươn mình đón ánh mặt trời nhuộm cho bông hoa thêm đỏ thắm. Nó khẽ kể cho bạn bè nghe câu chuyện hôm trước. Ai cũng tấm tắc ngợi khen lòng tốt của gà mái mơ. Khi thấy gà mái mơ đi qua, mọi vật đều nghiêng đầu chào đón, chúc mừng:

— Chúc cho bụng dạ tốt lành của gà mái mơ sẽ sinh ra những viên ngọc quý!...

Thế là từ đó, bông hoa ấy được gọi là Hoa mào gà để kỷ niệm tấm lòng tốt của gà mơ. Và gà mái mơ cứ mỗi ngày lại đẻ một quả trứng hồng tuyệt đẹp.

Theo NGUYỄN THỊ DUONG

#### HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu truyện.

a) Chú giải:

— Tấm tức (khóc): khóc vì cảm thấy mình có điều oan ức nhưng cố nén xúc động để không bật thành tiếng to.



— *Đỏm dáng*: trông có duyên, đẹp nhờ có các thú trang sức.

— *Tấm tắc* (khen): khen hết lời.

b) *Ý nghĩa*: Truyện ngụ ngôn này ca ngợi tấm lòng tốt của gà mái mơ. Gà mái mơ yêu thương người bạn đau khổ vì thua em kém chị. Đó đã là điều đáng quý. Nhưng cao quý hơn là gà mái mơ đã sẵn sàng biếu bạn vật trang sức quý giá nhất của mình. Bởi thế, truyện này có khả năng giáo dục cho trẻ lòng thông cảm với những bất hạnh của bạn bè, thái độ nhường nhịn, hi sinh vì hạnh phúc của người khác.

II — Lên lớp.

A — *Chuẩn bị*:

Có thể có một số học sinh chưa từng được thấy cây hoa mào gà, nên tốt hơn hết là có một cây thực cho các em quan sát. Nếu không, cần có bức tranh minh họa cuộc gặp gỡ của gà mái mơ với cây mào gà bên bờ nước.

B — *Giáo viên kể*:

1. *Gà mái mơ có cái mào rất đẹp, ai cũng ưa*. Kể đoạn này, cần chú ý làm nổi bật những chi tiết nói lên niềm tự hào của gà mái mơ về cái mào đẹp của mình:

— « Gà mơ soi bóng mình trong vũng nước, sung sướng thấy chiếc mào rực rỡ xòe trên đỉnh đầu như một chùm hoa đỏ rực ».

— « Mọi vật xuýt xoa: « Chiếc mào mới xinh xắn làm sao ! Trông gà mơ thật *đỏm dáng* ».

Hai chi tiết này làm nổi bật ý ở đoạn sau: nhường cho bạn vật trang sức quý giá, đó là một sự hi sinh cao quý của gà mái mơ.

2. *Gà mái mơ yêu thương bạn, nhường cho bạn chiếc mào đẹp của mình*. Ở đoạn này, cần làm nổi bật 3 chi tiết sau:

— Nỗi đau khổ của cây mào gà thể hiện ngày càng tăng: « khóc ti tỉ », « sụt sịt », « bật khóc », « an ủi bao nhiêu cũng không nín ».

— Sự quan tâm của gà mái mơ đến nỗi bất hạnh của bạn cũng thể hiện ngày càng tăng: « gà mơ dừng lại, chớp mắt, lắng tai nghe » rồi « bối rối », hỏi han, an ủi bạn một cách chân tình.

— Sự hi sinh cao đẹp của gà mái mơ: Không phải gà mái mơ biếu ngay bạn cái mào đẹp của mình. Gà mái mơ *an ủi* mãi không được, *suy nghĩ* rồi mới *quyết định*, nhưng thái độ vẫn rất khiêm tốn: « Bạn có vui lòng không ? ». Quyết định đó bất ngờ đến nỗi làm cho cây mào gà bàng hoàng chưa dám tin là sự thật: « Thật ư ? Bạn cho tôi thật nhé ! ».

3. *Lòng tốt của gà mái mơ được mọi người ca ngợi*. Đến đây, có thể gọi lại đoạn đầu câu chuyện. Khi gà mái mơ còn cái mào đỏ chói trên đầu thì ai nấy xuýt xoa khen gà mái mơ *đỏm dáng* (khen vẻ đẹp hình thức bề ngoài). Bây giờ, cái mào đẹp không còn nữa. Nhưng gà mái mơ đi qua, mọi vật lại *tấm tắc khen ngợi* và *chúc tụng* (kính phục cái vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp của tâm hồn). Từ đó, phần kết thúc truyện sẽ đến một cách tự nhiên:

— Lòng tốt của gà mái mơ được trang trọng lưu niệm bằng tên một loài hoa đẹp và được đền bù bằng một nguồn hạnh phúc lớn là sinh ra những quả trứng tuyệt đẹp.



C — Học sinh kể :

Hướng dẫn HS kể từng đoạn rồi cả truyện theo ba câu hỏi gợi ý sau đây :

1. Ngày xưa, gà mái mơ có cái mào đẹp như thế nào ?
2. Vì sao ngày nay chiếc mào đó không còn nữa ? (gà mái mơ đã tặng ai ? Trong trường hợp nào ?).
3. Tấm lòng cao quý của gà mái mơ được mọi vật yêu quý ra sao ?

D — Tổng kết :

Quan tâm đến những đau buồn của người khác, chịu thiệt thòi vì hạnh phúc của người khác như gà mái mơ là một đức tính tốt đẹp. Các em hãy yêu thương bè bạn và tìm cách giúp đỡ bè bạn như gà mái mơ.

## 2. CÔ CHỦ KHÔNG BIẾT QUÝ TÌNH BẠN

1. Ngày xưa có một cô bé xinh xắn. Cô có một con gà trống. Buổi sớm thức dậy, gà trống gáy :

— Cúc cù cu ! Xin chào cô chủ tí hon !

Con gà trống chạy đến bên cô bé mổ những hạt thóc trong tay cô rồi đậu lên bờ rào cạnh cô. Bộ lông của gà trống sặc sỡ, mượt bóng như bôi mỡ. Mào nó khi mặt trời chiếu vào đỏ chót như hoa gạo. Thật là một chú gà trống đẹp tuyệt vời.

Một hôm, cô bé nhìn thấy một con gà mái của bà hàng xóm. Cô bé thích con gà mái ấy lắm liền nói với bà :

— Bà đổi cho cháu con gà mái, cháu sẽ mang con gà trống của nhà cháu sang cho bà.

Gà trống nghe nói vậy liền cúi đầu xuống, mào nó rũ sang một bên. Chả làm thế nào được. Cô chủ đã quyết định rồi.

Bà hàng xóm bằng lòng. Cô bé mang gà mái về và kết bạn với gà mái. Con gà mái này có lớp lông tơ dày, ấm áp. Chả có ngày nào gà quên đẻ trứng :

— Cúc ta, cúc tác ! Cô chủ tí hon ơi, hãy ăn trứng đi cho khỏe người !

Cô bé ăn trứng, ôm gà mái lông tơ vào lòng, vuốt ve bộ lông mượt mà của nó, cho nó uống nước và một nắm hạt kê.

2. Một lần khác lại có bà hàng xóm mua về một con vịt. Thấy vịt, cô bé rất thích, liền ga găm :

— Bà đổi cho cháu con vịt nhé, cháu sẽ đưa cho bà con gà mái.

Gà mái nghe chuyện buồn lắm, bộ lông tơ xù ra. Còn biết sao nữa, vì cô chủ muốn thế !

Cô bé lại làm thân với con vịt. Cả hai cùng đi ra sông tắm. Cô bé bơi và con vịt bơi bên cạnh :

— Quac ! Quac ! Quac ! Cô chủ tí hon của tôi ơi ! Cô đừng bơi xa, lòng sông sâu đấy !

Cô bé lên bờ, vịt cũng lên theo.

3. Một hôm, có người bà con đến chơi, dắt theo một con chó con. Cô bé nhìn con chó, rất thích, liền nói :

— Ôi, một con cún thật đẹp ! Bác cho cháu con chó con này nhé ! Cháu sẽ biếu lại bác con vịt.

Vịt nghe nói liền vẫy vẫy đôi cánh và kêu lên : quac, quac, quac. Nhưng chẳng ích gì, cô chủ tóm lấy con vịt trao cho người bà con.



Cô chủ vuốt ve con chó con và kẻ lẽ:

Ta có một con gà trống, ta đem đổi lấy gà mái; có gà mái ta lại đổi lấy vịt; còn lần này ta lại đổi con vịt lấy chú mày đấy!

Chó con nghe nói vậy bèn cụp đuôi lại, chui vào dưới gầm ghế.

Đêm đến, nó dùng chân cạy cửa trốn đi:

— Ta không muốn kết bạn với cô chủ này. Cô ấy không biết quý trọng tình bạn.

Sáng ra, khi bừng tỉnh dậy, cô bé chẳng còn thấy một con vật bé nhỏ nào bên mình nữa.

V. Ô-XÊ-Ê-VA (PHI LOAN dịch)  
Trích trong cuốn: « Ai là chủ »  
(Nhà xuất bản Kim Đồng — 1977)

HƯỚNG DẪN

## I — Tìm hiểu truyện.

Ở đời phải có bạn tốt, bạn thân để chia sẻ vui buồn, giúp đỡ lẫn nhau. Tình bạn phải bền chặt, trước sau như một. Không được có mới, nới cũ. Người thiếu thủy chung trong tình bạn nhất định sẽ bị xa lánh, phải sống cô độc.

## II — Lên lớp.

### A — Giáo viên kể:

Truyện này gồm 3 đoạn cấu trúc tương tự. Cách kể, do đó, cũng gần như nhau.

1. Cô bé thay bạn lần thứ nhất: đổi gà trống lấy gà mái.

2. Cô bé thay bạn lần thứ hai: đổi gà mái lấy vịt.

3. Cô bé thay bạn lần thứ ba: đổi vịt lấy chó con.  
Khi kể từng đoạn cần lưu ý mấy điểm như sau:

1) Tất cả bạn của cô bé đều đáng yêu, đều yêu mến cô, đều rất quý tình bạn:

— Gà trống thì mỗi sáng lại gáy chào cô, mổ thóc trong tay cô, đậu trên bờ rào cạnh cô; gà mái thì ngày ngày mời cô xơi trứng; vịt thì cùng đi tắm sông với cô, nhắc nhở cô « đừng bơi xa, lòng sông sâu đấy! »...

— Khi thấy cô chủ thay lòng đổi dạ thì bạn nào cũng tiếc tình bạn, cũng buồn: gà trống thì « cúi đầu xuống, mào rũ sang một bên »; gà mái thì « lông tơ xù ra »; vịt thì vẫy cánh, kêu lên quạc, quạc; chó thì cụp đuôi, chui vào gầm ghế.

2) Cô bé không phải không thích có bạn, nhưng tình bạn của cô không bền chặt. Vừa ấp ú, vuốt ve bạn này, thấy bạn kia mới mẻ hơn đã lập tức thay lòng đổi dạ. Cô là kẻ ích kỷ, chơi với bạn chỉ vì sở thích của mình. Bởi thế, khi được biết cô đổi bạn đã mấy lần, con « cún » liền cạy cửa trốn đi, không thèm chơi với người hay phụ lòng kẻ khác. Đó là bài học đích đáng đối với cô bé, đối với tất cả những ai thiếu chung thủy trong quan hệ bè bạn.

Khi kể, tất cả những chi tiết trên đều cần được nhấn mạnh để làm nổi bật tính xấu đáng phê phán của cô bé.

### B — Học sinh kể:

Cho HS kể từng đoạn rồi cả truyện theo những câu hỏi gợi nhớ sau đây:

1. Thoạt tiên, cô bé chơi thân với ai? Bạn ấy đáng yêu và yêu mến cô bé thế nào? Bị thay thế, bạn ấy cảm thấy thế nào?

2. Bạn thứ hai của cô bé là ai? Bạn ấy... (như câu trên).



3. Bạn thứ ba của cô bé là ai? Bạn ấy... (như câu trên).

4. Cuối cùng cô định kết thân với ai? Có được không? Vì sao?

C — Tổng kết:

— Cô bé là người như thế nào?

— Cô bé là người bạn ích kỉ. Tình bạn phải bền chặt. Kẻ hay thay lòng đổi dạ nhất định bị xa lánh, phải sống cô độc.

### 3. BÀ CHÁU

1. Ngày xưa ngày xưa, ở một làng kia có hai em bé, một trai, một gái. Trai là anh, gái là em. Bố mẹ mất sớm, hai em về sống với bà ngoại. Bà già lắm và cũng nghèo lắm. Ba bà cháu rau cháo nuôi nhau, đời sống rất đói khát vất nhưng được cái lúc nào cũng hòa thuận vui vẻ. Các cháu riu rít quần quít quanh bà. Bà móm mém cười hiền từ nhìn các cháu, dịu bớt những nỗi vất vả, cay đắng.

2. Một hôm, có bà tiên đi ngang qua. Thấy tình cảnh ba bà cháu, mủi lòng, liền để lại một trái đào và dặn: « Khi nào bà mất đi, hai cháu mang hạt đào này gieo lên mộ thì lập tức sẽ được giàu có, sung sướng ».

Đời sống cực nhọc quá, cuối cùng rau cháo cũng không đủ ăn, bà ngoại thương cháu, nhìn ăn liền mấy ngày để cái chết mau đến, hi vọng lời bà tiên sẽ thành sự thật, cháu mình sớm được hạnh phúc.

Quả nhiên, mộ bà vừa đắp xong, hạt đào vừa gieo xuống, phút chốc đã hiển hiện điều lạ lùng. Hạt đào nảy mầm, cây lớn nhanh vùn vụt, rào rào nảy lá, đơm hoa, kết quả. Trùm lên mộ bà là một cây đào lực

lượng, trĩu chít trái vàng, trái bạc. Hai anh em hớn hở chạy quanh gốc đào, hái mỗi tay, cũng không hết của cải quý giá.

Nỗi nhớ bà khuây khỏa dần. Hai anh em trở nên rất giàu có, giàu có hơn cả mọi ông hoàng, bà chúa khắp thế gian.

3. Nhưng rồi phút vui sướng bỗng bột ban đầu dần lắng xuống. Vàng bạc, châu báu lạnh lẽo không bù lại được tình thương đầm ấm của người bà. Sống giữa cung điện cao vợi, nhiều lúc anh em cảm thấy trống trải. Nhìn đâu cũng thấy vàng bạc mà không mấy may thấy bóng dáng thân thương của bà ngoại. Nỗi nhớ thương bà cồn cào gan ruột làm hai anh em ăn ngủ không yên, về mặt lúc nào cũng rầu rĩ, héo hắt. Làm sao có thể sung sướng được nếu sống thiếu bà?

Bà tiên lại đi ngang qua. Thấy hai anh em đã trở nên vô cùng giàu có mà vẫn không được thanh thản, bà dừng lại, hỏi. Em gái òa lên khóc, cầu mong bà tiên hóa phép cho bà ngoại mình sống lại. Bà tiên nói: « Nếu bà ngoại sống lại thì ba bà cháu lại cực khổ như xưa, liệu có chịu được không? ». Cả hai anh em cùng nói như reo lên: « Chúng cháu chịu được! Khổ sở đến đâu chúng cháu cũng chịu được, miễn là bà chúng cháu sống lại! ».

Bà tiên phất chiếc quạt lông màu nhiệm. Phút chốc tất cả lâu đài, thành quách, cây đào với những trái vàng, trái bạc biến thành một áng mây hồng lơ lửng trôi về phía cuối trời. Bà ngoại lại hiện ra, móm mém cười, hiền hậu dang tay ôm hai cháu. Cậu bé, cô bé sà vào lòng bà ngoại thồn thức. Sẽ chẳng bao giờ họ xa nhau nữa. Ba bà cháu lại tần tảo rau cháo nuôi nhau, vất vả thật, nhưng lúc nào cũng tràn đầy tình thương mến.

TRẦN HOÀI DƯƠNG  
(Báo TNTP, 16-2-1979)



## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Màu nhiệm*: như có phép lạ, làm xuất hiện, biến đổi, tiêu tan những cảnh vật chung quanh.

— *Tần tảo*: chăm chỉ làm lụng cho đủ sống.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này giáo dục các em biết yêu quý bà, kính trọng bà, thấy hết công lao của bà đối với gia đình, đồng thời biết trân trọng những ngày còn được có bà bên cạnh mặc dù có phải sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị.

Tranh minh họa cảnh hai đứa cháu sả vào lòng bà ngoại.

#### B — Giáo viên kể:

1. Bà cháu yêu thương nhau trong nghèo khó. Giới thiệu cảnh bà cháu tần tảo nuôi nhau cần nhấn mạnh các ý:

— Hai cháu mồ côi ở với bà ngoại.

— Bà già lắm và cũng nghèo lắm.

— Tuy vậy bà cháu rất thương yêu nhau: « Các cháu riu rít, quần quít quanh bà. Bà móm mém cười hiền từ, nhìn các cháu, dịu bớt những nỗi vất vả cay đắng ».

2. Bà chết để cháu được sung sướng. Kể đoạn này không nên vì thích thú với sự màu nhiệm của phép lạ bà tiên phút chốc tạo ra cảnh giàu có cho hai em bé mồ côi mà coi nhẹ, làm mờ sự hi sinh cao quý của bà

ngoại cho hạnh phúc của các cháu: « Đời sống cực nhọc quá... cháu mình sớm được hạnh phúc ».

3. Cháu vui lòng từ bỏ cảnh giàu có để được sống có bà. Đoạn này gồm những tình tiết cảm động nhất về lòng nhớ thương của hai đứa cháu đối với bà: « ...vàng bạc, châu báu lạnh lẽo không bù lại được tình thương đầm ấm của người bà »..., « Nỗi nhớ thương bà cồn cào ruột gan làm hai anh em ăn ngủ không yên... », « Em gái òa lên khóc cầu mong bà tiên hóa phép cho bà ngoại mình sống lại »..., « Cả hai anh em cùng nói như reo lên... »:

Hình ảnh « bà ngoại lại hiện ra, móm mém cười, hiền hậu dang tay ôm hai cháu » và « cậu bé, cô bé sả vào lòng bà ngoại khóc thôn thức » cần được tái hiện bằng những lời xúc động nhất để gây ấn tượng sâu đậm trong lòng HS.

#### C — Học sinh kể:

##### Câu hỏi gợi ý:

1. Bà và hai cháu sống nghèo khổ nhưng vẫn đầm ấm như thế nào?

2. Sự việc gì bỗng xảy ra khiến cho người bà hi sinh những ngày còn lại của mình vì hạnh phúc của hai cháu?

3. Hai cháu đã trở nên giàu có như thế nào?

4. Tuy vậy, hai cháu có vì thế mà được sung sướng không? Tại sao?

5. Các cháu mong muốn điều gì? Có được như ý không?

#### D — Tổng kết:

Có ông bà mới có cha mẹ. Ông bà đã đem hết sức mình nuôi dạy con cháu, vun đắp cho gia đình ta được



đầm ăm. Được sống với ông bà ngày nào để tỏ lòng yêu thương, kính trọng và biết ơn của ta là một niềm vui lớn.

Đừng có em nào đại dốt hiểu sai lòng ông bà thương yêu ta để sau này phải ân hận!

#### 4. HAI TIẾNG KÌ LẠ

1. Một ông già nhỏ bé có bộ râu dài màu xám đang ngồi trên chiếc ghế dài, vẽ những hình gì không rõ xuống cát bằng đầu nhọn của chiếc ô.

— « Ông ngồi dịch sang bên ». Chú bé Pao-lích đang muốn ngồi bên nói với ông già như thế. Ông già dịch sang một bên, nhìn mặt đỏ gay của chú bé. Hình như chú đang tức tối một điều gì. Ông hỏi: « — Sao, cháu có chuyện gì thế? ».

Pao-lích nhìn ông và nói: « — Điều đó làm ông thích lắm hả? ».

— Không, cháu ạ. Nhưng mà, cháu, cháu mới khóc này, mới giận dỗi này, mới la ó này. Có phải không?

— Đúng! — Pao-lích cầu nhàu — cháu mới bỏ nhà đi ngay lúc này.

— Cháu muốn đi trốn à?

— Chứ sao? bởi vì Lê-na thôi... (Pao-lích nắm tay). Chỉ cần đụng đến cái gì dù nhỏ nhất của chị ấy à, cái tát! Chị Lê-na có hàng đồng viên màu, nhưng chả cho cháu lấy một viên.

— Đây không thể là lý do để cháu đi trốn.

— Đâu phải chỉ có thế! còn bà nữa chứ, bà đã đuổi cháu ra khỏi bếp chỉ vì một củ cà rốt... Bà còn ném cả giỏ lau vào cháu nữa đấy.

Pao-lích thút thít khi nhớ đến điều quá đáng này. Ông già muốn an ủi nó, bèn bảo:

— Không việc gì cháu ạ. Sau trận mưa thì trời sẽ hửng nắng.

— Chả ai yêu cháu cả! Pao-lích lại kêu tướng lên. Anh cháu đi bơi thuyền cũng chả muốn cho cháu đi theo mặc dầu cháu đã bảo trước là cháu sẽ giúp bỏ chèo xuống nước. Anh cháu đâm mạnh xuống ghế và chả nói năng gì cả.

— Anh cháu không muốn cho cháu đi chơi thuyền à?

— Ông cứ hỏi cháu nhiều thế!

Ông già vuốt râu và nói: « Bởi vì ông muốn giúp cháu biết hai tiếng kì lạ! ».

Pao-lích há hốc miệng. Ông già nói tiếp:

— Ông sẽ dạy cho cháu hai tiếng đó. Nhưng cháu phải nhớ nói thật dịu dàng, vừa nói vừa nhìn vào mắt người mà cháu nói với họ. Cháu không được quên: dịu dàng và nhìn vào mắt...

— Hai tiếng ấy nghĩa là thế nào?

Ông già cúi xuống, chòm râu vờn má Pao-lích. Ông thì thầm bảo nó điều gì và sau cùng nói to: — Đúng thế, hai tiếng kì lạ. Và cháu phải biết cách nói đúng như lời ông dặn.

— Thế thì chả khó khăn gì. Bé Pao-lích trả lời với một nụ cười hơi tin.

2. Chú bé chạy về nhà. Chị Lê-na của chú đang vẽ. Có một đồng viên màu trước mặt chị ta: màu xanh, màu lá mạ, màu đỏ... Thấy chú em, cô chị liền vơ các viên màu lại thành một đồng và úp bàn tay che lại.

« Ông già nói chuyện đùa mình chẳng? Một cô gái như thế thì không bao giờ hiểu nổi hai tiếng kì lạ ấy ». Pao-lích tự bảo mình như vậy.



Tuy nhiên, chú bé vẫn đến gần và đứng sau chị. Chú kéo áo chị Lê-na. Chị Lê-na quay lại. Chú bé nhìn vào mắt chị và nói dịu dàng: «Chị Lê-na, chị vui lòng cho em một viên màu nào».

Chị Lê-na rất ngạc nhiên, mở to mắt, tay nới lộ đồng viên màu và nói khẽ:

— Màu nào?

— Màu xanh ấy. Pao-lích bẽn lẽn gợi ý. Chị bằng lòng ngay. Pao-lích cầm viên màu trong tay, bước đi mấy bước rồi chú trả lại cho chị.

Quả thực là viên màu không làm chú thích thú. Chú đang nghĩ đến hai tiếng kì lạ kia.

«Ta đi tìm bà. Bà đang làm bếp. Thử xem bà có đuổi ta không nào». Pao-lích tự bảo mình như vậy. Chú mở cửa bếp. Bà đang lấy ở trong lò ra những chiếc bánh ngọt nóng hổi.

Pao-lích ôm lấy gương mặt nhăn nhoe của bà, nhìn vào tận mắt bà và nói dịu dàng:

— Bà vui lòng cho cháu một mẩu bánh nhé!

Bà đứng lên và cười. Hai tiếng kì lạ thật. Bà chọn cái bánh vàng nhất và trả lời Pao-lích:

— Cháu yêu của bà hãy ăn đi, ăn lúc còn nóng ấy. Pao-lích sung sướng nhảy cẫng lên. Chú sực nhớ đến ông già: «Đúng là một nhà ảo thuật».

Đến bữa ăn trưa, Pao-lích ngoan ngoãn nghe anh kể mọi chuyện. Khi anh cho biết là anh sẽ đi bơi thuyền, Pao-lích đặt tay lên vai anh và khẽ hỏi:

— Anh vui lòng cho em đi với. Anh chú hơi chau mày. Chị Lê-na nói:

— Cho nó đi với, có mất gì đâu.

Bà chú cười: — Lẽ nào không đem em nó đi.

— Anh vui lòng nhé, chắc nhé! Pao-lích lại nói. Anh chú cười xòa, vỗ vai chú, xoa đầu chú và bảo:

— Được rồi, đi, ông bạn đường của tôi.

Hai tiếng ấy lại có một hiệu lực kì lạ!

Pao-lích chạy tới công viên để cảm ơn ông già, nhưng ông không còn đấy nữa. Chỉ còn lại trên cát những hình gì không rõ do chiếc ô vẽ nên.

Theo VA-LĂNG-TANH Ô-XÊ-Ê-VA

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

Ý nghĩa: Lời nói biểu hiện tư tưởng tình cảm, là công cụ giao tiếp. Nói năng hòa nhã thì người nghe dễ cảm thông. Ăn nói cộc lốc thì chẳng ai ưa. Truyện này có khả năng giáo dục cho trẻ ăn nói hòa nhã, có lễ độ.

### II — Lên lớp.

#### A — Giáo viên kể:

1. Cuộc tiếp xúc giữa chú Pao-lích và cụ già ở công viên. Kể về cuộc tiếp xúc này cần chú ý đến những nét tính cách của hai nhân vật thể hiện trong quá trình đối thoại:

— Ông già dáng phúc hậu (nhỏ bé, râu dài màu xám), điềm tĩnh. Chú Pao-lích thì cáu kỉnh, nói năng cộc lốc, thiếu lễ độ («ông ngồi dịch sang bên»; — «Điều đó làm ông thích lắm hả» v.v...).

— Ông già ôn tồn dẫn dắt câu chuyện, giúp chú Pao-lích thổ lộ hết bức xúc chứa chất trong lòng và nắm



được khuyết điểm của chú. Ông làm ra vẻ bí mật khi khuyên chú nên dùng hai tiếng « vui lòng » và có thái độ dịu dàng, thẳng thắn khi tiếp xúc với người trong gia đình. Chú nghe dần ra nhưng vẫn chưa hết hoài nghi lời dạy bảo của ông già.

2. Chú Pao-lích thử thực hiện lời dạy của ông già và thấy nó rất hiệu nghiệm.

Thoạt đầu, chú chưa thật tin (« ông già đùa mình chăng? ») nhưng dần dần, chú thấy:

— Chị Lê-na vui lòng cho chú viên màu mà chú thích;

— Bà chú âu yếm gọi chú là « cháu yêu của bà » và chọn cho chú cái bánh ngon nhất.

— Anh trai chú « cười xoa... xoa đầu chú » và đồng ý cho chú đi bơi thuyền...

Ai cũng ngạc nhiên trước sự thay đổi đột ngột của chú và đáp ứng một cách vui vẻ mọi yêu cầu của chú. Thì ra lời dạy bảo của ông già có hiệu lực thật. Chú tin tưởng. Chú cảm ơn ông già...

Bằng nét mặt và ngữ điệu thích hợp, giáo viên cần cố gắng thể hiện cho được những diễn biến đó trong tâm trạng của từng nhân vật.

*B — Học sinh kể :*

Câu hỏi gợi nhớ diễn biến của truyện:

1. Chú bé Pao-lích gặp ông già ở đâu? Hai người đã nói với nhau những gì?

2. Ông già đã khuyên bảo chú điều gì?

3. Chú đã thực hiện lời khuyên đó và thấy có hiệu lực ra sao?

*C — Tổng kết :*

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

*(Hết)*

## 5. Đám mây nhỏ có lòng tốt

1. Đoàn xe lửa chạy qua một cánh đồng và phụt ra dưới vòm trời đẹp một luồng hơi, tạo thành một đám mây nhỏ. Đám mây trắng, nhẹ, mỏng manh. Nó bay lững lờ và tự nhủ:

— Ta phải giúp ích cho một người nào đó. Ta phải làm được một việc tốt.

2. Đám mây nhìn xuống đất và thấy một đám lúa xanh đang bị hạn. Đám mây bay tới che cho đám lúa đỡ nắng. Những bụi lúa nhỏ kêu lên:

— A! Sẽ có nước, sẽ có nước, mây kia kia!

Nhưng đám mây nhỏ không thể làm mưa được dù nó có vo tròn lại như quả tuyết hoặc trải mỏng ra như một tấm vải.

— Các bạn lúa a! Tôi chỉ là một đám mây nhỏ từ đầu tàu xe lửa phụt ra. Tôi không làm theo mong ước của các bạn được. Tôi sẽ đi gọi những đám mây to từ biển vào nếu tôi gặp họ.

Đám mây nhỏ lại đi và gặp những con chim đang làm tổ.

— Các bạn chim thân mến ơi! Các bạn hãy lấy những sợi tơ của tôi để làm tổ. Tổ của các bạn sẽ đẹp và êm làm sao! Tôi sẵn sàng giúp ích các bạn.

Mấy con chim bay tới để kiếm ít sợi tơ. Nhưng chúng không lấy được một sợi nào. Chúng thất vọng trả lời:

— Tơ của bạn quá nhỏ, quá mịn nên không lấy được. Thôi, chúng tôi sẽ đi lấy những sợi lông cừu vậy.

Đám mây nhỏ lại buồn bã trôi đi, vì chưa làm được việc gì có ích cho người khác.

Đám mây nhỏ thấy một anh chăn ngỗng và muốn sa xuống làm một chiếc khăn quàng cho anh đỡ lạnh.



Nhưng anh chần ngỗng nói: « Những hạt bụi gì thế này? » và lấy mồm thổi đi.

3. Muốn làm được việc tốt không phải là dễ! Đám mây nhỏ ngẫm nghĩ và lại đi. Bỗng đám mây thấy một người đang giơ súng ngắm đôi chim ở trên cây. Đám mây vội sà xuống đầu mũi súng. Người đi săn ngạc nhiên thấy đám khói ở đầu súng. Người ấy tự hỏi:

— Quái lạ! Ta chưa bóp cò mà đạn đã nổ ư? Sao ta không nghe tiếng nổ? Ta điếc chăng? Ta say chăng? Cái gì đã xảy ra?

Trong khi người đi săn còn mãi suy nghĩ thì đôi chim đã thấy động bay đi.

Đám mây nhỏ tốt bụng tự nhủ:

— Ta đã cứu được đôi chim. Đời ta không phải là vô ích.

Đám mây nhỏ, rất bằng lòng với mình và tan biến không một tiếng động, như một cái bong bóng xà phòng tan trong không khí.

Truyện của L. BUC-LE-A-GHE  
(TRINH MẠNH dịch)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

Làm việc tốt, giúp ích cho kẻ khác là biểu hiện của tâm hồn cao đẹp. Đám mây nhỏ, với nhiệt tình cao, đã tìm đủ mọi cách giúp ích cho những kẻ nó gặp trên đường đi và cảm thấy làm như thế là vui, sống như thế là có ích.

Truyện ngụ ngôn này có khả năng giáo dục cho HS biết sống vì mọi người, một cách vô tư, sống có ích cho xã hội.

## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

Nên chuẩn bị một bức tranh minh họa cảnh cuối cùng trong truyện: người đi săn phân vân nhìn đôi chim bay đi, mũi súng còn vương khói. Tranh này sẽ cho HS xem khi kể xong câu chuyện nhằm gây thêm hứng thú, củng cố thêm trí nhớ cho các em.

### B — Giáo viên kể:

1. Sự xuất hiện và ý định tốt đẹp của đám mây nhỏ. Ở đoạn này, nên lưu ý HS đến 2 chi tiết:

— Đám mây nhỏ, mỏng manh (không cần phải to lớn mới làm nên việc tốt).

— Đám mây nhỏ tự nhủ: Ta phải giúp ích... Ta phải làm được một việc tốt (đó là quyết tâm của đám mây nhỏ).

2. Những cố gắng bền bỉ của đám mây nhỏ trong việc giúp đỡ kẻ khác. Ở đoạn này cần nhấn giọng những từ ngữ nói lên nhiệt tình của đám mây nhỏ:

— Đối với đồng lúa bị hạn hán: « tôi sẽ gọi những đám mây to hơn từ biển vào... ».

— Đối với những con chim đang làm tổ: « tôi sẵn sàng giúp đỡ các bạn ».

— Đối với người chần ngỗng: « muốn sà xuống làm một chiếc khăn quàng cho anh đỡ lạnh ».

Công việc chưa đạt kết quả thì nó « buồn bã trôi đi »...

3. Niềm vui hồn nhiên của đám mây nhỏ khi cứu được đôi chim khỏi bị bắn chết. Ở đoạn này, kể xong tình tiết « đôi chim đã thấy động bay đi », nên dành một ít phút để HS trao đổi thêm: tại sao đám mây nhỏ đã cứu đôi chim thoát chết? Phải chăng:

— Nó ngăn đường đạn? (không thể được).



— Nó che mắt người đi săn? (không phải).

— Nó làm cho người đi săn ngạc nhiên, thắc mắc về sự xuất hiện của làn khói đầu mũi súng do đó lỡ mất thời gian, nên đôi chim đã kịp bay đi.

Làm việc tốt một cách *vô tư*, nó tự *bằng lòng* mình, không đòi hỏi, không khoe khoang gì, nó *tan biến* một cách lặng lẽ, khiêm tốn.

C — Học sinh kể:

Hường dẫn HS kể lại từng đoạn rồi cả truyện theo những câu hỏi gợi ý sau đây:

1. Đám mây nhỏ từ đâu ra? Nó quyết chí làm gì?

2. Nó đã cố gắng giúp ích cho những ai? Như thế nào?

3. Làm được việc tốt, nó có suy nghĩ gì?

D — Tổng kết:

Biết yêu thương kẻ khác, luôn luôn tìm cách giúp ích cho kẻ khác là đức tính cao đẹp của con người mới. Nhưng làm được việc tốt không phải dễ. Phải có nhiệt tình, phải cố gắng bền bỉ. Chưa thành công, ta không nản chí. Thành công rồi, ta vẫn khiêm tốn, không khoe khoang.

Các em hãy là đám mây nhỏ trong phong trào thi đua làm nghìn việc tốt của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

## 6. CON CHIM NHỎ

1. Xi-ri-ô-gia mừng ngày sinh của mình. Em nhận được bao nhiêu là đồ chơi. Chó sói, ngựa, tranh ảnh... Nhưng thích nhất là chiếc lưới bẫy chim của người anh họ gửi cho. Chiếc lưới ấy như thế này: ngoài cửa

lưới có miếng gỗ nhỏ, rắc thóc lên đó rồi để ngoài sân. Hễ chim đậu vào mỏ thóc là miếng gỗ bật lên, lưới khép chặt lại. Xi-ri-ô-gia mừng quá, chạy lại khoe với mẹ. Mẹ nói:

— Thứ đồ chơi ấy không tốt. Con bắt chim để làm gì? Con hành hạ chúng làm gì?

Xi-ri-ô-gia trả lời mẹ:

— Con sẽ nhốt chim vào lồng. Con sẽ nuôi cho chim hót.

Xi-ri-ô-gia lấy thóc rắc lên miếng gỗ nhỏ rồi đem lưới đặt ngoài vườn. Xi-ri-ô-gia đứng chờ, chờ mãi, chờ cho chim bay tới. Nhưng chim sợ không bay vào lưới. Xi-ri-ô-gia để lưới đấy đi ăn cơm. Sau bữa ăn, em chạy ra nhìn thì thấy lưới đã sập, một con chim nhỏ đang giãy giụa trong lưới. Xi-ri-ô-gia mừng rỡ, bắt chim mang vào nhà.

Xi-ri-ô-gia khoe với mẹ:

— Mẹ ơi, mẹ xem này, con bắt được chim rồi, chắc là chim họa mi mẹ ạ. Ừ dà, tìm nó đập thình thình.

Mẹ bảo:

— Đây là chim bạch yến. Đừng làm tội nó con ạ. Tốt hơn là con thả nó ra.

Xi-ri-ô-gia thưa lại mẹ:

— Mẹ yên trí, con sẽ cho nó ăn, cho nó uống, con sẽ chăm sóc nó.

Xi-ri-ô-gia nhốt chim vào lồng và trong hai ngày rắc thóc cho chim, thay nước, rửa lồng... Đến ngày thứ ba thì Xi-ri-ô-gia quên mất chim và không thay nước.

Mẹ bảo:

— Đây, con quên chim rồi. Cứ thả nó ra là hơn.

Xi-ri-ô-gia lại nói:

— Không, con sẽ không quên nữa. Con đi thay nước và rửa lồng ngay bây giờ.



Xi-ri-ô-gia cho tay vào lồng để lau chùi. Chim bạch yến sợ hãi, cuống cuống đập cánh nháy khắp lồng. Xi-ri-ô-gia dọn sạch lồng xong bỏ đi lấy nước. Mẹ trông thấy Xi-ri-ô-gia quên đóng cửa lồng bèn gọi nhắc:

— Con không đóng cửa lồng chim, chim bay ra mất và coi chừng nó chết đấy.

2. Mẹ chưa nói dứt lời thì chim bạch yến đã trông thấy cửa lồng. Nó xòe cánh vội vàng bay ra khỏi lồng và phóng ra cửa sổ, nhưng chim không nhìn thấy cửa kính nên đập đầu vào kính ngã lún xuống mép cửa.

Xi-ri-ô-gia vội chạy đến vò lấy chim đem nhốt vào lồng. Bạch yến còn sống nhưng nằm xệp xuống, rã cánh và thở mệt nhọc. Xi-ri-ô-gia nhìn chim rồi phát khóc:

— Mẹ ơi, con làm thế nào bây giờ hở mẹ?

Mẹ lắc đầu đáp:

— Bây giờ thì chẳng làm thế nào được nữa!

Suốt ngày, Xi-ri-ô-gia không rời chiếc lồng chim. Em ngồi nhìn con chim nhỏ, con chim thì vẫn nằm xệp và thở dồn dập nặng nề. Khi Xi-ri-ô-gia đi ngủ, chim vẫn còn sống. Cậu bé mãi không ngủ được. Mỗi lần nhắm mắt, Xi-ri-ô-gia lại hình dung con chim bạch yến đang nằm thở dốc. Sáng dậy Xi-ri-ô-gia lại gần lồng chim thì thấy bạch yến nằm ngửa, chân duỗi thẳng cứng đờ.

Từ đấy Xi-ri-ô-gia không bao giờ bắt chim nữa.

LEP TÔN-XTÔI

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chủ giải*: — *Hành hạ*: làm khổ người hay vật khác.

— *Bạch yến*: loại chim én nhỏ, màu trắng, hót hay.

b) *Ý nghĩa*: Xi-ri-ô-gia yêu chim, thích nuôi chim. Nhưng cũng như các cậu bé khác, Xi-ri-ô-gia đáng trí và đã vô tình làm chết con bạch yến cậu bắt được.

Truyện này giáo dục trẻ không nên nhốt chim trời vào lồng.

#### II — Lên lớp.

##### A — Chuẩn bị:

Tranh minh họa Xi-ri-ô-gia thả thỏ trước con chim bạch yến chết trong lồng.

##### B — Giáo viên kể:

Truyện này có thể chia làm hai đoạn:

1. Xi-ri-ô-gia bắt được con bạch yến và nuôi nó trong lồng.

2. Xi-ri-ô-gia vô tình làm chết con chim. Cậu bé hối hận. Cách kể truyện này có mấy điều cần chú ý như sau:

— Xi-ri-ô-gia yêu chim, thích nuôi chim. Bắt được con bạch yến, cậu mừng rỡ (Mẹ ơi! mẹ xem này... tìm nó đẹp thành hình). Cậu chăm sóc nó tận tình. Nhưng, cũng như các cậu bé khác, cậu đáng trí, chỉ được ba hôm đã quên mất chim và vô tình, cậu đã gây nên cái chết oan uổng cho nó. Khi chim còn sống, cậu rắc thóc cho nó ăn, thay nước, rửa lồng. Khi nó bị thương, suốt ngày cậu không rời nó; đêm, cậu thao thức không ngủ được. Khi nó đã chết, cậu không bao giờ bắt chim nữa. Như vậy, Xi-ri-ô-gia là một cậu bé đáng yêu. Cậu mắc khuyết điểm chỉ vì thích một trò chơi không tốt mà cậu chưa lường hết hậu quả.



Kể về cậu, cần thể hiện được *cái chất ngây thơ, hồn nhiên của tình cảm trẻ thơ*: khi mừng rỡ (bấy được chim), khi sôi nổi nhiệt tình (chăm sóc chim) cũng như khi lo lắng (chim bị thương) và buồn bã, ân hận (trước con chim ngắc ngoải).

— Bà mẹ Xi-ri-ô-gia là người mẹ hiền. Bà ôn tồn dạy con bằng tình yêu loài vật, tình yêu thiên nhiên: «Con bắt chim để làm gì? Con hành hạ chúng làm gì?» (khi Xi-ri-ô-gia có ý định bắt chim); «Đừng làm tội nó con ạ»; «Tốt hơn là con thả nó ra» (khi cậu bé nhốt chim); «Cứ thả nó ra là hơn» (khi cậu bé quên chăm sóc chim) và «Bây giờ thì chẳng làm thế nào được nữa» (khi con chim ngắc ngoải).

Bởi thế, khi kể, cần thể hiện rõ tính cách đôn hậu của bà.

#### C — Học sinh kể:

1. Xi-ri-ô-gia được người anh họ tặng cho đồ chơi gì? Cậu có lấy làm thích không?

2. Cậu đã bắt được con chim bạch yến như thế nào? Mẹ cậu bảo gì?

3. Cậu bé đã nuôi con chim chu đáo nhưng có khi đã quên chăm sóc nó ra sao?

4. Con chim sổ lồng, bị thương rồi chết như thế nào? Cậu bé lo lắng, buồn bã và ân hận ra sao?

#### D — Tổng kết:

Chim chóc, bằng hình dáng, màu sắc, tiếng hót muôn vẻ, bằng công lao diệt trừ sâu bọ cho mùa màng là những bạn đáng yêu quý của chúng ta. Hãy để các bạn ấy tự do sống trong thiên nhiên và làm cho đời thêm vui, thêm đẹp.

## 7. TÌNH ANH EM

1. Ngày xưa, ở nước Triều Tiên có ông cụ sinh được hai con trai là Năng Ba và Hưng Ba. Khi hấp hối, cụ gọi hai con lại bên giường dặn rằng: «Các con là anh em ruột thịt. Sau khi cha mất, các con phải ăn ở hòa thuận, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Có như thế thì cha nhắm mắt mới yên lòng».

2. Sau khi cha mất, Năng Ba và Hưng Ba vẫn sống chung một nhà. Nhưng Năng Ba có tính tham lam mà vợ anh ta cũng rất xấu bụng. Họ chiếm hết của cải cha để lại và bắt vợ chồng Hưng Ba làm lụng rất vất vả.

Một hôm đi làm đồng về, Hưng Ba thấy chị dâu lấy đĩa cả đánh lên đầu con mình, giận lắm nhưng không nói gì. Thế mà vợ Năng Ba còn sinh sự chửi bới thậm tệ. Muốn đuổi em khỏi nhà từ lâu, nên Năng Ba bênh vợ, bảo em:

— Chú thím con định ám hại gia đình tôi đến bao giờ nữa? Liệu mà kiếm đường đi làm ăn!

Vợ chồng Hưng Ba vốn hiền lành nên lặng lẽ thu dọn áo quần dắt con đi tay không.

3. Ba con người khốn khổ ấy lang thang suốt ngày, không một hạt cơm dính bụng. Đói, khát, đứa bé khóc la thảm thiết.

Tối đến, họ kéo nhau vào một cái hang núi trú chân. Vốn khỏe mạnh, sáng hôm sau Hưng Ba vào rừng kiếm cho vợ con được ít rau củ ăn đỡ đói và chặt cây, cắt cỏ dựng được một cái lều nhỏ. Vợ anh bảo: «Lều thấp hẹp, trống trải thế này thì làm sao sống nổi qua mùa đông, khi mưa xuống, tuyết rơi?».

Hưng Ba cười đáp:

«Không hề gì. Có thể thì trời đất mới thấy rõ nỗi khổ của ta, thương ta hiền lành mà vất vả và không



chúng sẽ giúp đỡ ta cũng nên. Minh đừng quá lo mà mang bệnh, không ai chăm sóc con!».

Mùa đông trôi qua. Ai nấy đều bình yên.

Xuân đến. Trăm hoa rừng đua nở. Chim chóc liu lo trên cành.

Bỗng một con yến bị rắn cắn gãy một chân rơi xuống trước cửa lều. Hưng Ba đỡ chim lên, xức thuốc, buộc lại vết thương rồi treo lên cây, đặt nó vào tổ.

Mùa thu năm ấy bà chúa Yến họp đại hội. Con chim bị thương cũng có mặt và đã nhảy múa được. Thấy nó khập khiễng, bà chúa Yến hỏi nguyên do. Nó liền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Rất cảm động trước lòng tốt của vợ chồng Hưng Ba, bà giao cho con Yến bị thương một hạt bầu trắng làm quà biếu Hưng Ba.

Được hạt bầu ấy, Hưng Ba cẩn thận gieo xuống sau vườn. Chẳng bao lâu, cây mọc lên, đâm hoa và kết thành năm quả bầu lớn. Vợ chồng Hưng Ba định bẻ ra ăn thì thấy vỏ cứng như gỗ, phải cưa mãi mới đứt phần trên. Lạ lùng thay! Từ quả bầu thứ nhất tuôn ra không biết bao nhiêu là vàng bạc, châu báu. Sung sướng quá, họ cưa tiếp các quả còn lại. Quả thứ hai để rơi ra một nắm đá cuội và đá ấy bỗng chốc biến thành lâu đài tòa ngang, dãy dọc nguy nga. Quả thứ ba chứa toàn gấm vóc, tơ lụa. Quả thứ tư để chảy ra đủ thứ gạo, đậu ngon lành. Quả thứ năm cho hàng chục người giúp việc khỏe mạnh. Thế là bỗngưng vợ chồng Hưng Ba trở nên giàu có sung sướng.

4. Người anh ruột là Năng Ba đến chơi thấy vậy rất thèm thuồng. Nghe em kể lại câu chuyện con chim yến bị thương và những quả bầu tiên, khi trở về, thấy một con yến đậu trước nhà, anh ta nhặt hòn đá, ném nó gãy chân rồi cũng băng bó cho nó như em mình, đã làm.

Năm ấy, con chim này cũng bay về nam dự hội. Nó trình bày mọi việc đã xảy ra với bà chúa Yến. Bà chúa Yến tức giận, trao cho con chim một hạt bầu khác bảo mang về cho Năng Ba.

Được hạt bầu, Năng Ba mừng quýnh, đem gieo ngay trước cửa. Hạt bầu cũng nảy mầm, ra hoa, kết quả. Nhưng khi cưa ra thì thấy hiện lên một ông phù thủy gỗ mõ khua chuông âm ỉ. Một lũ quỷ sứ ào ra quất tháo ỳnh ỏi, phá phách nhà cửa tan hoang. Rắn rết không rõ từ đâu kéo đến lồm ngồm trong ngoài, chạt cả lối đi.

Vợ chồng Năng Ba kêu khóc om sòm. Làng xóm vẫn không ai đến. Chúng phải bỏ làng kéo nhau đi ăn xin.

5. Một hôm, gặp Hưng Ba, người anh tửi nhục quá, khóc òa lên như một đứa trẻ. Vốn tốt bụng, Hưng Ba đón anh vào, rót mời một li rượu, và nói:

— Anh đã biết hối hận thì hãy cùng em cạn li rượu này để quên hết mọi nỗi đau buồn đã qua và mừng cho anh em chúng ta được nối lại như lời bố dặn. Từ đó, Hưng Ba cho đón cả gia đình người anh về nhà mình và anh em lại sống với nhau rất hòa thuận.

Phỏng theo « Tình anh em » —  
Truyện cổ Triều Tiên của  
TAE HUNG HA  
(Nhà xuất bản Khai Trí)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — *Phù thủy*: loại người thời xưa do mê tín người ta cho rằng có bùa phép sai khiến và diệt trừ được ma quỷ.



b) Ý nghĩa: Truyện này ca ngợi Hưng Ba tốt bụng, biết quý trọng tình anh em và phê phán Năng Ba xấu bụng, đối xử tệ với em trái lời cha dặn lại.

Anh em phải hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau. Ở hiền thì gặp lành. Gian tham thì bị trừng phạt. Đó là những ý nghĩa giáo dục của truyện này.

## II — Lên lớp.

### A — Giáo viên kể:

1. Lời dẫn dò của cha trước khi nhắm mắt. Đoạn mở đầu này ngắn nhưng quan trọng vì nó nêu lên chủ đề chính của câu chuyện: « Anh em phải hòa thuận, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau ».

2. Năng Ba tham lam, đối xử với em rất tệ: Hắn không ghi nhớ lời dặn dò của cha. Hắn chiếm hết gia tài cha để lại và kiếm cớ đuổi em ra khỏi nhà, tay không. Khi kể, cần làm cho HS thấy rõ: hắn « muốn đuổi em khỏi nhà từ lâu »; hắn nhieéc móc và xua đuổi em « chú thím còn ám hại... liệu kiếm đường đi làm ăn ».

3. Hưng Ba tốt bụng, được bà chúa Yến phù hộ, trở nên giàu có. Đoạn này, cần:

— Kể lướt qua cảnh khổ sở của Hưng Ba sau khi bị anh đuổi.

— Kể tỉ mỉ việc Hưng Ba cứu giúp con chim bị nạn, được bà chúa Yến biếu cái hạt bầu tiên sinh ra những quả bầu kì lạ mang lại giàu có sung sướng cho anh.

4. Năng Ba tham lam bị bà chúa Yến trừng phạt đích đáng. Kể đoạn này, cần làm cho HS thấy rõ:

— Chính Năng Ba đã gây nên thương tích cho con chim Yến để mưu lợi.

— Do đó, hắn phải chịu những tai họa khủng khiếp: quỷ sứ ào ra phá phách nhà cửa tan hoang, rắn rết kéo đến lồm ngồm chặt cả lối đi; làng xóm không ai đoái hoài v.v...

Hai đoạn 3 và 4 này thể hiện một quan điểm triết lí về cuộc sống. Ở hiền gặp lành. Ở ác, gặp tai họa.

5. Tình anh em được nối lại do lòng tốt của Hưng Ba.

Cũng như đoạn mở đầu, đoạn kết thúc này ngắn nhưng rất quan trọng. Hưng Ba sẵn sàng quên chuyện cũ, đón anh về nhà để nối lại tình anh em đã có một thời gian đứt vỡ. Đây lại là sự thể hiện chủ đề chính của câu chuyện.

### B — Học sinh kể:

1. Cha của Năng Ba và Hưng Ba dặn lại điều gì trước khi sắp chết?

2. Năng Ba đã đối xử với em như thế nào sau khi cha mất?

3. Bị đuổi khỏi nhà anh, Hưng Ba sống khổ sở ra sao?

4. Do tốt bụng, Hưng Ba đã cứu một con chim yến bị rắn cắn và được bà chúa Yến trả ơn như thế nào?

5. Ngược lại, do tham lam, Năng Ba đã bị bà chúa Yến trừng phạt ra sao?

6. Cuối cùng, vì sao tình anh em được nối lại?

### C — Tổng kết:

Anh em như thể tay chân

Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.

(Ca dao)



### 8. CHÚ BÉ VỚI LÊ-NIN

1. Chú bé ở làng An-đi-ra. Tay chú xách nhiều chiếc giỏ mây. Đối với chú, con đường này quen thuộc lắm. Đây là cánh đồng, kia là con sông nhỏ có cái cầu bắc qua. Bên kia cầu có con đường hẹp chạy lên mặt quả đồi. Trên đồi, khuất sau rừng cây to là một ngôi nhà quét vôi trắng có nhiều cột... Đến gần ngôi nhà, chú bé theo kịp một người lạ mặt mình mặc chiếc áo xanh, chân đi đôi giày vải. Chú bé chỉ tay bảo:

— Bác à, ông Lê-nin ở đây đấy!

Người mặc áo sơ mi xanh hất cao chiếc mũ lưỡi trai lên tận đỉnh đầu để lộ vàng trán rộng, nhú mắt cho khỏi chói, nhìn chú bé. «Bác này ở tỉnh chắc...», chú bé nghĩ vậy và nói thêm:

— Vùng của cháu đẹp lắm, bác ạ. Người ở tỉnh thường đến đây luôn.

Ông khách lạ đồng tình:

— Cháu nói đúng đấy! Phong cảnh ở đây tuyệt đẹp.

2. Chú bé và ông khách cùng đi một đường. Bỗng nhiên, chú bé lại hỏi:

— Giá mà cháu được thấy ông Lê-nin nhỉ?...

— Để làm gì?

— Để cháu biết ông ấy thế nào...

Người lạ bảo:

— Ông ấy bình thường như mọi người. Người ta bảo ông ấy giống bác, đến nỗi trông hai người không phân biệt được.

— Không!... Bác không giống Lê-nin đâu!

Người mặc áo xanh cười vui vẻ, lắc đầu:

— Thôi được, thế nghĩa là cháu bảo bác không giống chứ gì?...

Chú bé liếc nhìn chiếc áo sơ mi xanh và đôi giày vải, giải thích:

— Ông Lê-nin không mặc áo xanh đâu. Ông Lê-nin mặc áo vét-tông đen hay cái áo dài thế này chứ!

Chú bé mãi vui chuyện với người lạ mặt, không để ý là đã đi đến chỗ mấy cây to. Phía sau rừng cây là ngôi nhà quét vôi trắng có nhiều cột.

Người khách lạ đứng lại. Ông hỏi chú bé:

— À, tên cháu là gì nhỉ?

Chú bé đáp:

— Tên cháu là Mi-sa. Bây giờ cháu phải đến lấy bắp cải ở nông trường.

— Nào, thôi cháu đi thẳng nhé, bác phải rẽ lối này. Chào cháu Mi-sa nhé.

Chú bé tiếp tục đi một mình. Đi được một đoạn, chú gặp một bà nông dân cầm một cái cào đứng ở đám ruộng rìa đường. Bà ta chống cào hỏi:

— Em vừa nói chuyện gì với ông Lê-nin ở kia thế?

Chú bé nghe nói, đặt ngay mấy cái giỏ xuống đất và định chạy trở lại, nhưng Lê-nin đã đi khuất.

Tập đọc lớp ba - 1980 - hệ 12 năm

### HƯỚNG DẪN

I - Tìm hiểu truyện.

Truyện kể về một em bé được gặp Lê-nin, nói chuyện với Người mà vẫn không hay biết đó chính là Lê-nin. Hoàn cảnh đó làm nổi bật lòng kính yêu Lê-nin của em bé và đức tính giản dị, khiêm tốn, lòng yêu quý thiếu nhi của Lê-nin.



## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

— Một vài tranh ảnh về Lê-nin cho HS xem trước khi kể chuyện.

— Một bức ảnh về tình yêu thương của Lê-nin đối với thiếu nhi cho các em xem sau khi kể.

### B — Giáo viên kể:

#### 1. Cuộc gặp gỡ không hẹn trước giữa em bé với Lê-nin.

Nên kể thông thả để HS hình dung được:

— Hình ảnh Lê-nin với cái áo sơ mi xanh, đôi giày vải, cái mũ lưỡi trai, vàng trán rộng...

— Em bé hồn nhiên nhằm Lê-nin với « những người ở tỉnh » vẫn thường đến thăm quê em.

#### 2. Em bé nói chuyện với Lê-nin mà không biết đó chính là Người.

Đoạn này rất giàu kịch tính: Cần làm nổi bật thái độ của hai nhân vật trong đối thoại: Lê-nin thì vui vẻ, thân ái: « Người ta bảo ông ấy giống bác đến nỗi trông hai người không phân biệt được ». Em bé thì một mực khẳng định Người không phải là Lê-nin: « Ông Lê-nin mặc áo vét-tông đen hay cái áo dài thế này chứ!... ».

3. Em bé rất tiếc một dịp may hiếm có đã qua đi. Đoạn này cần nhấn mạnh chi tiết: « ... đặt ngay mấy cái giỏ... định chạy trở lại nhưng Lê-nin đã đi khuất ».

### C — Học sinh kể:

1. Em bé được gặp Lê-nin ở đâu? Em có biết đó là Lê-nin không? Tại sao?

2. Lê-nin và em bé đã trò chuyện với nhau những gì? Khi chia tay, Lê-nin chào tạm biệt em như thế nào?

3. Khi được biết người vừa nói chuyện với em là Lê-nin, em bé đã tỏ ra rất tiếc cuộc gặp gỡ đó như thế nào?...

### D — Tổng kết:

Lê-nin là một vị lãnh tụ rất giản dị, khiêm tốn, Người rất yêu mến thiếu nhi và thiếu nhi cũng rất kính yêu Người.

## 9. ĐƯỜNG LÊN TRỜI

1. Ngày xưa, có một chàng trai tốt bụng, khỏe mạnh, làm nương giỏi, đi rừng kiếm củi nhanh gấp đôi kẻ khác mà vẫn đói rách.

Anh quyết định tìm đường lên trời hỏi xem cớ sao mình phải khổ sở như vậy. Đi một mạch từ sáng sớm đến lúc mặt trời lặn, anh dừng chân nghỉ nhờ một nhà bên chân núi. Bà chủ nhà hỏi chuyện đầu đuôi, anh nói thực:

— Tôi lên trời hỏi xem tại sao những người khỏe mạnh, chăm làm như tôi mà vẫn khổ.

Bà chủ nhà liền nói:

— Nhân thế, cháu làm ơn hỏi hộ xem tại sao đứa con gái của bác đã năm tuổi mà chưa biết nói. Hay là nó bị câm?

Chàng trai nhận lời. Sáng hôm sau, anh ra đi từ tỉnh mơ. Gặp một con sông lớn, chưa tìm được cách sang thì anh bỗng thấy một con thuyền luồng đen to nổi lên nhận đưa anh qua sông. Biết anh lên trời, thuyền luồng nhờ anh hỏi xem tại sao mười tám năm liền, nó chuyên công giúp người qua sông mà chưa hóa thành rồng được. Chàng trai lại vui vẻ nhận lời.



2. Anh băng rừng, vượt suối đi ngày đi đêm không biết mỏi. Một hôm, mệt quá, anh ngã lưng vào một gốc cây to, ngủ thiếp đi.

Bỗng xuất hiện một cụ già vẻ mặt hiền lành, tóc trắng như mây, da hồng như mặt trời buổi sáng. Cụ lay anh dậy rồi ân cần hỏi chuyện. Anh lễ phép thưa:

— Thưa người già, con muốn lên trời...

Anh chưa nói hết, ông cụ đã ngắt lời:

— Có việc gì hỏi trời, con cứ nói với ta. Nếu giúp được con, ta không ngại. Nhưng ta đang bận. Con chỉ được hỏi hai điều thôi.

Chàng trai nói:

— Thưa người già, một người đàn bà ở chân núi nọ có đứa con gái đã lên năm tuổi mà vẫn chưa biết nói, không hiểu vì sao?

Cụ già mỉm cười:

— Muốn cháu bé nói được, thì người mẹ phải đào lấy hũ vàng bên phải và hũ bạc bên trái quả núi cạnh nhà đi.

Chàng trai hỏi tiếp:

— Con qua sông lớn, có con thường luồng nhờ hỏi tại sao mười tám năm liền nó chở giúp người qua sông mà chưa được hóa thành rồng.

— Con bảo nó nhả viên ngọc trong mồm ra thì mới bay lên được. Chàng trai vui mừng quá, cúi sát đất cảm ơn ông cụ. Khi anh ngẩng lên định hỏi tiếp về số phận của mình thì cụ già đã biến mất. Anh rất lấy làm tiếc nhưng vẫn vui vẻ vì đã giúp được việc cho người khác.

3. Anh quay về.

Tới sông, thường luồng nổi lên đón anh. Anh truyền lại lời của cụ già. Thường luồng cảm ơn, cõng anh qua sông rồi nhả viên ngọc ra biếu anh. Đó là một viên

ngọc quý, dùng làm thuốc chữa được mọi bệnh tật, mang trong người thì hết ốm đau.

Thường luồng hóa ra rồng rồi bay về trời.

Đến nhà người mẹ có con gái cảm hôm trước, anh thấy bà đang đợi anh ở cửa. Theo lời anh truyền lại, bà đào vàng bạc lên. Lạ thay, đứa bé gái bỗng cất tiếng gọi « Mẹ ơi! »

Cảm ơn chàng trai tốt bụng, bà đưa biếu anh một nửa số vàng bạc đào được.

Từ đó, chàng trai trở nên giàu có. Anh lấy vàng bạc chia bớt cho một số bạn nghèo trong thôn xóm và dùng viên ngọc quý chữa bệnh cho mọi người.

Ai nấy đều yêu mến, kính trọng anh.

Phỏng theo « Truyện cổ Dao »

(Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc — 1978)

HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu truyện.

a) Chú giải:

— Thường luồng: tên gọi một loại bò sát (như cá sấu...) có mào, ở dưới nước, thường được nói đến trong thần thoại, truyền thuyết.

— Dao: tên gọi một dân tộc ít người sống ở miền núi Việt Bắc.

b) Ý nghĩa: Truyện cổ tích này ca ngợi người lao động tốt bụng, giàu lòng vị tha (biết quan tâm tới lợi ích của người khác trước khi lo tới lợi ích của chính mình) và thể hiện ước mơ của người xưa muốn cho người tốt được sung sướng.



II — Lên lớp.

A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ một con rồng bay lên trời (cho HS xem khi kể đến sự xuất hiện của nhân vật này).

B — Giáo viên kể:

1. *Chàng trai tốt bụng trên đường đi lên trời hỏi về số phận mình.*

Đoạn này cần nhấn mạnh hai ý chính:

— Anh là người lao động khỏe, làm việc bằng hai người thường mà vẫn đói rách. Sự bất công đó đã thúc đẩy anh tìm đường lên trời — Trời là khái niệm về một quyền uy vạn năng trong tư tưởng người xưa — để được giải thích về số phận mình.

— Vốn tốt bụng, trên đường đi, anh đã nhận lời nhắn hỏi của bà mẹ có đứa con gái câm và của con thường luồng lâu năm chưa được hóa rồng. Đối với ai, anh cũng vui lòng nhận lời, không tính toán hơn thiệt.

2. *Cuộc gặp gỡ vội vã giữa Trời và chàng trai tốt bụng.*

Để làm nổi bật lòng vị tha của chàng trai, ở đoạn này, nên lưu ý HS đến hai điểm sau:

— Trời bận, chỉ cho phép hỏi hai điều thôi.

— Không tính toán, chàng trai đã hỏi giúp trước. Đến lượt anh định hỏi về số phận mình — và đây chính là mục đích của chuyến đi — Thì Trời đã biến mất. Vốn là người tốt bụng đã giữ trọn lời hứa với người khác, nên anh có tiếc nhưng vẫn vui lòng.

3. *Lòng tốt của chàng trai được đền đáp xứng đáng.*

Thuồng luồng biểu anh viên ngọc quý. Bà mẹ có con câm chia cho anh nửa số bạc, vàng đào được. Nhưng

anh không hưởng hạnh phúc một mình. Ngọc, anh dùng chữa bệnh cho đồng bào. Vàng bạc, anh chia sẻ cho người nghèo cùng thôn xóm.

Đoạn này nên kể với thái độ lạc quan tin tưởng, làm nổi rõ chủ đề « ở hiền gặp lành » của truyện.

C — Học sinh kể:

Để thay đổi hình thức tập kể chuyện cho HS, có thể cho các em kể lại từng đoạn theo lối phân vai diễn xuất. Người dẫn truyện là GV.

Đoạn 1: Chàng trai trên đường đi lên trời (3 nhân vật: chàng trai, người mẹ bên chân núi, con thường luồng ở bờ sông).

— Đoạn 2: Cuộc gặp gỡ giữa chàng trai và Trời (2 nhân vật).

— Đoạn 3: Chàng trai trên đường về (4 nhân vật — thêm em bé gái câm).

D — Tổng kết:

Ở hiền thì gặp lành.

Ta nên sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác khi cần thiết.

## 10. CÁI GÓI TRÔI DƯỚI NGÒI

1. Trời đã quá trưa. Con trâu cứ giăng dây thừng, tạt vào bụi rậm, Thăm buộc nó dưới bóng cây rồi cầm liềm, sọt ra bờ ruộng cắt cỏ. Chỉ một lát em đã cắt đầy sọt cỏ non. Em trút cỏ ra cho trâu ăn rồi ngồi dựa lưng vào gốc cây học bài. Con trâu ăn xong sọt cỏ thì Thăm cũng vừa thuộc bài.

Em đeo túi sách, nhảy lên lưng trâu, đứng đỉnh ra khỏi bóng cây. Bỗng bốn chấm đen hiện lên trên nền



trời phía biển. Máy bay địch! Thầm nhảy xuống hào giao thông. Con trâu đứng yên như tượng đá.

Một anh bộ đội từ phía con ngòi phóng xe đạp tới. Anh vừa ngẩng nhìn máy bay, vừa vội đạp xe đi thẳng.

Máy bay qua rồi, Thầm cho trâu xuống ngòi. Chợt em nhìn thấy cái gói vải nhựa nửa chìm, nửa nổi sát chân chiếc cầu bắc qua ngòi. Thầm tự hỏi: Cái gói gì?

« Gói thuốc nổ máy bay giặc vừa thả xuống? ». Thầm chợt nghĩ vậy. Em vội ghìm dây thừng lại rồi dắt trâu lên đoạn ngòi phía trên để tránh.

Thầm vừa kì cọ cho trâu, vừa nghĩ: « Cái gói ấy mà nổ thì chiếc cầu sập mất ». Em vội chạy tới phía chân cầu để vớt cái gói lên. Thầm đã lội xuống nước, nhưng bỗng đứng sững lại. Em hơi sợ. Cái gói cứ giật dãn vào chân cầu. Thầm đánh bạo lội ra vớt nó lên bờ.

2. Vớt được cái gói rồi, nhưng biết làm thế nào bây giờ? Chợt Thầm nghĩ ra một cách. Em ôm cái gói chạy đến hào giao thông ném cái gói ra xa, rồi nhảy vội xuống hào, bịt tai lại. Đợi mãi chẳng thấy nó nổ, em lại nhảy lên ném lần thứ hai. Cái gói vẫn không nổ. Thầm ôm cái gói vào lùm cây mở ra xem. Trong gói toàn là giấy bạc mười đồng mới nguyên. Thầm lo quá, gói lại cẩn thận, giấu kín vào lùm cây, rồi chạy ra đường, hồi hộp nhìn ngược, nhìn xuôi.

Anh bộ đội mà Thầm gặp lúc nãy đi tới, anh đi chậm chậm, mắt nhìn hai bên đường như muốn tìm kiếm vật gì. Gặp Thầm anh kể cho Thầm nghe chuyện anh mất gói tiền. Anh tả đúng hình dáng cái gói mà Thầm vừa vớt được. Em chạy ngay vào lùm cây lấy cái gói lúc nãy trao lại cho anh.

3. Anh bộ đội mừng quá, cảm ơn Thầm rồi rút ngay ví đưa cho Thầm năm mươi đồng. Thầm lắc đầu, một mực từ chối không nhận.

Anh lại cởi chiếc đồng hồ đưa cho Thầm và nói:

— Em hãy giữ lấy làm kỷ niệm. Nhờ em mà anh lấy lại được số tiền của đơn vị. Em hãy cầm lấy cho anh vui lòng.

Thầm bảo:

— Cô giáo dạy chúng em không nên tham của người, em không nhận đâu... Anh cứ yên tâm.

Theo NGUYỄN QUỲNH

(« Một ngày vui » — Nhà xuất bản Kim Đồng — 1971)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— Ngòi: dòng nước nhỏ từ sông lớn chảy rẽ vào ruộng, vào làng.

— Máy bay địch: ở đây chỉ máy bay giặc Mĩ đi ném bom bắn phá miền Bắc nước ta trước đây.

— Hào giao thông: rãnh đào dài, sâu và hẹp dùng làm đường đi lại để tránh bom đạn.

b) Ý nghĩa: Truyện xảy ra trong thời kì chống Mĩ cứu nước ở miền Bắc nước ta. Truyện nêu gương một em học sinh thật thà đã trả lại của rơi bắt được cho người đánh mất. Ngoài ra truyện còn đề cao lòng dũng cảm và ý thức bảo vệ của công chống sự phá hoại của giặc.

### II — Lên lớp.

#### A — Giáo viên kể:

##### 1. Thầm vớt được cái gói dưới ngòi.

— Phần đầu (Thầm đi chăn trâu), giọng kể nhẹ nhàng, bình thường. Sang phần sau (lúc thấy máy bay địch xuất hiện) giọng kể hơi nhanh.



— Kể đến tình tiết: «Thăm tự hỏi: cái gói gì?» ... phía trên đề tránh», giọng kể cần thể hiện rõ tâm trạng lo sợ của Thăm (Thăm dắt trâu chạy lên đoạn ngòi phía trên đề tránh...).

2. *Cái gói vớt lên là gói tiền.*

— Kể đoạn này, giọng kể phải linh hoạt thể hiện cho được đặc điểm tính cách của nhân vật Thăm: Vừa mưu trí (ném cái gói thật xa, rồi nhảy xuống hào, bịt tai lại) vừa thận trọng (ném hai lần nhưng cái gói vẫn không nổ), vừa mừng, vừa lo (mở giấy ra thấy toàn giấy bạc mười đồng mới nguyên).

3. *Thăm trả lại gói tiền cho anh bộ đội, từ chối không nhận tiền và quà tặng.*

Kể đoạn này cần thể hiện rõ thái độ chân thành biết ơn của anh bộ đội và sự từ chối thực lòng của em Thăm.

B — *Học sinh kể:*

1. Thăm thấy cái gói bọc vải nhựa vào lúc nào? Lúc đầu Thăm tưởng đó là gói gì? Thăm nghĩ thế nào mà chạy lại vớt cái gói lên?

2. Vớt cái gói lên rồi Thăm làm gì? Vì sao? Khi biết đó là gói tiền Thăm làm thế nào?

3. Nhận được gói tiền bị mất, anh bộ đội nói gì với Thăm và làm gì? Vì sao Thăm lại không nhận tiền và quà tặng của anh bộ đội?

C — *Tổng kết:*

— Qua câu chuyện này, em thấy Thăm có những đức tính gì?

— Em Thăm trong truyện này đã nêu tấm gương sáng về tính thật thà không tham của người và lòng dũng cảm, ý thức bảo vệ của công của người thiếu niên cháu ngoan Bác Hồ, đáng cho chúng ta noi theo.

## 11. SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

1. Truyện kể rằng: ngày xưa ngày xưa, ở vùng Lái Thiêu, thuộc tỉnh Sông Bé, có hai mẹ con nhà nọ sống đơn chiếc cùng nhau. Thương con trai mồ côi bố, mẹ hết sức chiều con, mong con sớm khôn lớn. Thấy mẹ yêu chiều, chú bé đâm ra hay vòi vĩnh, quấy khóc.

Những trò chơi của chú bao giờ cũng tẻ nhạt: lúc thì chặt ngang ngọn cây, lấy đá ném đàn gà, lúc thì buộc lòng gà vào đuôi mèo, đuổi cho mèo chạy làm đổ canh nóng vào chân mẹ. Bị mẹ mắng, chú vùng vằng bỏ đi.

Thế là chú lang thang hết ngày này sang ngày khác, hái hoa bắt bướm. «Giá không có mẹ thì thích biết mấy! Tha hồ nghịch chẳng ai mắng cả!». Nghĩ vậy, chú càng la cà khắp chốn không hề biết thương mẹ đang mỏi mắt chờ con.

Độc đường, thấy ai làm gì, chơi gì, chú cũng sả vào góp phần. Ai cho gì chú cũng ăn. Được ăn, thế là chú khoái.

2. Một hôm, chú bé thấy một đàn vịt đẻ bao nhiêu là trứng trong lều. Chú nhặt đá ném vỡ nhiều quả trứng. Người chăn vịt đang ngủ nghe tiếng vịt kêu, tỉnh dậy quát mắng, đuổi bắt. Sợ quá, chú bé bỏ chạy.

Chạy mãi, chạy mãi, chú vừa đói vừa mệt. Chú gục xuống bên vệ đường thiếp đi lúc nào không biết. Lúc tỉnh dậy, chú chẳng thấy ai quanh mình mà cũng chẳng ai cho ăn. Đói quá, chú mới nhớ đến mẹ. «Phải tìm đường về thôi, chỉ có mẹ mới cho mình ăn, mới thương yêu mình».

3. Sau bao ngày lặn lội, chú bé mới tìm được về nhà mình. Đúng là nhà đây rồi! Cảnh vật còn nguyên



nhưng mẹ chú thì không còn nữa. « Mẹ ơi! Mẹ đâu rồi? Hãy về với con...!». Tiếng chú bé gọi mẹ vang vọng cả bốn bề.

Chú bé không ngờ rằng vì tìm con khắp chốn, mong con không thấy con về, vừa giận vừa thương con, mẹ ngồi khóc mãi. Bà đã chết và hóa thành một cây xanh.

Chú bé gọi hoài gọi mãi vẫn không thấy mẹ. Chú chỉ biết ôm lấy cây xanh mà khóc. Bỗng cây xanh run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí đâm ra nở trắng như mây. Hoa rụng, quả xuất hiện rồi lớn nhanh, da căng mịn và xanh óng ánh. Và kia, quả đã chín. Bỗng quả to nhất rơi xuống tay chú bé.

Vừa đói, vừa mệt, chú bé đưa quả lên miệng cắn một miếng nhỏ. Quả chát quá. Chú định nhè ra thì quả thứ hai rơi xuống tay chú. Chú lột vỏ, cắn vào hạt nhưng cứng quá.

Quả thứ ba lại rụng tiếp vào tay. Lần này chú không ăn vội mà lấy tay nhẹ nhàng xoay quanh trái chín cho đến khi trái mềm dần và nứt ra một kẽ nhỏ.

Một dòng sữa trắng trong quả trào ra. Chú bé ngửa miệng uống dòng sữa ngọt và thơm như dòng sữa mẹ. Chú thấy hết cả đói lẫn khát, trong người khoan khoái.

Chú ôm lấy cây. Vỏ cây xù xì như bàn tay lam lũ của mẹ. Chú nhìn lên tán lá. Lá một mặt xanh bóng, một mặt đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Chú nghe tiếng rì rào trong lá: « Ăn trái ba lần mới biết trái ngon, con có lớn khôn mới hay lòng mẹ ». Ôi đúng tiếng mẹ rồi! Chú òa lên khóc. Cây rung lá, xòa cành ôm lấy chú, trái chín la đà trên vai, trên ngực chú, như tay mẹ vỗ về, âu yếm chú.

4. Mẹ không còn nữa. Giờ chỉ có bạn bè. Chú bé đưa những trái quý đến chia sẻ cùng các bạn. Được ăn trái

ngon và nghe chuyện về bà mẹ hiền của chú, các bạn đều ngậm ngùi và tự hứa phải chăm ngoan và chẳng bao giờ làm mẹ buồn phiền.

Thấy cây ra quả thơm ngon, bà con ai cũng thích. Họ đem hạt cây lạ ấy gieo khắp nơi và gọi tên là cây vú sữa.

Theo NGỌC CHÂU  
(Báo ảnh V.N)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— Vòi vĩnh: hay đòi thứ này, thứ khác.

— Lam lũ: phải làm lung vất vả để kiếm sống.

b) Ý nghĩa: Truyện ngụ ngôn này ca ngợi tình mẹ con thâm thiết. Nó phê phán những trẻ đại dốt, hư, làm mẹ buồn phiền và khuyên răn trẻ phải thương yêu mẹ, phải luôn luôn làm cho mẹ được vui lòng.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

— Nhiều HS nhất là HS miền Bắc chưa được thấy cây và quả vú sữa. Bởi vậy, nên có một cành lá, một quả vú sữa thật cho các em xem. Nếu không, cần có tranh vẽ cây và quả vú sữa.

— Đánh dấu vị trí của vùng Lái Thiêu, tỉnh Sông Bé trên bản đồ Việt Nam và chỉ cho học sinh xem.

#### B — Giáo viên kể:

1. Chú bé hư bỏ nhà ra đi lang thang lâu lờng. Đoạn này nên kể nhanh, không thể hiện dụng ý phê phán gay gắt. Chỉ cần nhấn mạnh:

— Cẩn mẹ góa, con côi.



2. Chị H. vừa về đến nhà thì có lệnh tên chủ làng, tay sai của giặc, tập trung dân tại nhà rông. Hẳn bảo: — Quan đồn cho biết có hai tên Việt cộng lén đến vùng này. Chúng đến đầu suối thì bị lính đồn bắt. Một tên chạy thoát, một tên bị thương. Lũ làng ai biết nó ở đâu thì báo cho quan; quan sẽ thưởng nhiều muối, nhiều vải. Ai biết mà không báo sẽ bị chặt đầu.

Những lời đe dọa của tên chủ làng không làm chị H. run sợ. Chị nghe các già làng thì thảo, đáng mừng rồi:

— Như vậy là cách mạng đến làng ta rồi đó. Phải tìm cách giúp đỡ cán bộ.

Từ đó, ngày nào chị H. cũng bí mật đưa thức ăn và nước uống cho anh cán bộ. Nhưng vết thương ở chân anh ngày càng loét rộng ra, hôi thối nồng nặc. Chị buồn cái bụng quá, đem chuyện ngỏ với một già làng. Già làng ngâm nghĩ một lúc rồi nói:

— Rừng ta có một thứ lá trị vết thương giỏi lắm, nhưng chỉ có một mình chủ làng biết thôi. Năm ngoái nó bị dân làng trên chém vào tay, đứt thẫu xương mà nó dùng thứ lá đó buộc, chỉ mấy hôm là khỏi.

— Ta xin nó thử xem — chị H. nói.

— Không được đâu. Xin thì nó đoán ra ngay.

Chị H. thở dài. Đêm ấy chị không tài nào nhắm mắt được, cái đầu cứ nghĩ cách lấy cho được thứ lá thuốc đó.

3. Sáng hôm sau, chị và mấy chị em khác bị tên chủ làng bắt đi chặt tre đan vách cho nhà nó. Đang chặt, bỗng chị kêu thét lên:

— Ối!...

Máu từ cánh tay trái của chị phun ra. Mặt chị tái xanh. Vết thương sâu quá! Giọng run run, chị vờ rên xiết:

— Có thuốc gì không? Không thì chết mất thôi! Đau quá!

Tên chủ làng nhieu mày rồi chép miệng:

— Mày đừng lo. Tao có thứ thuốc hay lắm. Nói đoạn, hần chạy vào rừng. Một lát sau, hần đem về một nắm lá, bảo chị H. buộc vào vết thương. Mắt chị sáng lên: « À, thì ra thứ lá này mà mình chả biết! » Chị thầm nghĩ như vậy.

Mười hôm sau, vết thương của chị H. lành hẳn thì vết thương ở chân của anh cán bộ Giải phóng cũng bắt đầu kéo da non.

Chính chị H. người con gái của núi rừng đã dùng kế tự chặt tay mình, lấy được bí mật về thứ thuốc quý ở tên chủ làng để chữa cho anh cán bộ mà đồng bào Tây Nguyên hết lòng đùm bọc.

Theo « Những trang sử vẻ vang của các dân tộc ít người » (miền Nam)  
Nhà xuất bản Giáo dục — 1969.

#### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

a) Chú giải: — Nhà rông: nhà dùng làm nơi hội họp của đồng bào Tây Nguyên.

— Lũ làng: dân làng (theo khẩu ngữ của đồng bào Tây Nguyên).

— Gùi: một loại giỏ bằng mây hoặc tre nửa, có quai khoác vào sau lưng.

#### II — Lên lớp.

##### A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ một nhà rông với một số đồng bào Tây Nguyên (nam, nữ) mặc y phục dân tộc; bản đồ Việt Nam có đánh dấu vùng Tây Nguyên (cho HS xem khi mở đầu câu chuyện).



*B — Giáo viên kể:*

Điều cần lưu ý trước tiên là trong truyện tác giả có dùng cách nói của đồng bào Tây Nguyên như: buồn cái bụng, mày, nó v.v... Để giữ bản sắc dân tộc của câu chuyện, người kể không nên tùy tiện thay đổi những từ ngữ đó.

Truyện này gồm 3 đoạn:

1. *Chị H. đi rừng, bắt gặp người cán bộ cách mạng bị thương.* Đoạn này gồm có 2 ý:

— Hoàn cảnh Tây Nguyên dưới ách thống trị của Mĩ — Diệm: Tác giả chỉ ghi mấy nét khái quát: «đàn áp khốc liệt, vây ráp, tra khảo».

— Chị H. bắt gặp người cán bộ cách mạng bị thương trong rừng: Cách kể ở đây phải làm cho HS cảm thấy chị H. sẵn có tinh thần ủng hộ cách mạng, nhạy bén với tình hình nên phán đoán đúng (Đây chắc là cán bộ Giải phóng), quyết định nhanh và hành động không do dự (về nhà lấy cái ăn đem vào cho cán bộ).

2. *Chị H. bí mật chăm sóc người cán bộ bị thương:* Đoạn này có dẫn nhiều lời của các nhân vật khác nhau:

— Lời đe dọa hống hách của tên chủ làng.

— Lời thì thào của người già trong cuộc họp.

— Lời kể của một già làng về thứ lá thuốc chữa vết thương.

— Lời thăm dò của chị H. và câu trả lời thất vọng của già làng.

Kể những lời nói đó cần thể hiện tính cách của từng loại nhân vật, đặc biệt là tính cách của chị H. với tinh thần miễn cưỡng, những buồn bã lo âu của chị về việc chữa vết thương ở chân cho người cán bộ.

3. *Chị H. lập kế phát hiện ra được loại lá thuốc quý và cứu thoát người cán bộ cách mạng.* Ở đoạn này, chị

H. đã dùng cảm dân dựng thành công một màn kịch bằng máu thịt của chính mình. Người kể phải khéo dựng lại màn kịch đó thì mới gây được xúc động cho trẻ. Phần kết thúc truyện: người cán bộ được chữa lành bằng thứ lá thuốc lấy được (do chị H. hoặc do người già làng tin cần bí mật đưa vào) có thể để cho HS tự kể lấy.

*C — Học sinh kể:*

1. Chị H. bắt gặp người cán bộ cách mạng ở đâu? Vào lúc nào? Chị đã suy nghĩ gì?

2. Chị đã nuôi nấng, chăm sóc người cán bộ như thế nào? Điều mà chị lo lắng nhất là gì?

3. Chị đã lập kế gì để lấy được bí mật về loại lá thuốc quý của chủ làng? Kết quả ra sao?

*D — Tổng kết:*

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta (1954—1975) đồng bào các dân tộc ít người ở Tây Nguyên đã nêu gương đấu tranh bất khuất tuyệt vời.

Chị H. thật xứng đáng là người con gái anh dũng của Tây Nguyên bất khuất.

### 13. CON THỎ MUU TRÍ

1. Trong một khu rừng già, các thú vật đang sống một cuộc đời đầm ấm yên vui. Bỗng một hôm có một con Cọp xám ở nơi khác mò đến. Nó xông xáo, gầm vang cả khu rừng. Các thú vật đều sợ oai Cọp. Mỗi ngày Cọp bắt các loài thú phải hiến một con vật để nó ăn thịt. Thế là các thú vật nối tiếp nhau mỗi ngày một con làm mồi cho Cọp: nào hươu, nai, nào chồn, hoẵng...



Ngay cả con cáo tinh quái như thế cũng phải nộp mình cho Cọp. Một số loài vật khác phải trốn đi rừng khác ở.

2. Đến lượt Thỏ trắng phải tới cho Cọp ăn thịt. Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh, chim hót véo von. Hoa nở nhiều làm thơm ngát cả khu rừng già. Chú Thỏ tỉnh dậy bàng hoàng đau xót: « Đến giờ phải đi nộp mình cho Cọp rồi đây ».

Mùi cỏ thơm đưa vào mũi Thỏ, nó không buồn gặm. Thỏ lững thững bước ra khỏi hang, đi qua bên cái giếng ở ven rừng. Nó nhảy lên thành giếng. Chợt nó thấy một con thỏ trắng trong giếng. Nó vẩy tai, con thỏ trong giếng cũng vẩy tai. Thì ra là bóng của nó. Chợt nghĩ ra điều gì, Thỏ nhảy phắt xuống chạy miết đi tìm bác Voi.

Bác Voi đã nhiều tuổi, tính hiền lành, hay bênh vực những con vật nhỏ bé nên được cả khu rừng này yêu mến và tin cậy. Ai có việc gì cũng đến hỏi ý kiến bác.

Nghe Thỏ nói xong, bác Voi thông thả đáp:

— Ừ, mưu của cháu được đấy, nhưng thằng Cọp xám cũng không vừa đâu. Cần nhất là cháu phải bình tĩnh và làm thế này... thì thế nào cháu cũng thành công.

Bác nói nhỏ vào tai Thỏ, Thỏ con thích chí quá, mấy sợi ria mép cứ rung rung.

Thỏ chào bác Voi rồi chạy thoăn thoắt tới hang Cọp. Thấy Thỏ đến chậm, Cọp quát:

— Ranh con, tao đợi mày đã lâu; sao bây giờ mày mới dẫn xác tới?

Thỏ làm ra bộ sợ sệt đáp:

— Thưa ông, con đến sớm nhưng giữa đường lại gặp một ông Cọp. Ông ấy định ăn thịt con, con van mãi ông ta mới tha cho đi và ông ta còn dặn con đến nói

với ông rằng: « Thằng Cọp xám chỉ quen bắt nạt loài thú nhỏ, nó có giỏi thì đến đây gặp ta ».

Cọp xám vốn nóng tính, thấy Thỏ nói như vậy liền gầm vang cả khu rừng, rồi bắt Thỏ dẫn đi gặp con Cọp mà Thỏ vừa nói.

Thỏ thấy Cọp mắc mưu mình, thích chí quá, nhưng làm ra vẻ sợ hãi, rón rén dẫn đường cho Cọp xám đi. Gần đến cái giếng, Thỏ bảo:

— Thưa ông, nhà Cọp ở cái hang kia kia.

3. Cọp xám nhảy lên thành giếng, thò đầu nhìn xuống. Bóng Cọp in vào đáy nước trong veo. Nó thấy dưới giếng có con Cọp khác gườm gườm nhìn mình. Nó gầm lên như sấm:

— Thằng nào kia?

Tiếng ở đáy giếng vang lên: « Thằng nào kia? ».

Giận quá, Cọp xám lại quát: « Cút đi, không thì ta đánh cho tan xác! ».

Tiếng ở đáy giếng lại vọng lên: « Cút đi, không thì ta đánh cho tan xác! ».

Cọp xám tức giận lồng lên và lao đầu xuống định phanh thây xé xác con cọp dưới đáy giếng. Nhưng chẳng thấy kẻ thù đâu cả, Cọp xám ta vùng vẩy, gặm thét, càng gặm thét bao nhiêu càng uống no nước bấy nhiêu. Nó giẫy giụa một lúc lâu rồi chìm ngấm.

Thỏ đứng đằng xa, thấy Cọp nhảy xuống giếng, thích quá chạy về loan báo cho tất cả các loài thú trong khu rừng biết. Các loài thú nối đuôi nhau theo Thỏ đến giếng nước để xem. Con Cọp xám chết trương trong giếng, mồm há hốc, mắt vẫn trợn lên vì tức giận. Tất cả đều nói:

— Thật đáng đời thằng hung ác.

Theo Tập đọc lớp 3 - 1980 - hệ 12 năm



I — Tìm hiểu truyện.

a) Chú giải:

— *Mưu trí*: tinh khôn, nhanh trí, luôn luôn nghĩ được cách đối phó tốt nhất với kẻ thù hoặc vượt qua được khó khăn, nguy hiểm.

— *Hiển*: dâng, nộp.

— *Tinh quái*: ranh mãnh, gian dối.

b) *Ý nghĩa*: Nhờ khôn ngoan mưu trí mà Thỏ trắng tuy bé nhỏ đã tự cứu mình và cứu các loài vật khác ở trong rừng vĩnh viễn thoát khỏi nanh vuốt của Cọp xám. Con vật cực kì hung ác ấy đã phải đền tội vì tính tàn bạo và sự ngu xuẩn của nó.

II — Lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. *Cọp xám cậy sức mạnh bắt các thú rừng phải nộp mạng cho nó ăn thịt.*

Cần thể hiện rõ không khí náo động của khu rừng khi Cọp xám mò đến khu rừng này:

— Nó xông xáo, gầm vang cả khu rừng.

— Mỗi ngày Cọp bắt các loài thú phải hiến một con vật để nó ăn thịt.

— ... Các thú vật nối tiếp nhau mỗi ngày một con làm mồi cho Cọp...

— Một số loài vật khác phải trốn đi rừng khác ở...

2. *Thỏ trắng nghĩ được kế đối phó với Cọp xám (trọng tâm).*

Giọng kể ở đoạn này cần làm nổi rõ:

— Tâm trạng lo âu, buồn bã của Thỏ trắng khi đến lượt phải đi nộp mạng cho Cọp được biểu hiện sinh

động ở những nét tương phản giữa cảnh thiên nhiên tươi đẹp và nỗi lòng của Thỏ (trời quang mây tạnh... chim hót véo von... hoa nở nhiều... mùi cỏ thơm... bàng hoàng đau xót... không buồn gặm... lững thững bước ra khỏi hang...).

— Bộ dạng hoạt bát, hồn nhiên và tinh khôn của Thỏ trắng khi nghĩ ra được kế đối phó với Cọp xám: « ... nhảy phắt xuống, chạy miết đi tìm bác Voi... thích chí quá, mấy sợi ria mép cứ rung rung... chạy thoăn thoắt tới hang Cọp... làm ra bộ sợ sệt... làm ra vẻ sợ hãi, rón rén dẫn đường cho Cọp xám... »

3. *Cọp xám mắc mưu Thỏ trắng, nhảy xuống giếng và chết chìm ở đó.*

— Kể đoạn này cần làm nổi bật bộ điệu hung hãn và ngu xuẩn của Cọp xám: thấy bóng mình mà không nhận ra, nghe tiếng mình vọng lên mà không biết, lại còn tức giận lòng lên, lao đầu xuống giếng, định phanh thây xé xác con cọp ở dưới đó.

B — Học sinh kể:

1. Trong khu rừng già, các thú vật đang sống yên vui, đầm ấm bỗng xảy ra việc gì?

2. Thỏ trắng nghĩ ra được kế gì để giết chết Cọp xám?

C — Tổng kết:

— Vì sao Thỏ trắng bé nhỏ, yếu sức hơn Cọp xám mà có thể dẫn Cọp xám đến cái chết thảm hại như vậy?

— Nhờ tinh khôn và mưu trí, Thỏ trắng tuy bé nhỏ nhưng cũng có thể giết chết được Cọp xám hung ác và ngu xuẩn để tự cứu mình và cứu đồng loại.



## 14. A-I-Ô-GA

1. Ngày xưa có một cô gái Na-nai tên là A-i-ô-ga. Cô bé rất xinh. Mọi người đều yêu cô. Thậm chí có người nói rằng không một làng bản nào có người xinh hơn cô cả. A-i-ô-ga kiêu hãnh lắm. Cô tự ngắm mình, lúc thì trong chậu đồng đánh bóng, lúc thì trên dòng nước trong, càng ngắm càng tự thấy hài lòng.

A-i-ô-ga lười hết sức, lúc nào cũng chỉ tự ngắm nghĩa. Một hôm mẹ cô bảo:

— A-i-ô-ga, con đi xách nước đi!

Cô gái đáp:

— Con ngã xuống nước mất!

Mẹ bảo:

— Con bám vào bụi cây ấy!

A-i-ô-ga đáp:

— Cây bắt gốc thì chết!

— Thì con phải bám vào bụi chắc ấy chứ!

— Tay con xước hết ra mất!

Mẹ cô lại bảo:

— Con đeo bao tay vào.

— Bao tay cũng đứt hết — A-i-ô-ga đáp. Rồi cô lại lấy chậu đồng ra soi xem mình đẹp đến như thế nào.

— Con lấy kim khâu bao tay lại!

— Kim gãy mất!

— Lấy cái kim to ấy — Bố cô nói.

— Kim ấy sẽ làm thủng tay con!

— Lấy cái da cứng mà đeo!

2. Vừa lúc ấy, một cô bé nhà hàng xóm bảo mẹ A-i-ô-ga:

— Đề cháu đi lấy nước cho bác nhé!

Cô ra đi và xách nước về. Bà mẹ nhào bột, làm bánh, nướng bánh. A-i-ô-ga nhìn những chiếc bánh, kêu lên:

— Mẹ cho con một cái!

— Bánh nóng cầm bỏng tay — Mẹ cô trả lời.

— Thì con đeo bao tay — A-i-ô-ga nói.

— Bao tay ướt rồi.

— Con sẽ đem phơi.

— Phơi, nó sẽ cứng.

— Con sẽ bóp cho mềm.

— Thế thì đau tay — Mẹ cô đáp — Việc gì cô phải làm việc cho phí hoài nhan sắc. Tốt hơn hết là để tôi đem bánh cho đứa lúc này nó không tiếc sức mình xách nước hộ tôi.

3. Bà mẹ lấy bánh đem cho cô bé hàng xóm. A-i-ô-ga tức lắm. Cô bỏ nhà ra sông soi bóng mình dưới nước. Còn cô bé hàng xóm thì ngồi ăn bánh. A-i-ô-ga nhìn cô bé. Cô A-i-ô-ga dướn lên đâm ra dài ngoẵng. Cô bé bảo

A-i-ô-ga:

— Bạn lấy bánh này mà ăn!

A-i-ô-ga càng tức. Cô xi lên một tiếng. Cô vung hai tay lên, những ngón tay xoạc ra, toàn thân cô trắng toát vì giận. Cô vùng vẫy mãi đến nỗi hai tay biến thành đôi cánh.

— Ta không cần gì cả-a-a-a!

Rồi không đứng vững trên bờ nữa, A-i-ô-ga ngã nhào xuống nước và biến thành ngỗng. Ngỗng vừa bơi vừa kêu:

— Ái chà, ta đẹp làm sao! ô-ô-ô! Đẹp nhất là ta — a — a...

Nó cứ bơi, bơi mãi cho đến lúc quên hẳn không nói được tiếng Na-nai nữa.

Duy chỉ có tên mình là nó không quên và hề gặp ai nó cũng kêu lên để người ta biết xưa kia nó là cô gái đẹp:

— A-i-ô-ga, A-i-ô-ga — a — a!

Truyện dân gian Na-nai



## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Kiều hãnh*: lên mặt hơn người.

— *Cái đế*: loại bao ngón tay bằng kim loại hay bằng da dùng để đẩy kim khi may vá.

b) *Ý nghĩa*: Truyện kể về một cô gái say mê sắc đẹp của mình, không chịu làm việc nhưng lại muốn có ăn. Nó nhằm phê phán tính lười biếng để giáo dục cho trẻ nghĩa vụ lao động.

### II — Lên lớp.

#### A — Giáo viên kể:

##### 1. A-i-ô-ga có nhan sắc nhưng rất lười lao động.

Đoạn này gồm hai phần:

— Phần đầu kể về sự say mê của A-i-ô-ga về nhan sắc của mình. Cần nhấn mạnh các ý: « A-i-ô-ga tự ngẫm nghĩa mình... Càng ngẫm càng tự thấy hài lòng ».

— Phần tiếp theo kể về tính lười biếng của cô gái: chỉ có việc xách giùm cho mẹ ít nước để nhào bột làm bánh mà cô tìm đủ mọi lí lẽ để trốn việc. Trong đối thoại thái độ của bà mẹ là hướng dẫn cho con đủ mọi cách để dạy con phải làm được việc mình sai bảo nên giọng nói của bà diềm đạm nhưng nghiêm nghị. Trái lại, những câu trả lời của cô gái đều tỏ ra vô trách nhiệm, thiếu nhiệt tình. Khi kể cần chú ý đến điều đó.

##### 2. Biếng lười, nhưng A-i-ô-ga lại tích cực đòi ăn.

Ở đoạn này, trong đối thoại, thái độ của mẹ và con lại đối khác. Sau khi cô hàng xóm đi xách nước về, bà mẹ nhào bột, làm bánh, nướng bánh thì A-i-ô-ga khấn

khoản xin bánh. Giận con vì thói lười biếng của cô ta, bà nêu đủ lẽ để từ chối nhằm dạy cho con hiểu rằng không làm thì không được ăn. Những câu trả lời của bà tỏ vẻ lạnh lùng và cuối cùng có ý trách móc: « Việc gì cô phải làm việc cho phi hoài nhan sắc. Tốt hơn hết là... không tiếc sức mình xách nước hộ tôi ».

##### 3. Không biết lỗi, A-i-ô-ga giận dữ biến thành con ngỗng.

Kể đoạn này cần gợi hứng thú cho HS về quá trình A-i-ô-ga biến thành con ngỗng.

— Về hình dáng: cổ đâm ra dài ngoẵng, ngón tay xoạc ra, hai tay biến thành đôi cánh.

— Về màu sắc: « Toàn thân trắng toát vì giận ».

— Về tiếng kêu: « Không cần gì cả A-a-a, ô-ô-ô! Ta-a-a; A-i-ô-ga-a... ».

— Về tập quán: « Ngã nhào xuống nước... Cừ bơi, bơi mãi ».

Người kể cũng cần thấy rằng A-i-ô-ga đã lười biếng, muốn sống bám lại không biết hối lỗi nên sự trừng phạt đối với cô thật nghiêm khắc. Từ một cô gái Nainai xinh đẹp cô đã biến thành một con vật.

#### B — Học sinh kể:

##### 1. A-i-ô-ga là cô gái như thế nào?

Cô đã từ chối công việc mẹ sai bảo ra sao?

##### 2. Không làm nhưng cô có đòi ăn không? Mẹ cô đã từ chối như thế nào?

##### 3. Vì giận dữ cô đã biến thành con ngỗng ra sao?

#### C — Tổng kết:

— A-i-ô-ga có những tính xấu gì đáng chê trách?

— Nếu gặp A-i-ô-ga thì em sẽ khuyên bảo cô ta những điều gì?



— Lười biếng mà lại đòi ăn; mẹ phạt không biết hối lỗi còn giận dỗi; đã biến thành loài vật mà chưa bỏ tính kiêu căng: A-i-ô-ga là cô gái đẹp người nhưng xấu nết. Nhân dân ta có câu «Cái nết đánh chết cái đẹp».

## 15. CHUYỆN ANH TRÙ VĂN THỐ

1. Một đêm tối dày đặc vào khoảng tháng 10-1963.

Nằm ở đằng đầu, Thố cố nhìn những cạnh góc méo mó kì quặc, những lỗ châu mai đen ngòm như những con mắt thao láo của lô cốt số 1, cao 7 thước, nghiêng ngẹo giữa lưới dây thép gai bảo vệ hầm cố thủ.

— Thố ơi, liệu đánh sập được hầm cố thủ không? Chỉ huy trưởng thì thăm hỏi.

— Chúng tôi xin hứa sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ — Giọng Thố trả lời danh thép.

2. Pháo lệnh tiến công nổ. Tiếng bộc phá, tiếng súng máy, tiếng súng trường, tiếng thét xung phong... từng đợt, từng đợt, mỗi lúc một mạnh mẽ hơn, vang dội hơn. Bóng xung kích vun vút vượt qua cửa đột phá vừa mở. Nhưng hầm cố thủ của địch vẫn không mấy may suy sụp. Từ hầm cố thủ hai khẩu trung liên của địch bắn chéo cánh sẻ liên hồi qua lỗ châu mai cách mặt đất hai tấc. Hậu đã bị thương, rồi đến Lan, Phong. Tổ tam giao chỉ còn lại một mình Thố. Bất chấp mọi nguy hiểm, Thố vọt lao lên như một mũi tên. Nhưng, chạy chưa tới đích, anh đã ngã sấp. Đã mấy lần anh cố nhồm dậy, song lại gục xuống. Có lẽ anh đã bị thương nặng lắm. Cả đơn vị nhìn Thố lo lắng. Nhưng kìa, Thố đã cử động. Anh đang trườn về phía hầm cố thủ của địch. Anh nhích người lên từng bước một cách khó nhọc. Mười thước... chín thước... tám thước... Thố nằm im

một lúc như để lấy sức, rồi nhấc địch. Ánh lửa xanh bùng lên ở phía vang rền... Súng địch tắt.

— Xung phong!

Chờ đợi sẵn giây phút đó, cá từ phía sau xông lên. Lập tứ nổ. Đạn địch đạn thành mớ quét sát mặt đất, ngoan cố chặn quân Giải phóng. Thố lại nhồm lựu đạn về phía hầm cố thủ cũ. Xung kích lại xông lên. Nhưng địch lại nổ dữ dội hơn trước. Mất. Trong ánh chớp lằng nhằng c nhích lại phía khẩu trung liên hai thước... một thước... Mọi người theo dõi từng hành động của Thố chớp mắt, Thố vọt nhồm người châu mai bị bắn ánh lửa phút kích ào ào tiến lên dùng lựu đạn địch bị hạ. Thố đã hi sinh! N qua lỗ châu mai, vẫn bám chặt

3. Quân giải phóng và đồng bào gọi Trù Văn Thố là «Phan Đ nguyên học tập gương anh, chiếc sự nghiệp giải phóng miền Nam nhất đất nước. Đại hội anh hùng Nam (1965) đã truy tặng anh «quân đội».

Theo



I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: *Hầm cổ thủ*: Hầm ngằm vững chắc dùng để chống cự đến cùng — *Bộc phá*: Vũ khí làm bằng một khối thuốc nổ lớn gói chặt, có sức công phá rất mạnh — *Tổ tâm giao*: một tổ thường gồm khoảng 3 chiến sĩ cùng trong một tiểu đội gắn bó với nhau trong sinh hoạt và chiến đấu.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này nêu gương chiến đấu ngoan cường, hi sinh anh dũng tuyệt vời của anh hùng liệt sĩ Trừ Văn Thố, người đã lấy thân mình bịt lỗ châu mai, tạo điều kiện cho đồng đội hạ đồn địch.

II — Lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Một tranh minh họa Trừ Văn Thố lấy thân mình lấp lỗ châu mai.

B — Giáo viên kể:

1. *Cái lỗ cốt địch kiên cố và quyết tâm tiêu diệt hầm cổ thủ của Trừ Văn Thố.*

Đoạn này cần làm nổi bật tính chất nguy hiểm, lợi hại của lỗ cốt số 1 và quyết tâm diệt địch của Trừ Văn Thố.

2. *Ba đợt tấn công quyết liệt của Trừ Văn Thố và đồng đội.*

— Kể về đợt tấn công thứ nhất cần gây được ở HS tâm trạng lo âu, hồi hộp như người đang trực tiếp chứng kiến quyết tâm sắt đá tiêu diệt địch của anh Thố.

— Đợt tấn công thứ hai: chỉ cần kể lướt qua.

— Tập trung sự theo dõi của HS vào đợt thứ ba là đợt quyết định. GV cần kể chậm từng động tác của

Trừ Văn Thố, nêu bật những cố gắng phi thường của anh để gây xúc động cho HS. (Đề hỗ trợ cho lời kể, GV nên cho HS xem bức tranh minh họa).

3. *Trừ Văn Thố được nhân dân, quân đội kính mến, được Chính phủ tuyên dương là Anh hùng quân đội.*

Đoạn này cần kể với giọng trang trọng.

C — Học sinh kể:

1. Trong trận đánh nổi tiếng của đơn vị mình, Trừ Văn Thố có nhiệm vụ gì? Vì sao nhiệm vụ đó lại rất khó khăn?

2. Trong đợt tấn công thứ nhất địch đã đánh trả quyết liệt như thế nào? Trừ Văn Thố đã ném bộc phá vào lỗ cốt đó ra sao?

3. Đợt tấn công thứ hai diễn ra như thế nào?

4. Trong đợt tấn công thứ ba, Trừ Văn Thố đã làm gì?

5. Tinh thần hi sinh anh dũng của Trừ Văn Thố được nhân dân và Chính phủ ta đánh giá cao như thế nào?

D — Tổng kết:

Chúng ta giành lại và giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc bằng máu xương của hàng vạn chiến sĩ anh hùng, con em của nhân dân ta. Miền Bắc có Phan Đình Giót, miền Nam có Trừ Văn Thố là những liệt sĩ đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tạo điều kiện cho đồng đội tiêu diệt địch.

Chúng ta hãy sống xứng đáng với sự hi sinh của các anh hùng liệt sĩ đó.

16. HÒN ĐÁ THẦN

1. Ngày xưa có hai vợ chồng ông Lâm, nhà nghèo lại phải nuôi một đàn con năm đứa đang tuổi ăn tuổi chơi. Hai vợ chồng làm lụng hết sức mà vẫn không kiếm đủ sống.



Có một năm trời đại hạn, nạn đói diễn ra khắp mọi nơi. Hai vợ chồng cố đi kiếm việc làm nhưng chẳng ai thuê. Cuối cùng, nhà hết gạo, ông Lâm phải vác thuổng lên rừng đào củ mài. Đào mãi, sức đã kiệt mà vẫn không được gì. Nghĩ đến đàn con nheo nhóc phen này khó tránh khỏi chết đói, ông ngồi ôm mặt khóc nức nở.

Bỗng có một ông Tiên hiện ra trước mặt, hỏi:

— Vì sao ông đến đây ngồi khóc?

Ông trả lời:

— Đàn con bé bỏng của tôi đến chết mất. Từ lâu chúng tôi nhịn ăn nhịn mặc để nuôi chúng. Nhưng bây giờ thì tôi đành bó tay, không kiếm nổi miếng gì cho chúng nữa.

Nghe ông Lâm kể lẽ, ông Tiên động lòng, lấy ra một cái hũ và nói:

— Ta thương ông đói khổ. Ta cho ông cái hũ này, cần bao nhiêu tiền cứ nói lên ba lần rồi đốc hũ là sẽ có ngay. Nhưng nhớ là đừng để lộ cho người ngoài biết.

Ông Lâm nhận lấy hũ, cảm ơn rồi từ biệt. Về đến nhà, ông kể lại mọi việc cho vợ con nghe, rồi đặt hũ xuống đất nói: « Cho chúng tôi một quan tiền để đóng gạo ». Quả nhiên, sau lần hô thứ ba, ông cầm hũ đốc xuống, tiền loảng xoảng tuôn ra vừa đúng một quan. Từ đó gia đình ông sống no đủ.

2. Tuy người bố đã dặn đi dặn lại, mấy đứa con đại dốt vẫn để lộ cho một người láng giềng biết việc gia đình được cái hũ tiền của Tiên cho. Người này đến khoét vách nhìn xem, thấy quả đúng như thế, bèn đi báo quan.

Quan lập tức kéo lính về nhà ông Lâm, quát hỏi:

— Thằng kia, mày hãy đưa cái hũ ra đây rồi cứ sự thực mà khai thì sẽ được nhẹ tội.

Không thể giấu được, ông Lâm đành đưa cái hũ ra trình quan và kể lại đầu đuôi sự việc. Khi thấy những đồng tiền tròn lăn xuống, tên quan nhặt lên, ngắm nghía, đôi mắt long lên sòng sọc vì ngạc nhiên và thèm muốn. Hắn lập tức sai lính thu lấy cái hũ và bảo:

— Thằng này dùng phép ma thuật quỷ, đó là tội rất nặng. Hãy đem cái hũ về dinh rồi sẽ xử tội nó sau.

Mất cái hũ quý mà không biết kêu van ai, ông Lâm hết sức xót xa. Ông lại lên rừng tìm đến chỗ đào củ mài hôm trước mong gặp lại ông Tiên. Bỗngưng ông Tiên lại xuất hiện:

— Có việc gì mà ông lại đến đây?

Ông Lâm khóc lóc kể lại đầu đuôi việc quan cướp mất cái hũ. Nghe xong ông Tiên bảo:

— Ông đừng lo, ta cho ông vật này để đòi lại cái hũ.

Nói rồi ông đưa ra một hòn đá và dặn:

— Ông hãy đưa hòn đá này đến trước mặt quan và nói: « Hỡi đá thần, hãy thi hành công lí! » thì quan sẽ trả lại cái hũ. Được hũ rồi ông nói tiếp câu: « Tha vạ! ».

3. Ông Lâm cầm lấy hòn đá, cảm tạ ông Tiên rồi ra về. Vợ chồng, cha con giả vờ thì thảo với nhau về hòn đá thần. Người láng giềng tưởng ông lại có vật gì quý, liền đi trình quan. Biết tin, quan lại kéo lính đến nhà bắt ông Lâm phải nộp. Ông Lâm nhanh nhẩu đáp:

— Vâng, để tôi xin đi lấy.

Ông lấy đá thần ra và nói: « Hỡi đá thần, hãy thi hành công lí! ». Lập tức hòn đá vọt ra văng vào mặt quan, rơi xuống lại văng lên bốp, bốp... Quan đau quá, bỏ chạy, nhưng chạy đến đâu hòn đá cũng văng theo. Bọn lính xông ra cản cũng bị đá văng cho tối tăm mặt mũi. Cuối cùng quan phải van lạy ông Lâm:

— Thôi, thôi! Ta xin trả lại cái hũ!



## 17. GÀ RỪNG VÀ HỒ

1. Ngày xưa có một chú gà Trống Rừng. Chú ở trên một cây cổ thụ cao, đầu một khu rừng rậm, ngay cạnh một bản làng. Chú có tiếng gáy rất hay, trong trẻo và vang đi rất xa. Cứ mỗi sáng, khi tiếng gáy của chú cất lên là mọi người biết rằng đã đến giờ dậy đi làm việc nên ai cũng thích nghe tiếng gáy của chú.

Thế nhưng, ở trong rừng rậm có bác Hồ Văn, bác không thích nghe tiếng gáy của gà Trống Rừng tí nào. Xưa nay Hồ Văn vốn chẳng thích nghe tiếng của ai cả mà đêm nay cũng vậy, bác đang lim dim ngủ thì chợt tiếng gà gáy vọng đến làm bác bừng tỉnh giấc. Bác bực mình nghĩ bụng:

— Hừ... không biết là cái con vật chết tiệt nào làm mất giấc ngủ của ta... Mà tại sao cứ một lúc nó lại kêu lên một hồi... thật vô nghĩa.

2. Hồ Văn vùng dậy. Bác lần đi theo tiếng gà gáy. Đến cây cổ thụ, bác vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy dưới ánh trăng sáng một chú gà trống rừng đang gáy te te. Chú ta đậu vắt vẻo trên một cành cây cao. Mỗi lần vươn cổ gáy, cái mào đỏ chói lại rung rung và đôi cánh hoa sắc sỡ lại vỗ phành phạch trông đến là oai vệ.

— À, thì ra là một con gà nhãi nhép.

Hồ Văn làu bàu, tức tối. Bác tiến đến gốc cây, quát hỏi:

— Này ranh con! Làm sao đêm nào mày cũng gào nhặng lên từng hồi thế? Mày không để tao ngủ yên hả?...

— À... Bác Hồ Văn! Đừng có quát tháo om sòm lên. Bác không biết ư? Khi tôi cất tiếng gáy thì có nghĩa là: mọi người hãy yên trí, không sợ dậy muộn đâu (gà gáy).

— Hừ... Đồ nhãi nhép, cứ lên mặt dạy đời, gáy te te chỉ tỏ làm diếc tai nhức óc tao. Mày xem tiếng gáy của mày thì so làm sao nổi với tiếng gầm dữ dội của tao hả!

Gà Trống Rừng vẫn đậu trên cành cao nên chẳng sợ Hồ Văn. Chú cười.

— Mày cười cái gì thế hả?

— Tôi cười Bác đấy, bác Hồ Văn ạ!

— Tại sao mày lại cười tao? Nói mau!

— Bác thật là ngốc. Tiếng gầm của bác to thật đấy nhưng chẳng có ý nghĩa gì cả. Chẳng ai muốn nghe tiếng của bác đâu! Còn tiếng gáy của tôi thì ai cũng thích nghe, ai cũng nhớ.

— Tao thì tao chẳng nhớ nhể gì tiếng gáy của mày. Tao chỉ thấy diếc tai, nhức óc!

— Là vì bác có bao giờ quý mến ai đâu, cho nên bác chỉ thích tiếng gầm của chính mình thôi.

— Mày nói đúng lắm... Hãy xem đây nhé! Khi tao gầm tiếng thứ nhất thì lũ chim ngừng bắt tiếng hót. Khi tao gầm tiếng thứ hai thì chim chóc bay xáo xác, suốt ngừng chảy. Khi tao gầm tiếng thứ ba thì đàn ngựa rừng, trâu rừng chạy tán loạn. Còn khi tao gầm tiếng thứ tư thì... ha... ha... rừng cây chuyển động ào ào, sư tử và voi cũng vểnh chân lên cổ tháo chạy. Đấy, mày thấy chưa? Chứ cứ gáy te te như mày ấy à!

Hồ Văn chưa dứt lời thì gà Trống Rừng đã ôm bụng cười vang:

— Bác vẫn ngốc quá, bác Hồ Văn ạ! Bác gầm to như thế nhưng chẳng ai sợ hãi bác đâu. Người ta chỉ càng lánh xa bác vì chẳng ai thèm chơi với bác cả.

— Hừ... Hừ... Tao không hiểu tại sao mọi người lại cứ thích nghe tiếng gáy của mày.



—Ồ, có gì mà không hiểu nổi hử bác Hồ Văn? Thế này nhé! Bác chịu khó nghe tôi nói đây. Tiếng gấm của bác chẳng đem lại cho mọi người niềm vui nào cả, Còn tiếng gáy của tôi mang đến nguồn vui và ích lợi. Đây này, bác hãy nghe nhé! Khi tôi gáy lần thứ nhất, đó là canh ba: Gió ơi! Hãy thổi mát cho mọi người ngủ thêm ngon giấc. Khi tôi gáy lần thứ hai, đó là canh tư: Trăng ơi! Hãy soi rõ cho mọi người trở dậy nấu cơm. Khi tôi gáy lần thứ ba, đó là canh năm: Mặt trời hãy tỏa sáng cho trẻ con đi học, cho họa mi bừng tỉnh cất tiếng hót vang, cho mọi người vác cuốc ra nương trồng lúa, trồng ngô.

—Này im đi! Im đi, tao chỉ muốn xé xác mày cho mày hết gáy... hết gáy.

3. Hồ Văn nghe tiếng gà gáy tức quá, lăm le tìm cách vỗ gà nhưng trời đã sáng rõ, mọi người nghe tiếng gà báo canh năm đã lục tục vác cuốc ra nương làm việc. Hồ Văn thấy thế sợ quá liền chạy vào rừng trốn biệt trong hang sâu, không dám quay lại chỗ gà Trống Rừng nữa.

KIM PHÚ

(Theo Truyện cổ tích Lào)

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chủ giải*: — *Vắt vẻo*: (đậu) ở chỗ cao và không vững chắc.

— *Canh*: khoảng thời gian ban đêm chừng hai tiếng đồng hồ (theo cách tính thời xưa: một đêm chia ra làm 5 canh).

b) *Ý nghĩa*: Hồ Văn mạnh, gấm thét dữ dội nhưng chẳng ai kính nể.

Gà Rừng nhỏ nhưng tiếng gáy có ích cho người nên ai cũng quý mến. Vậy uy quyền, hống hách, tàn bạo không tạo ra được lòng tin yêu của kẻ khác. Khiêm tốn, giúp ích mọi người mới là điều đáng trọng.

#### II — Lên lớp.

A — *Chuẩn bị*: Tranh minh họa cuộc tranh cãi giữa Hồ Văn và Gà Rừng để gây hứng thú nghe truyện cho HS.

#### B — Giáo viên kể:

1. *Giới thiệu Gà Rừng và Hồ Văn*. Kể đoạn này cần thể hiện rõ sự đối lập giữa hai nhân vật: Gà Rừng gáy hay, ai cũng thích nghe; Hồ Văn cô độc (chẳng thích nghe tiếng của ai cả), bực bội vì bị tiếng gà quấy rầy.

2. *Hồ Văn và Gà Rừng tranh cãi về tiếng kêu của nhau (trọng tâm)*. Kể đoạn này, cần chú ý đến 2 điểm: Trong cuộc tranh cãi, Hồ Văn sức mạnh có thái độ khinh miệt Gà Rừng (gọi Gà Rừng là « nhãi nhép », « ranh con », « đêm nào cũng gào nhặng lên », v.v...); Còn Gà Rừng đậu trên cao, biết Hồ Văn không làm gì được mình nên có ý thách thức (Tôi cười bác đấy!). Nó vạch cho Hồ Văn thấy cái vô nghĩa của sức mạnh của Hồ Văn và tính ích kỷ, cô độc của nó (« Bác có bao giờ quý mến ai đâu »...).

Những nét tâm trạng đó đều cần được tô đậm trong khi kể.

Ở đoạn này còn cần đặc biệt chú ý thể hiện sự tương phản giữa tác dụng của tiếng gấm của Hồ Văn và tiếng gáy của Gà Rừng:

Hồ gấm tiếng thứ nhất: chim ngừng hót, tiếng thứ hai: suối ngừng chảy; tiếng thứ ba: mọi vật vất



chân lên cỏ thảo chạy... Hồ Văn lấy làm *hả hê* về sức mạnh của nó. Ngược lại:

Gà Rừng gáy lần thứ nhất: canh ba, người ngủ thêm ngon giấc; lần thứ hai: canh tư, người dậy nấu cơm; lần thứ ba: canh năm, người và các loài vật vui vẻ đi làm việc. Ai nấy đều quý mến Gà Rừng. Trái lại tiếng gáy của Gà Rừng lại làm cho Hồ Văn phát khùng lên.

3. Nhưng chính Hồ Văn phải hoảng sợ trước cảnh vạn vật, theo tiếng gọi của Gà Rừng đang tập nập đi vào lao động và nó đành lủi vào rừng trốn biệt.

C — Học sinh kể: Truyện này dài, hơi khó kể. Cần gọi cho HS nhớ lại những ý chính của cuộc đối thoại giữa hai nhân vật đối lập.

1. Hồ Văn và Gà Rừng sống ở đâu? Tại sao Hồ Văn bức bối về tiếng gáy của Gà Rừng?

2. Hồ Văn đã đe dọa Gà Rừng như thế nào? Gà Rừng có sợ Hồ Văn không? Tại sao? Hồ Văn đã khoe khoang tiếng gáy của hắn ra sao? Gà Rừng đã ca ngợi tiếng gáy của mình như thế nào?

3. Vì sao Hồ Văn đã phải lủi trốn vào hang sâu trong rừng?

D — Tổng kết:

Sự hống hách, tàn bạo không thể làm cho lòng người mềm phục.

Khiêm tốn, giúp ích mọi người mới là điều đáng quý, đáng trọng.

## 18. ĐÀN VỊT TRỜI

1. Một hôm, Cuội đến Mương Vang chơi. Đi đường mệt, Cuội ngồi nghỉ bên một bờ hồ rộng. Giữa hồ nước, một đàn vịt trời bơi lội tung tăng. Cuội đếm một con, hai con... năm con... mười con... và nhiều lắm. Đang

mải ngẫm đàn vịt, tiếng nhạc ngựa vang lên sau lưng làm Cuội giật mình. Cuội quay lại thấy một lão lang ngao nghể ngồi trên con ngựa tía. Thấy Cuội, lão lên giọng hách dịch:

— Thằng kia, mày làm gì đấy? Sao không tránh cho ngựa tao đi? Mày không biết đất nước này của ai ư?

Cuội nhanh trí, đáp:

— Bẩm lang, con đi chăn vịt. Con không biết hồ này thuộc đất của lang.

Vừa nói, Cuội vừa chỉ đàn vịt trời giữa hồ. Thấy đàn vịt đông đen như kiến cỏ, con vỗ cánh, con ngụp đầu, bơi bơi lội lội, máu tham nổi lên, lão lang gạ Cuội:

— Mày bán đàn vịt cho tao!

2. Cuội nghĩ bụng: « Lão lang này quen thói cướp không của người. Phải cho nó một vố mới được ». Cuội liền làm ra vẻ sợ hãi, thưa:

— Bẩm lang, không bán được ạ. Đây là đàn vịt cơm áo của con, bán đi con biết lấy gì sinh sống sau này. Con xin biểu lang vài đôi để nhắm rượu thôi ạ.

Lão lang không chịu, cứ đòi mua cả đàn. Cuội vờ từ chối, van xin mãi. Cuối cùng, lão lang dọa:

— Tao thương mày mới hỏi mua. Cánh đồng này của tao, hồ nước này của tao. Đây là đất tao cai trị. Mày không bán, tao cũng bắt cả đàn vịt.

Thế là Cuội đành phải bán « đàn vịt cơm áo » của mình với giá mười đồng bạc trắng. Khi nhận tiền, Cuội vờ buồn rầu bảo lang:

— Vịt của con quen chủ, lang chớ lừa ngay. Đợi chúng ăn no, lang hãy lừa về. Lừa bây giờ chúng nó tản đi mất.

Nói xong, Cuội chào lang, đi thẳng.

Khi mặt trời đã sang bên kia dãy núi, xem chừng vịt đã ăn no, lão lang hí hửng chèo thuyền ra lừa đàn



vịt về. Nhưng vừa tới nơi thì ôi thôi, đàn vịt đồng loạt tung cánh lên bốn tầng mây. Bấy giờ lão lang ngu ngốc, tham lam mới biết mình bị mắc mưu. Lão vội lên bờ tìm Cuội, nhưng Cuội đã đi từ bao giờ, tìm đâu cho thấy!

Theo ĐÀO VĂN TIẾN  
(Truyện dân gian Mường)

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — *Lang*: người đứng đầu một làng, xã người Mường dưới thời phong kiến — *Hách dịch*: tỏ ra mình có oai hơn người bằng cử chỉ hoặc lời nói — *Gạ*: tán tỉnh để cầu lợi. — *Hi hửng*: mừng rỡ.

b) *Ý nghĩa*: Đây là một truyện vui dân gian của dân tộc Mường, đề cao trí thông minh của người lao động, đồng thời phê phán thói tham lam của bọn thống trị ngu ngốc, đại diện là tên lang ở vùng Mường thời trước.

#### II — Lên lớp.

##### A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ cảnh lang mặt tưu ngầu, mồm há hốc, ngồi trong thuyền ở giữa hồ nhìn đàn vịt trời bay bổng lên trời cao. Xa xa Cuội đang rảo bước.

##### B — Giáo viên kể:

##### 1. Nhà lang gạ mua đàn vịt của Cuội.

Chú ý các chi tiết: « đàn vịt đông như kiến cỏ », thái độ hách dịch của lang, Cuội chủ động đưa lang vào bẫy.

Ngữ điệu khi kể cần thể hiện được các tính cách: nhà lang đại diện cho bọn thống trị tham lam mà ngu ngốc, Cuội đại diện cho người lao động thông minh, nhanh trí.

2. *Cuộc thương lượng giữa lang và Cuội* — Cuội buộc phải « bán » đàn vịt cho lang.

Cần học thuộc đoạn đối thoại để thể hiện được đúng giọng nói của mỗi nhân vật.

##### 3. *Kết quả*: lang bị mắc mưu Cuội.

Giọng kể vui, dẫn dắt các em đến kết thúc bất ngờ, gây được tiếng cười khoái trá.

##### C — Học sinh kể:

1. Hoàn cảnh nào dẫn đến việc lang gạ mua đàn vịt của Cuội?

2. Cuộc mặc cả diễn ra như thế nào? Lang đã nói gì để buộc Cuội bán đàn vịt cho mình?

3. Lang có lừa được đàn vịt về không? Thấy đàn vịt bay mất, lang nghĩ gì? Làm gì?

##### D — Tổng kết:

1. Cuội ở đây tiêu biểu cho ai? (tiêu biểu cho người lao động, thông minh, nhanh trí).

2. Em thử nêu ý nghĩa của truyện? (Câu chuyện vừa vui, vừa có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Lão lang tham lam nhưng ngu ngốc đã bị Cuội thông minh, nhanh trí cho một bài học đích đáng).

### 19. TRUYỆN THUYẾT VỀ XỨ BA-UN-LÊ

1. Ngày xưa có một bà hoàng hậu tên là A-bơ-ra Pè-cu. Bà trị vì xứ Cu-ma-si. Bà là người thông minh, biết nhìn xa thấy rộng, lại có tài hướng dẫn dân chúng trồng trọt và chăn nuôi. Vì vậy xứ sở của bà rất phồn vinh và bà được dân chúng mến phục.



2. Một năm gặp thời hạn hán to kéo dài, nạn đói kém xảy ra khắp nơi. Thấy xứ sở bà còn nhiều gia súc và lương thực dự trữ, các bộ tộc láng giềng ủa đến cướp bóc. Biết không đủ sức chống lại kẻ thù đông gấp nhiều lần, bà quyết định dời cả bộ tộc đến nơi khác, mang theo toàn bộ gia súc và lương thực. Trên đường, đàn gia súc khát nước quá, không đi được. Các cụ già muốn giết bớt đi cho nhẹ, nhưng hoàng hậu khuyên nên giữ lại để phòng đói. Vừa bị kẻ thù đuổi gấp, vừa bị bầy gia súc quẩn chân, dân chúng mệt mỏi, chán nản, lo sợ. Nhưng hoàng hậu đã khéo động viên dân bằng cách gọi lòng tự hào của các bộ lão và gọi lòng thương con của các bà mẹ. Bộ tộc lại tiếp tục đi. Nhưng khi đến bờ sông Cô-mô thì phải dừng lại. Nước sông chảy xiết, lòng sông sâu thẳm, đá mọc lởm chởm, hà mã hàng đàn. Biết làm thế nào qua sông bây giờ? Giữa lúc ấy Thần sông hiện lên đòi phải dâng máu hoàng tử mới được qua sông. Nhiều cụ già kiệt sức tự nguyện dâng mình, nhưng Thần sông không chịu. Hoàng hậu cũng tự nguyện hi sinh nhưng Thần sông vẫn không nhận. Không có cách nào khác, hoàng hậu đành lòng hiến đứa con độc nhất của mình để cứu cả bộ tộc. Bà ôm hôn con thắm thiết rồi ra lệnh ném con xuống sông. Hoàng tử vừa bị ném xuống sông thì một cảnh tượng kì lạ hiện ra: Hà mã ở khắp sông kéo đến đứng thành hàng ngang làm thành chiếc cầu vững chắc. Kì lạ hơn nữa là hoàng tử lại xuất hiện trên cầu, giơ tay vẫy gọi mọi người qua sông. Hoàng hậu ra lệnh cho cả bộ tộc vượt sông với đàn gia súc của mình. Hoàng hậu là người đi sau cùng. Vừa lúc ấy quân thù kéo đến đông nghịt. Nhưng hoàng hậu vừa đặt chân lên bờ bên kia thì đàn hà mã biến mất. Kẻ thù kinh ngạc đứng nhìn dòng sông cuộn sóng rồi kéo nhau quay về.

Đến một vùng phì nhiêu, bộ tộc dừng lại, dựng nhà cửa, trồng trọt, chăn nuôi và lập nên nước Ba-un-lê.

3. Ngày nay, những người chèo thuyền độc mộc ở Ba-un-lê vẫn còn hát vang bài ca ca ngợi công lao của Hoàng hậu Pê-cu với niềm tự hào về dòng dõi cao quý của mình.

NGỌC LAN

(Theo Truyện cổ Châu Phi)

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

##### a) Chú giải:

— Hoàng hậu: vợ cả của vua.

— Phồn vinh: giàu có.

— Bộ tộc: toàn bộ những người cùng một dòng máu, cùng chung sống với nhau ở thời nguyên thủy.

— Bộ lão: các cụ già.

— Hà mã: loài thú ở châu Phi hình to lớn, da rất dày, có sừng nhỏ, thường sống ở ven sông.

— Thuyền độc mộc: thuyền làm bằng một thân cây gỗ đục rỗng.

— Truyền thuyết: truyện cổ dân gian kể về lai lịch một nhân vật hay một sự việc lịch sử.

b) Ý nghĩa: Truyền thuyết này ca ngợi một nhân vật lịch sử — bà hoàng hậu xứ Ba-un-lê, một xứ thuộc châu Phi — có tài, có đức, hết lòng hết sức chăm lo, bảo vệ bộ tộc của mình.

#### II — Lên lớp.

##### A — Chuẩn bị:

— Tranh vẽ đàn hà mã xếp thành hàng ngang làm cầu cho bộ tộc của bà hoàng hậu qua sông.



*B — Giáo viên kể:*

1. Giới thiệu chung về bà hoàng hậu A-bơ-ra Pê-cu.

Kể lướt qua, nhấn giọng ở các từ chỉ tài năng, đạo đức của bà hoàng hậu: thông minh, nhìn xa thấy rộng, có tài, được dân chúng mến phục.

2. Bà hoàng hậu đưa bộ tộc đi lánh nạn và xây dựng nên xứ Ba-un-lê.

— Đây là đoạn trọng tâm. Kể đoạn này cần làm nổi bật tài năng và đạo đức của bà hoàng hậu:

+ Trên đường đi tránh giặc, bà đã khéo động viên các tầng lớp dân chúng bằng cách gọi lòng tự hào của các bộ lão, lòng thương con của các bà mẹ.

+ Đặc biệt cần thể hiện rõ sự hi sinh cao cả của bà: hiến dâng đứa con trai độc nhất của mình cho Thần sông để cứu cả bộ tộc.

— Giọng kể đoạn này phải linh hoạt, lúc nhanh, lúc chậm, khi dứt khoát... Khi kể đến cảnh tượng kì lạ hiện ra, giọng kể phải vừa thể hiện sự kinh ngạc, vừa thể hiện nỗi vui mừng phấn chấn; nhấn mạnh các từ ngữ: cảnh tượng kì lạ, kì lạ hơn nữa, hoàng tử lại xuất hiện trên cầu...

3. Công lao của hoàng hậu được dân chúng xứ Ba-un-lê ngày nay vẫn còn ca ngợi.

Giọng kể trở lại bình thường, tự nhiên như đoạn mở đầu.

*C — Học sinh kể:*

1. Bà hoàng hậu A-bơ-ra Pê-cu là người như thế nào?

2. Tài năng và đạo đức của hoàng hậu được thể hiện rõ trên đường dời bộ tộc đến nơi khác để lánh giặc ra sao?

3. Ngày nay, dân chúng xứ Ba-un-lê còn ca ngợi công đức của hoàng hậu như thế nào?

*D — Tổng kết:*

— Truyện này ca ngợi công đức gì của bà hoàng hậu A-bơ-ra Pê-cu?

— Thử thách to lớn nhất đối với bà hoàng hậu là chuyện gì? Bà đã xử trí như thế nào? Tại sao bà lại làm như vậy?

(Bà hoàng hậu là người thông minh, biết nhìn xa thấy rộng, có tài hướng dẫn dân chúng chăn nuôi, trồng trọt, vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Đặc biệt bà đã dám hi sinh đứa con trai độc nhất của bà để cứu cả bộ tộc trước nguy cơ bị quân thù tiêu diệt).

## 20. TIẾNG TẠC ĐẠN Ở SA DIỆN

1. Thời thuộc Pháp, bọn thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nhân dân ta thậm tệ. Già, trẻ, trai, gái thấy đều căm ghét chúng. Nhiều thanh niên tru tu không cam tâm làm nô lệ đã tìm đường ra nước ngoài học tập và làm cách mạng. Trong số hoạt động ở tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) có các đồng chí Phạm Hồng Thái và Lê Tân Anh.

Năm 1924, toàn quyền Đông Dương là Méc-lanh sang Nhật Bản họp bí mật về vấn đề Đông Dương. Hành trình của hắn được giữ kín. Việc phòng vệ cho hắn hết sức nghiêm ngặt. Những nơi hắn ghé qua, nghỉ lại, bọn mật thám được bố trí dày đặc...

2. Thế nhưng, tin ấy vẫn đến tai các chiến sĩ cách mạng ta. Phạm Hồng Thái bàn với Lê Tân Anh mưu kế tiêu diệt tên thực dân đầu sỏ ấy để trả thù cho đồng bào và gây thanh thế cho đoàn thể cách mạng thời bấy giờ. Một mặt, họ tìm cách bịt tai, che mắt bọn mật thám đánh hơi, rình bóng chung quanh; mặt khác họ lo



chuẩn bị vũ khí và kế hoạch hành động. Vũ khí mà họ sắm được là hai quả tạc đạn điện kiểu mới để gọn trong một chiếc cặp da mà bốn người Tây thường xách tay và hai khẩu súng lục loại tốt.

Theo tin mật nhận được thì trên đường từ Nhật Bản về, Méc-lanh đi tàu binh, có ghé qua Quảng Đông.

Phạm Hồng Thái thuê một chiếc thuyền con chực sẵn ở bến tàu, định lúc Méc-lanh bước lên bờ thì ném tạc đạn. Nhưng trước khi tàu Pháp đến thì cảnh sát trưởng Quảng Đông đã lệnh cho tất cả ghe thuyền lớn nhỏ đều phải tránh xa, không được bén mảng vào khu vực cấm. Tàu vừa ghé bến, Méc-lanh lên ô tô đi ngay. Thế là kế hoạch của Phạm Hồng Thái không thực hiện được!

Lập tức Phạm Hồng Thái vào khách sạn Vich-to-ri-a định thuê một phòng trên lầu, chờ Méc-lanh đến dự tiệc thì ném tạc đạn vào đầu hắn. Nhưng hôm đó, khách sạn cảnh phòng nghiêm ngặt, không thuê được. Vì vậy kế hoạch lần này cũng hỏng!

Nhưng thời cơ vẫn đang còn. Đúng 6 giờ chiều, bốn lãnh sự và kiều dân Pháp lũ lượt kéo đến một tửu điểm Pháp ở Sa Diện mở tiệc chào mừng thành công của Méc-lanh trong chuyến đi Nhật Bản.

6 giờ 40 phút, xe Méc-lanh vào. Người trong tửu điểm ủa ra đón rước. Một thanh niên khôi ngô, nước da trắng hồng, môi trên có hàng ria mép kiểu tây, bận đồ tây, tay xách cái cặp da kiểu tây đường hoàng từ ngoài cửa đi thẳng vào trong. Cách ăn mặc, đi đứng của anh hệt như Tây nên cảnh binh Pháp không chút ngờ vực.

Đồng hồ điểm 7 giờ. Dao, thìa, nĩa bắt đầu lạnh canh trên bàn tiệc thì bỗng một tia lửa điện lóe ra. Một tiếng nổ « ùng » dậy đất. Ngói gạch từ lầu cao đổ xuống rào rào. Bốn Pháp khiếp đảm, đưa chui xuống gầm bàn,

đưa lẫn dưng ra nền nhà, đưa bỏ nhào ra các cửa. Năm tên chết tại chỗ, trong đó có lãnh sự và giám đốc ngân hàng Pháp. Nhiều tên bị thương nặng.

3. Nghe tạc đạn nổ, cảnh binh Anh, Pháp, lính thủy trên tàu đổ ra lung sục tứ tung. Bị đuổi gấp và quyết không để sa vào tay giặc, Phạm Hồng Thái rút súng lục nhè vào cảnh binh bắn hai phát rồi gieo mình xuống sông Châu Giang.

Méc-lanh thoát chết. Nhưng tiếng tạc đạn Sa Diện đã làm cho bốn thực dân Pháp mất vía và gây một tiếng vang lớn về phong trào chống Pháp của nhân dân ta thời bấy giờ.

Phỏng theo Truyện liệt sĩ Phạm Hồng Thái  
của PHAN BỘI CHÂU.

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — *Sa Diện*: địa điểm thuộc khu vực chiếm đóng của đế quốc Anh ở Quảng Đông (Trung Quốc).

— *Tạc đạn*: vũ khí giết người bằng sức nổ (mìn, lựu đạn, bom...).

— *Toàn quyền Đông Dương*: trước 1945, ba nước Việt Nam — Lào — Căm-pu-chia (Đông Dương) bị thực dân Pháp cai trị. Người đứng đầu chính quyền thực dân Pháp thời bấy giờ là toàn quyền Đông Dương.

— *Tửu điểm*: quán rượu — Đây là một khách sạn.

— *Lãnh sự*: quan chức được cử ra nước ngoài để bảo hộ kiều dân nước mình ở một thành phố, hải cảng...



b) *Ý nghĩa*: Truyện này ca ngợi lòng yêu nước, mưu trí, tinh thần dũng cảm tuyệt vời của liệt sĩ Phạm Hồng Thái, một thanh niên cách mạng Việt Nam chống thực dân Pháp vào những năm 20 của thế kỷ XX.

## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

Một bản đồ Trung Quốc (vẽ phác) trên đó, đánh dấu vị trí tỉnh Quảng Đông.

### B — Giáo viên kể:

1. *Giới thiệu liệt sĩ Phạm Hồng Thái và tên thực dân Pháp đầu sỏ Méc-lanh*. Đoạn này nên kể lướt qua. Chỉ cần lưu ý HS: Phạm Hồng Thái là một thanh niên cách mạng Việt Nam hoạt động ở Quảng Đông (chỉ cho HS thấy vị trí tỉnh Quảng Đông trên bản đồ Trung Quốc) và giới thiệu cho các em biết tên toàn quyền Đông Dương Méc-lanh là kẻ thù đầu sỏ của nhân dân ta thời bấy giờ.

### 2. *Diễn biến của câu chuyện*.

Thuật lại diễn biến của câu chuyện, GV cần làm nổi rõ những tình tiết cơ bản sau đây:

— *Phạm Hồng Thái chớp thời cơ, chuẩn bị khá chu đáo, vượt qua được những khó khăn rất lớn như:*

+ Che mắt bọn mật thám được bố trí dày đặc.

+ Chuẩn bị được những vũ khí tốt, đáng tin cậy.

— *Phạm Hồng Thái đã hành động linh hoạt, mưu trí:*

Đây là đoạn trọng tâm của câu chuyện. Cần kể sôi nổi, nêu bật cả một chuỗi hành động mưu trí, kịp thời, quả cảm của người thanh niên cách mạng. Cần chú ý khắc họa hình ảnh Phạm Hồng Thái cải trang khéo léo thành người Tây đi dự tiệc (ria tây, quần áo tây, cặp da tây v.v...) và cảnh bọn quan chức, kiều dân Pháp hoảng sợ khi tạc đạn nổ (đưa chui xuống gầm bàn, đưa

lăn đùng ra đất, đưa bỏ nhào ra các cửa...) để làm cho câu chuyện kể càng sinh động.

### 3. *Phạm Hồng Thái hi sinh anh dũng*.

Đoạn này chỉ cần nhấn mạnh cho HS thấy rõ:

— Méc-lanh tuy không chết, nhưng tiếng tạc đạn của Phạm Hồng Thái đã gây được một tiếng vang lớn cho đoàn thể cách mạng của ta chống thực dân Pháp thời bấy giờ.

### C — Học sinh kể:

1. Phạm Hồng Thái là ai? hoạt động cách mạng ở đâu?

2. Năm 1924, Phạm Hồng Thái được biết toàn quyền Méc-lanh đi đâu? làm gì? về qua đâu?

3. Phạm Hồng Thái đã chuẩn bị những vũ khí gì để tiêu diệt tên thực dân đầu sỏ ấy?

4. Phạm Hồng Thái định ném tạc đạn giết Méc-lanh ở những địa điểm nào? Lúc ở bến tàu và khách sạn vì sao ý định của anh không thực hiện được?

5. Cuối cùng Phạm Hồng Thái đã làm thế nào để vào được nơi thiết tiệc Méc-lanh ở Sa Diện? Anh đã ném tạc đạn vào bàn tiệc Méc-lanh như thế nào? Kết quả ra sao?

6. Phạm Hồng Thái đã hi sinh anh dũng như thế nào?

### D — Tổng kết:

« Sống, chết được như Anh  
Thù giặc, thương nước mình.  
Sống, làm quả bom nổ  
Chết như dòng nước xanh ».

TỔ HỮU  
(Giáo lộng)



## 21. CHUYỆN KÈ VỀ NHỮNG BÔNG HỒNG

1. Chuyện xảy ra trên một hòn cù lao suốt ngày đêm trôi bồng bênh trên sông biếc. Ở đó có một chú bé vừa ra đời, chưa được bao lâu thì mẹ chú chẳng may lâm bệnh, chết đột ngột. Thiếu sữa mẹ, chú bé khóc ròng rã. Tiếng khóc của chú vang đến tận trời cao, thấu tới tai thần Dớt là chúa tể của các vị thần. Thần Dớt thương tình bèn sai thần thợ rèn trộn đất và nước nặn thành một người đàn bà phúc hậu và đưa xuống trần để nuôi dưỡng chú bé mồ côi. Từ đó hai mẹ con sống trong một ngôi nhà lợp bằng rong biển và những cây mao sương yếu điệu. Ngày ngày, những con dê, sừng nhọn hoắt, thay nhau cho chú bé bú, cây rừng rung lá thành tiếng reo vui cho chú ngủ và ong từ các sườn núi lân cận đem mật tới cho chú. Chẳng bao lâu, chú bé lớn nhanh như thổi. Hàng ngày chú cùng mẹ đi chơi, đi săn và hái quả trong rừng. Cuộc sống êm ả trôi đi. Đến lúc chú bé trở thành một chàng trai khôi ngô, lực lưỡng thì chú để mẹ ở nhà nghỉ ngơi, một mình vào rừng săn bắn nuôi mẹ.

2. Thấy chàng trai đã trưởng thành, thần Dớt gọi người mẹ trở về đỉnh núi bất tử của các vị thần. Thế là một buổi chiều đi rừng về, chàng trai không thấy mẹ đâu, nhìn quanh quẩn chỉ thấy đôi cánh bướm rung rinh đang khuất dần về phía cánh rừng. Chàng trai vội vã đuổi theo. Chàng đi trên các sườn núi dốc, giữa những hang động tối om và trên các bờ vực sâu thăm thẳm. Những hòn đá nhọn, những cây gai làm cho chân chàng bị thương. Máu chàng nhỏ xuống đất để lại dấu vết ở những nơi chàng đã đi qua nhưng chàng vẫn không tìm thấy mẹ, chàng đành buồn bã quay về.

3. Từ trên trời cao, người mẹ rất đau khổ thấy con mình chiều chiều lại ngồi dưới chân núi nhìn dòng nước lặng lẽ trôi. Bà tha thiết xin với thần Dớt cho người xuống làm bạn với chàng trai để chàng đỡ hiu quạnh. Thần Dớt rủ lòng thương, ưng thuận. Thế là trên bầu trời xanh biếc bỗng xuất hiện một con thiên nga trắng muốt bị một con chim ưng đuổi theo. Chàng trai vội vã giương cung nhưng chưa kịp bắn thì thiên nga đã rơi vào lòng chàng. Một bên cánh của thiên nga bị chim ưng cắn bị thương, máu nhỏ giọt thấm xuống đất. Khi chàng trai lau sạch máu ở cánh thiên nga thì con chim bỗng biến thành một cô gái vô cùng xinh đẹp. Đó là công chúa Thiên nga, con gái thần Dớt, vì ưng thuận làm bạn với chàng trai nên chịu để cho chim ưng đuổi bắt xuống trần gian. Và nàng đã sống cuộc đời hạnh phúc với chàng trai đến khi bạc đầu. Còn bên bờ sông ở những nơi mà máu của nàng công chúa rơi xuống cũng như ở trong rừng, nơi mà máu của chàng trai trong lúc đi tìm mẹ đã thấm vào đất thì nay mọc lên những bông hoa đỏ thắm, thơm dịu và đẹp như tình yêu con người. Nhân loại ngày nay gọi nó là hoa hồng và tôn là chúa tể của các loài hoa.

HÀNG THU *kẻ*  
(Theo thần thoại Hi Lạp)

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — *Cù lao*: vùng đất nổi lên giữa sông hoặc giữa biển (cũng gọi là đảo, nhưng cù lao chỉ những đảo nhỏ).

— *Thần Dớt*: chúa tể các vị thần của người La Mã và Hi Lạp (còn gọi là Giuy-pi-te).



— *Trần* (còn gọi là *trần gian*): cõi đời (so với cõi tiên), mặt đất.

— *Khôi ngô*: có vẻ thông minh, lanh lợi.

— *Nhân loại*: loài người.

— *Công chúa*: con gái vua.

— *Thiên nga*: ngỗng trời.

— *Chim ưng*: loài chim cất lớn, mỏ quặp, to, khỏe, thường hay đánh bắt các loài chim bé nhỏ.

b) *Ý nghĩa*: Đây là truyện thần thoại Hi Lạp. Truyện nhằm đề cao lòng yêu thương con người (bao gồm tình thương yêu đối với con người mồ côi, cô đơn; tình mẹ con; tình bạn bè). Truyện còn nhằm giải thích nguồn gốc của cây hoa hồng! là kết tinh của những giọt máu đã đổ xuống vì tình yêu thương con người.

## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

— Tranh minh họa cảnh chim ưng đuổi theo thiên nga.

— Vật thực: bông hoa hồng.

### B — Giáo viên kể:

1. *Thần Dớt thương chú bé mồ côi cho xuống trần một người mẹ để nuôi nấng chú bé.*

— Cần thể hiện rõ:

+ Sự đau khổ của chú bé mồ côi thiếu tình thương của mẹ: Khóc ròng rã, tiếng khóc vang đến tận trời cao...

+ Lòng thương của thần Dớt: cho xuống trần một người đàn bà phúc hậu để nuôi chú bé mồ côi và sai các loài vật khác chăm nom nuôi nấng chú bé cho đến khi trưởng thành.

+ Cảnh sống đầm ấm giữa chú bé với bà mẹ và mọi vật xung quanh.

— Giọng kể phải linh hoạt: khi thì đau buồn (vì mồ côi, thiếu tình thương của mẹ), khi thì dịu dàng, âu yếm, yêu thương.

2. *Thần Dớt gọi người mẹ về trời làm cho chàng trai cô đơn, đau buồn vô hạn.*

Kể đoạn này cần thể hiện tâm trạng cô đơn, đau buồn của chàng trai bằng giọng kể trầm buồn, đầy xúc động. Đặc biệt lưu ý đến hình ảnh « đôi cánh bướm rung rinh đang khuất dần về phía rừng, » và « máu chàng nhỏ xuống đất ».

3. *Thần Dớt lại cho công chúa Thiên nga xuống trần gian làm bạn với chàng trai cho đỡ hiu quạnh.*

— Đoạn này cũng là đoạn hay. Khi kể cần làm nổi bật các tình tiết:

+ Lòng yêu thương của người mẹ tha thiết xin thần Dớt cho người xuống trần làm bạn với chàng trai.

+ Sự rủ lòng thương của thần Dớt: cho công chúa Thiên nga xuống trần:

+ Tình yêu thương của công chúa Thiên nga đối với chàng trai: ưng thuận xuống trần làm bạn với chàng trai. Muốn được như thế phải chịu để chim ưng đuổi bắt, cắn bị thương, máu nhỏ xuống đất.

Giọng kể đoạn này lúc đầu trầm buồn (từ trên trời cao, người mẹ rất đau khổ...), sau đó chuyển sang giọng vui, tha thiết. Đến đoạn cuối cùng (còn bên bờ sông... chúa tể các loài hoa) giọng kể dịu dàng, nhấn giọng ở những từ ngữ: Đỏ thắm, thơm dịu, đẹp như tình yêu con người, tôn là chúa tể ».

### C — Học sinh kể:

1. *Thần Dớt thương chú bé mồ côi khát sữa như thế nào? (Thần Dớt đã cho những ai xuống trần để nuôi nấng, để kết bạn với chú bé?).*



2. Theo truyện này thì bông hồng từ đâu sinh ra?

3. Vì sao hoa hồng lại được loài người tôn là chúa tể của các loài hoa?

*D — Tổng kết:*

Truyện làm cho chúng ta xúc động vì lòng yêu thương con người, tình mẹ con và tình bầu bạn.

Truyện còn nhằm giải thích nguồn gốc và giá trị của hoa hồng. Hoa hồng đẹp và thơm, là chúa tể các loài hoa bởi vì nó là kết tinh của tình mẹ con, tình bầu bạn, tình yêu thương con người.

## 22. NƯỚC MẮT CÁ SẤU

1. Một buổi trưa mùa hè nóng nực, đang lúc hạn hán kéo dài, có bác nông dân kéo một chiếc xe chở đồ đi qua ven rừng. Lúc đó, Cá Sấu đang nằm thoi thóp bên đường tưởng như gần sắp chết khô đến nơi mất!

Trông thấy bác nông dân đi tới, Cá Sấu liền giả bộ khóc lóc van xin bác:

— Ôi ông ơi, xin ông hãy rủ lòng thương! Cánh đầm ven rừng này khô cạn từ lâu rồi. Ông hãy làm phúc chở con đến cánh đầm sâu hơn ở bên kia chân núi. Ông hãy rón tay làm phúc cứu con với!

Bác nông dân đáp:

— Làm sao ta mang chú đi được? Chú to kềnh to càng thế kia cơ mà! Ta chịu thôi!

Cá Sấu lại giả tảng lăn chã giọt ngắn giọt dài:

— Ôi ông ơi, ông hãy cứu con làm phúc! Ông cứ đặt con lên xe rồi chở đi thôi mà!

Bác nông dân lắc đầu:

— Ta không bê nổi chú lên xe, chú nặng lắm! Vả xe ta đã chất đầy các thứ rồi!

Cá Sấu vẫn khản khoản:

— Hay ông cột chặt con vào găm chiếc xe mà kéo đi vậy? Khi nào đến cánh đầm bên kia chân núi, ông sẽ cởi chèo ra cho con!

Bác nông dân cũng động lòng thương con vật khốn khổ, bèn lấy một cuộn chèo to tưởng cột chặt Cá Sấu vào găm xe rồi lại kéo chiếc xe lặc lè gấp đôi lúc trước để đi tiếp.

Khi đến khu đầm sâu, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, bác ta cởi dây buộc Cá Sấu ra. Gã Cá Sấu liền há mồm nhe răng chặn ngay bác nông dân lại và giở mặt:

— Này ông bạn, ông bạn hãy để xác lại đây cho ta ăn thịt, ta cảm giận ông bạn lắm!

Bác nông dân sửng sốt:

— Sao chú lại cảm giận ta và muốn trả ơn ta bằng cách đó?

Cá Sấu lên giọng:

— Ông bạn đã trói chặt quá làm cho suốt một đoạn đường dài ta nhứt nhối khắp cả mình mẩy. Vì thế ta phải ăn thịt ông bạn cho bỏ giận. Vả lại đã mấy ngày liền ta nằm khô chẳng kiếm được con mồi nào cả...

2. Vừa lúc đó, Thỏ Rừng ở đâu chợt đi tới, thoáng nghe thấy câu chuyện liền hỏi Cá Sấu:

— Sao, ông bạn chuyển này lại muốn ăn cả thịt người nữa cơ à? <sup>(1)</sup>

Cá Sấu vênh váo trả lời:

— Ừ, tớ nhờ cái nhà bác này chở tớ từ cánh đầm khô cạn bên kia chân núi sang cánh đầm sâu bên này để kiếm

(1) Xem « Văn gã Cá Sấu tham ăn » — Kể chuyện lớp 2 (XBGD - 1982).



ăn. Bác ta không thương thì chớ lại trói chặt tờ vào găm xe đến gãy hết cả xương và suýt nữa thì tắc thở. Tờ phải trả thù!

Thỏ Rừng lại hỏi:

— Bác ta đã trói ông bạn như thế nào? Lại đây tờ xem thử! Là người giữa, tờ sẽ phân rõ phải trái cho cả hai bên!

Thỏ Rừng nói luôn với bác nông dân:

— Bác cầm lấy cuộn chấu và thử trói lại anh bạn này vào găm xe như ban nãy cho tôi xem có đúng như anh ta kể tội bác không?

Bác nông dân lại trói chặt Cá Sấu vào găm xe. Thỏ Rừng giả vờ giật giật thử sợi dây rồi hỏi Cá Sấu:

— Có phải ban nãy bác ta đã trói ông bạn như thế này không? Ồ, thế này thì ăn thua gì!

Cá Sấu hấp tấp kêu lên:

— Không, không! Nếu chỉ trói như thế này thôi thì tờ nổi giận làm sao được cơ chứ!

Thỏ Rừng liền giúp bác nông dân siết chặt sợi dây chấu hơn nữa, rồi lại hỏi Cá Sấu:

— Thế này đã đúng chưa?

Cá Sấu nhăn mặt xuýt xoa, gật đầu lia lịa:

— Đúng! Đúng như thế đấy! Tờ không tài nào cựa nổi mình nữa! Có thể tờ mới nổi giận và phải trả thù chứ!

Thỏ Rừng quay lại nói với bác nông dân:

— Bây giờ hẳn đã bị trói không cựa nổi mình nữa thì bác còn đợi gì nào? Liệu cái giống bất nhân bất nghĩa này có tha cái mạng cho bác không, nếu bác lại thương hại hẳn như ban nãy?

Như sự tình, lập tức bác nông dân vác luôn một tảng đá tương nhặt ở ven đầm đập vỡ sọ Cá Sấu, vừa đập vừa hét:

— Nước mắt cá sấu này!... Nước mắt cá sấu này!...

Đoạn, cứ thế bác kéo xác con vật khốn kiếp đó về nhà lột da xẻ thịt.

ĐỖ QUANG LƯU

(Phỏng theo truyện cổ Khơ-me)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — «Nước mắt cá sấu»: là một thành ngữ nói về thói giả đạo đức hoặc về bộ mặt tình cảm giả dối của bọn xảo trá tìm cách lợi dụng, lừa gạt những người tốt bụng cá tin.

— *Khẩn khoản*: nắn nỉ bằng được.

b) *Ý nghĩa*: Giúp đỡ người trong cơn hoạn nạn là việc tốt nên làm. Nhưng phải sáng suốt phân biệt kẻ hoạn nạn thực với bọn lừa đảo để khỏi mắc mưu phản trắc của chúng.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

Một tranh vẽ con Cá Sấu hung ác mồm to, răng nhọn, đuôi ba cạnh, vẩy cứng như thép, đang nạt nộ bác nông dân vừa làm ơn cho nó.

#### B — Giáo viên kể:

Trong ba chủ đề đan kết với nhau trong truyện này là: sự xảo trá, phản trắc của Cá Sấu, óc thông minh của Thỏ Rừng và lòng tốt thiếu cảnh giác của người



nông dân thì người kẻ phải làm nổi bật chủ đề thứ ba đề nêu cho HS một bài học về chủ nghĩa nhân đạo có nguyên tắc. Cái trục của truyện là lòng tốt của người nông dân bị phản bội và sự tỉnh ngộ của anh.

1. *Người nông dân tốt bụng bị Cá Sấu lừa dối và phản bội.* Kể đoạn này, cần làm cho HS thấy rõ:

— *Mưu kế xảo trá của Cá Sấu:* hăn khóc lóc, van lơn; không được đặt lên xe, hăn xin được buộc vào găm xe, miễn sao đến được cánh đầm sâu bên kia núi. Đến nơi rồi, hăn trở mặt một cách trắng trợn.

— *Lòng tốt của người nông dân.* Bác chỉ ngại Cá Sấu quá nặng chứ không hề tính đến khả năng hăn có thể phản lại bác. Cuối cùng, trước sự van nài của Cá Sấu, bác «động lòng thương» chịu khó chở hăn đi. Đó là thứ tình thương thiếu cảnh giác vì ai còn lạ gì Cá Sấu là giống vật ăn thịt các động vật khác, kể cả người! Do đó bác đã bị phản bội.

2. *Người nông dân được Thỏ Rừng giúp mưu đã nhận ra kẻ thù và trừng trị hăn một cách đích đáng.*

Ở đoạn này, Thỏ Rừng đóng vai trò chủ động. Thỏ điều khiển cả Cá Sấu lẫn bác nông dân và từng bước đưa Cá Sấu vào tròng.

Bác nông dân ban đầu thiếu cảnh giác nhưng sau đã nhận ra kẻ thù và giáng trả nó với tất cả lòng căm giận của mình (bác vừa đập vừa hét...).

*C — Học sinh kể:*

1. Bác nông dân gặp Cá Sấu ở đâu? Cá Sấu đã van nài bác điều gì?

2. Bác nông dân đã giúp đỡ Cá Sấu ra sao?

3. Cá Sấu đã trở mặt phản lại lòng tốt của bác như thế nào?

4. Thỏ đã bày mưu kế gì để giúp bác nông dân thoát nạn?

5. Bác nông dân đã trừng trị Cá Sấu bằng cách nào?

*D — Tổng kết:*

Chúng ta rất sẵn sàng cứu giúp những người gặp hoạn nạn. Nhưng đối với bọn gian ác chuyên lừa dối lợi dụng những người tốt bụng, chúng ta phải cảnh giác để nhận biết bộ mặt thật của chúng, đề phòng chúng phản lại ta.

## 23. SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT ĐỎ TÂY NGUYÊN

1. Ngày xưa ngày xưa ở miền Nam nước ta có một chàng trai rất khỏe. Bằng một tay, chàng có thể nâng cả một quả núi lớn như người ta nâng một quả bóng. Thấy vậy, mọi người đặt tên chàng là anh Khỏe. Anh Khỏe rất hiền, suốt ngày anh chăm chỉ cấy ruộng, cuốc rẫy để trồng lúa, trồng ngô nuôi mẹ già. Ai cũng yêu mến anh.

2. Một hôm ở vùng anh Khỏe xuất hiện một con rồng lửa không biết từ đâu bay đến. Rồng to lắm. Đầu rồng to như một quả núi. Chân rồng to như những cây cổ thụ. Thân rồng dài đến hàng trăm dặm. Khi bay, đôi cánh rồng giang rộng che kín cả bầu trời miền Nam. Rồng cứ bay lừng lững trên quê hương anh. Bay đến đâu rồng phun lửa đến đó làm cho nước ở sông, suối sôi lên sùng sục, đất đá nứt toác ra thành những cái hang sâu hoắm. Nóng quá, dân làng không ai chịu nổi.

3. Thấy thế, anh Khỏe tức giận lắm. Anh quyết tâm giết rồng lửa để cứu dân làng. Gần vùng anh có một cây gỗ rất to. Thân cây hàng chục người ôm không xuể. Anh nhờ cây làm gậy rồi trèo lên một quả núi thật cao chờ rồng lửa. Được một lúc thì tàn lửa bay tới tấp



vào mắt, vào mũi anh làm cháy cả tóc, cả khố anh, khiến người anh bỏng rát. Tuy vậy, anh vẫn kiên trì đứng đợi. Một lát sau, rồng lửa hiện ra. Chờ cho rồng lửa đến tầm tay, anh liền vung gậy phang thật mạnh vào đầu rồng. Bị đánh bất ngờ, rồng lửa đau quá, quẫy mạnh rồi quay lại đánh nhau với anh. Hai bên giao tranh suốt ba ngày, ba đêm không phân thắng bại. Cuối cùng anh Khỏe vươn tay sang bên cạnh xách một quả núi, cố hết sức ném mạnh vào đầu rồng lửa. Rồng lửa tránh không kịp bị vỡ sọ chết lả xuống đất. Xác rồng trải rộng suốt một vùng đất Tây Nguyên ngày nay.

4. Lúc mới rơi xuống, toàn thân rồng là một khối lửa đỏ rực. Nhưng lâu ngày, xác rồng nguội dần rồi biến thành đất làm cho đất đai vùng này có màu đỏ như lửa. Dần dần những rừng gỗ, rừng cao su, rừng chè, đồi tranh, đồng cỏ thi nhau mọc lên. Các giống muông thú như: voi, hổ, báo, hươu, nai, gấu, vượn,... các loài chim như: công, trĩ, đại bàng, yểng, vẹt... tìm về trú ngụ. Tất cả hợp lại thành một vùng đất Tây Nguyên giàu có và đẹp đẽ như ngày nay.

Theo LÊ HƯƠNG

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Sự tích*: câu chuyện kể về lai lịch, nguồn gốc một sự vật gì.

— *Tây Nguyên*: vùng cao nguyên rộng lớn và màu mỡ nằm về phía tây nước ta, dọc theo dãy Trường Sơn, bao gồm các tỉnh: Gia Lai — Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng (dùng bản đồ chỉ cho HS biết vùng Tây Nguyên).

— *Cồ thụ*: cây to, sống lâu đời.

— *Dặm*: quãng đường dài độ 4 ki-lô-mét.

— *Giao tranh*: đánh nhau.

b) *Ý nghĩa*: Truyện chủ yếu nhằm giải thích lai lịch vùng đất đỏ Tây Nguyên, Màu đất « đỏ như lửa » và chất đất màu mỡ là do xác con rồng lửa tạo nên. Truyện còn nhằm ca ngợi tấm gương anh hùng của một chàng trai dũng cảm đã không sợ nguy hiểm quyết tâm tiêu diệt rồng lửa để cứu dân làng.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

Bản đồ Việt Nam để (chỉ cho HS biết Tây Nguyên ở đâu).

#### B — Giáo viên kể:

##### 1. Giới thiệu anh Khỏe.

Nhấn mạnh đặc điểm về sức khỏe và tính nết anh Khỏe: rất khỏe, có thể nâng một quả núi lên, rất hiền, chăm chỉ làm ăn.

2. Rồng lửa phun lửa tàn phá quê hương, giết hại dân làng.

Khi kể cần nêu bật đặc điểm về hình dáng của rồng lửa (to lắm, đầu to như một quả núi...) và sự tàn phá khốc liệt của nó (phun lửa làm cho nước ở sông ở suối sôi lên sùng sục).

##### 3. Anh Khỏe đánh nhau với rồng lửa và giết được nó.

Cần nêu bật: cuộc giao tranh rất gay go, quyết liệt: suốt ba ngày, ba đêm không phân thắng bại.

Một bên có sức khỏe phi thường nhờ cây gậy chực người ôm không xuể làm gãy, vươn tay xách quả núi.

Một bên có tài phun lửa có thể thiêu cháy được cả một vùng trong phút chốc.



Kể đoạn này cần thể hiện nhịp điệu gấp gáp qua những câu văn ngắn, gọn hoặc bị cắt thành từng ý ngắn.

4. Rừng lửa bị giết chết, xác rừng biến thành đất màu đỏ rất màu mỡ.

Kể đoạn này cần nhấn mạnh hai đặc điểm nổi bật của đất đai vùng Tây Nguyên.

+ Màu đỏ: màu lửa của xác rừng tạo nên.

+ Màu mỡ, phì nhiêu: do xác rừng hóa thành.

C — Học sinh kể:

1. Anh Khỏe là người như thế nào?

2. Rừng lửa tàn phá quê hương anh ra sao?

3. Hải bên giao tranh như thế nào? Kết quả ra sao?

4. Truyện này nhằm giải thích gì?

D — Tổng kết:

Không thể ngồi nhìn cảnh quê hương và dân làng bị rừng lửa thiêu đốt, anh Khỏe đã đem hết sức lực của mình để tiêu diệt rừng lửa, trừ cho quê hương và dân làng một tai họa khủng khiếp. Anh Khỏe đã nêu cao tấm gương về lòng yêu quê hương, yêu dân làng thấm thiết.

## 24. HAI CHÚ GẤU THAM ĂN

1. Ngày xưa ở phía bên kia những ngọn núi Thủy Tinh và bãi cỏ lúa có một khu rừng rậm, không ai đặt chân đến. Giữa khu rừng ấy có một con gấu mẹ đã già và hai chú gấu con.

Một hôm, hai gấu con thưa với mẹ:

— Thưa mẹ, chúng con đã khôn lớn, xin mẹ cho chúng con tự đi kiếm lấy thức ăn.

Gấu mẹ ôm lấy hai con, ân cần căn dặn mọi điều cần thiết.

Hai gấu con từ biệt mẹ ra đi. Chúng đi mãi mà không tìm được thứ gì để ăn, bụng đã đói meo.

Bỗng ngay trên đường đi có một miếng phó-mát lớn. Thật là sung sướng. Hai chú gấu con cùng vồ lấy, định chia thành hai phần đều nhau. Nhưng hễ chú này định bẻ làm đôi thì chú kia giạt lại vì sợ bị chiếm mất phần hơn. Miếng ăn trước mặt, lòng tham nổi lên, hai anh em quên cả lời mẹ dặn. Hai chú gấu con trước còn cãi nhau, sau lại lớn tiếng tranh giành nhau kịch liệt.

2. Vừa lúc ấy, một con cáo già đi tới. Cáo hỏi:

— Hai cậu làm gì mà ôm tôi thế?

Hai chú gấu con kể lại chuyện rắc rối về việc chia phó-mát.

Cáo già nói:

— Chuyện ấy có gì mà rắc rối. Đưa đây, tôi chia hộ cho thật đều nhau. Cậu em sẽ được một phần bằng phần của cậu anh.

Hai anh em gấu mừng rỡ reo lên:

— Thế thì hay quá! Bác chia hộ cho!

Cáo cầm lấy miếng phó-mát bẻ làm đôi. Nhưng nó cố ý bẻ thành hai phần to, nhỏ khác nhau rõ rệt.

Hai chú gấu cùng vội vàng nói:

— Miếng này to hơn rồi!

Cáo già bình thản đáp:

— Không hề gì! Nếu miếng này to tôi sẽ sửa lại cho đều ngay thôi mà!

Nói xong, cáo đưa phần to lên mồm cắn một miếng to rồi nhai ngấu nghiến. Phần to trở thành phần nhỏ. Hai gấu con lại kêu lên:

— Hai phần lại không bằng nhau rồi!



Cáo già liếc mắt nhìn hai chú gấu ra vẻ thông cảm:  
— Không sao! Không sao! Tôi chữa lại cho đều ngay.  
Cáo lại há mồm ngoạm một miếng khá lớn ở phần to. Phần to lại hóa ra nhỏ hơn. Hai gấu con lại hậm hực gào lên:

— Lại không đều! Hai phần vẫn không đều!

Cáo liếm mép rồi an ủi hai gấu con:

— Được rồi! Được rồi! Tôi chỉ sửa lại một tí là hai phần đều nhau thôi!

Cứ như vậy cáo già chén hết miếng này đến miếng khác. Hai chú gấu con thèm nhỏ dãi vẫn cứ hếch mũi lên xem phần nào to hơn, phần nào nhỏ hơn. Cáo chén no bụng rồi mới chia cho hai phần đều nhau. Và lúc bấy giờ thì mỗi phần chỉ còn là một mẩu rất bé.

Cáo nói:

— Xong rồi, bây giờ thì hai phần tuy bé nhưng đều nhau rồi đấy! Chúc hai cậu ăn ngon và đừng tranh phần lớn với nhau nữa nhé!

Cáo cười khi khi, ve vẩy đuôi và chuồn thẳng.

Theo Truyện dân gian Hung-ga-ri

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Phó-mát*: thức ăn bằng vàng sữa đặc để lên men.

#### b) Ý nghĩa:

Truyện ngụ ngôn này khuyên anh em, chị em trong một nhà nên nhường nhịn nhau, đoàn kết với nhau, không nên tranh giành hơn thiệt với nhau để khỏi bị người ngoài lợi dụng.

## II — Len lớp.

### A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ cáo già đang chia phó-mát cho hai chú gấu con háu ăn.

### B — Giáo viên kể:

1. Hai chú gấu con tranh giành nhau miếng phó-mát.

— Từ đầu đến «bụng đói meo»: giọng kể bình thường, nhấn mạnh chi tiết «bụng đói meo».

— Khi đến đoạn: «Bỗng ngay trên đường đi»... cần kể nhanh hơn, sôi nổi hơn làm nổi bật sự tranh giành nhau kịch liệt của đôi gấu con.

2. Cáo già phân xử họ.

Kể đoạn này cần khắc họa rõ đặc điểm tính cách của hai loại nhân vật:

+ Hai chú gấu con: đại dốt và tham ăn.

+ Cáo già: gian xảo, bịp bợm.

Giọng nói của cáo già: chậm rãi, vừa ra vẻ công minh, vừa có ý phỉnh phờ, châm biếm. Cần nhấn giọng ở các từ ngữ: thật đều nhau, không sao, không sao, được rồi, được rồi, rất đều nhau...

### C — Học sinh kể:

1 — Hai chú gấu con thừa với mẹ điều gì? Kiểm được miếng ăn, chúng tranh giành nhau như thế nào?

2 — Cáo già chia phần cho hai anh em gấu con như thế nào? Kết quả ra sao? Cuối cùng cáo già nói gì? với thái độ ra sao?

### D — Tổng kết:

— Hai chú gấu con có những tính xấu gì?

— Cáo già là kẻ như thế nào?

— Kết cục, ai được lợi? Ai bị thiệt? Vì sao? (Hai chú gấu con tham ăn, chỉ vì miếng phó-mát mà lớn



tiếng cãi cọ nhau, tranh giành hơn thiệt với nhau, để cho cáo già lợi dụng chén gần hết miếng phở-mát).

## 25. NHÀ BÁC HỌC Ê-DI-XON VÀ BÀ CỤ GIÀ

1. Ê-di-xon là một nhà bác học nổi tiếng người Mỹ, đã có nhiều phát minh khoa học lớn. Ông đã góp phần hoàn chỉnh máy điện báo, điện thoại, bóng đèn điện, đèn ống, máy ghi âm, xe điện, máy chiếu phim v.v...

Khi bóng đèn điện mới ra đời, làng Men Lô-pác ở ngoại ô thành phố Niu I-oc (Mỹ) là nơi đầu tiên được ông đưa bóng đèn điện vào thắp sáng. Vào những ngày đó, nhiều người từ khắp xa gần ùn ùn kéo về ngắm ánh sáng điện. Thời ấy, con người muốn đi xa phải đi tàu hỏa chạy bằng hơi nước. Còn đi gần, chỉ có một cách duy nhất là đi xe ngựa. Vì thế, số xe ngựa tuy đã khá nhiều, vẫn không sao đủ cho khách thuê đi. Nhiều người phải đi bộ. Có một bà cụ già phải đi bộ mười hai cây số. Đến nơi, cụ mỏi quá, ngồi xuống vệ đường bóp chân, dấm lưng thùm thụp. Lúc đó Ê-di-xon chợt đi đến. Ông dừng lại hỏi chuyện cụ. Cụ nói:

— Ôi, già mỏi quá. Già đã phải đi bộ gần ba giờ đồng hồ để cốt được nhìn tận mắt cái đèn điện. Nhưng dù ở tận cùng trái đất già cũng đi. Già chỉ lo đoạn đường về, nghĩ đến cũng đủ chóng cả mặt. Già ông Ê-di-xon nghĩ thêm được cái xe để chở người già đi nơi này, nơi khác có phải may mắn hơn cho già không?

— Thưa cụ, tôi tưởng vẫn có xe ngựa chở khách chứ?

— Thôi, thôi... già mà đi xe ấy thì ốm mất. Nó vừa xóc vừa kêu ầm ầm. Già chỉ muốn có thứ xe không cần ngựa kéo mà lại thật êm.

2. Nghe bà cụ nói vậy, bỗng một ý nghĩ lóe lên trong óc Ê-di-xon. Ông ngồi xuống cạnh bà cụ và hỏi dồn:

— Thế nào hở cụ? Xe tự đi một mình à?

— Thì chắc ông Ê-di-xon phải biết chứ. Vì ông ta đã làm được đèn điện thì chắc cũng làm được cái xe biết đi một mình.

Ê-di-xon chợt reo lên:

— Làm cái xe chạy bằng dòng điện à? Đúng! Đúng, thế là xong. Cái xe mà cụ mong muốn ấy, cái xe điện cụ ạ!

Bà cụ nhìn ông tỏ ý thương hại:

— Ông làm sao thế?

— Cụ ơi! Tôi là Ê-di-xon đây. Nhờ cụ mà tôi đã nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện đấy.

Bà cụ vô cùng ngạc nhiên khi thấy nhà bác học cũng bình thường như mọi người khác. Khi chia tay, Ê-di-xon bảo:

— Tôi sẽ mời cụ đi chuyến xe điện đầu tiên.

— Thế nào già cũng đến... Nhưng ông phải làm nhanh lên nhé, kéo tuổi già chẳng còn được bao lâu đâu.

3. Từ lần gặp bà cụ, Ê-di-xon miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công. Ông dự định đường xe điện đầu tiên sẽ là từ Niu I-oc đến Men Lô-pác. Ông cùng công nhân ngày đêm thay nhau làm việc. Ông sử dụng cuộc chim cũng thành thạo chẳng kém một công nhân nào. Mọi người đều kính phục ông. Họ bảo:

— Thật là một con người chân chính. Không thấy ai giàu nghị lực và ham làm việc như vậy.

Sau ba tuần làm việc khẩn trương, chuyến xe điện đầu tiên đã chạy. Người ta xếp hàng dài để mua vé.



Ê-di-xơn mời bà cụ già đi chuyển xe đầu tiên. Đến Men Lô-pác; ông mời cụ vào nhà và bảo:

— Tôi đã giữ đúng lời hứa với cụ rồi nhé! Thế nào, cụ có thích cái xe đó không?

Cụ già cười móm mém:

— Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với cái xe này được rồi ông ạ!

Dựa theo Ê-DI-XON  
(Nhà xuất bản Kim Đồng — 1977)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải:* Ê-di-xơn (1877–1931) nhà bác học lớn người Mỹ đã phát minh ra bóng đèn điện, máy ghi âm, máy chiếu phim, xe điện và nhiều loại máy khác chạy bằng dòng điện — *xe điện*: xe chạy bằng sức điện trên đường ray trong thành phố.

— *Ngoại ô*: vùng ven thành phố, xung quanh nội thành — *Miệt mài*: theo đuổi một cách say mê.

b) *Ý nghĩa*: Đây là loại truyện danh nhân thế giới. Bằng nhiều tình tiết sinh động, li thú, bất ngờ, truyện ca ngợi những đức tính tốt đẹp của nhà bác học Ê-di-xơn: luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo; sự say mê trong lao động trí óc, hăng hái trong lao động chân tay và tác phong giản dị, gần gũi quần chúng.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

Tranh hoặc ảnh về nhà bác học Ê-di-xơn và chiếc xe điện đang chạy trên đường.

#### B — Giáo viên kể:

1 *Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa bà cụ và nhà bác học Ê-di-xơn.*

Trong khi kể, giáo viên cần thể hiện được khung cảnh hồ hởi, nhộn nhịp của Men Lô-pác khi làng này được trang bị đèn điện, lòng mong mỏi của cụ già muốn được tận mắt thấy cảnh kì lạ đó.

Cuối đoạn cần thể hiện đúng giọng nói của bà cụ.

2. *Ý định chế tạo xe điện nảy sinh trong óc Ê-di-xơn trong khi nói chuyện với bà cụ.*

Đoạn này có nhiều câu đối thoại, ngữ điệu kể cần biểu hiện được tâm trạng các nhân vật;

— Bà cụ từ ngạc nhiên đến khâm phục khi biết người nói chuyện với mình là nhà bác học Ê-di-xơn.

— Những ý nghĩ chợt nảy sinh và sự tin tưởng vào kết quả công việc của Ê-di-xơn.

3. *Đường xe điện đầu tiên trên thế giới đã được làm xong.*

Cần chú ý đến các chi tiết: những người công nhân tỏ lòng kính phục nhà bác học, Ê-di-xơn vui mừng khi công việc hoàn thành, bà cụ sung sướng khi thấy nhà bác học đã giữ đúng lời hứa khi xưa; mời bà cụ đi chuyển xe điện đầu tiên. Giáo viên cần thay đổi giọng kể cho thích hợp.

#### C — Học sinh kể:

1. Bà cụ về Men Lô-pác để làm gì? Tại sao bà phải đi bộ? Bà cụ mong muốn có loại xe như thế nào?

2. Vì sao Ê-di-xơn lại nảy ra ý định chế tạo xe điện? Tại sao bà cụ lại ngạc nhiên khi biết người nói chuyện với mình là Ê-di-xơn?

3. Sau lần gặp bà cụ, Ê-di-xơn đã làm gì? Những công nhân làm đường xe điện nói gì về Ê-di-xơn? Nhà bác học đã giữ đúng lời hứa với bà cụ như thế nào?



## D — Tổng kết:

Là con người luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo, vì vậy chỉ cần một gợi ý tình cờ của một bà cụ bình thường nhà bác học Ê-di-xơn đã chế tạo thành công xe điện. Các em hãy noi gương đức tính quý báu đó của nhà bác học trong học tập và lao động.

## 26. LỜI HỨA CỦA SÂU RÓM

1. Con sâu róm thấy mình rất đẹp, nó soi mình vào các giọt sương và tự ngắm nghía!

— Mình đẹp biết bao! Nó tự bảo như thế. Và nó ngắm nghía cái mặt bẹt, uốn cái lưng xù lông lên để nhìn rõ hơn hai cái vạch màu vàng ở hai bên lưng.

— Thật là thiệt thòi cho bất cứ ai không được thấy mình!

May thay, có một cô bé đang hái hoa. Sâu róm ta liền bò lên trên đóa hoa đẹp nhất và chờ đợi.

Vừa nhìn thấy sâu róm, cô bé kêu lên:

— Khiếp! Khiếp! Xấu ơi là xấu!

— A! như thế à? — Sâu róm ta bực mình lên tiếng -- Được rồi, ta lấy danh dự thề rằng từ nay trở đi sẽ không để một người nào trông thấy ta bất kì ở đâu, vì lý do gì.

2. Lời đã nói ra, phải nhớ lấy, mặc dù nó chỉ là sâu róm. Lập tức, nó bò lên một cây cao, từ thân cây bò ra cành lớn, từ cành lớn bò ra cành nhỏ, từ cành nhỏ bò lên nhánh, từ nhánh bò ra lá.

Rồi sâu róm kéo ở bụng ra một sợi tơ nhỏ và tiếp tục nhả sợi làm thành kén bao quanh mình. Nó làm việc ấy lâu lắm. Khi đã làm kén xong, nó thở dài: « Ôi,

một quá! Đầu óc cứ quay cuồng lên! » Ở trong kén, vừa tối lại vừa nóng, nhưng không còn việc gì làm, sâu róm ngủ thiếp đi. Rồi một hôm nó thức giấc vì thấy ngứa lưng quá. Nó cọ vào kén, cọ lâu quá đến nỗi kén thủng một lỗ và nó thò đầu ra ngoài. Suýt nữa thì nó rơi xuống. Ngay lúc đó, nó thấy cô bé hôm nọ ở trên bãi cỏ và rất sợ cô bé lại nhìn thấy mình.

« Khiếp! Khiếp! — Nó nghĩ như vậy. Nếu mình không đẹp thì đó không phải là lỗi ở mình. Nhưng nếu để cô ta trông thấy mình thì mình là đồ nói dối. Mình đã hứa là không bao giờ để ai thấy mình nữa cơ mà! Không giữ lời hứa, mình sẽ mất danh dự... ».

Thất vọng, nó buông mình xuống bãi cỏ.

3. Cô bé liền kêu lên:

— Ô, đẹp quá!...

« Như thế thì tin họ thế nào được nhỉ? Hôm trước họ bảo là xấu; nay họ lại bảo là đẹp!... ».

Tức thì, sâu róm soi mình vào một giọt sương. Nó đã thấy gì? Nó ngạc nhiên thấy một gương mặt hoàn toàn khác, với những sợi râu mấp mép dài, dài lắm. Sừng sốt, nó uốn cong lưng thì ở trên lưng đã có những cánh lớn màu sắc rực rỡ. Nó hiểu ngay là mình đã hóa thành bướm bướm. Thì ra mọi việc là như thế. Và nó bay lượn trên bãi cỏ. Là bướm bướm nó chẳng hứa gì cả.

VA-LĂNG-TANH BÊ-RET-TỐP  
NGUYỄN ĐÌNH NGỌ phỏng dịch

## HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu truyện.

Câu chuyện khoa học này kể về sự biến hóa của côn trùng: sâu róm hóa thành bướm bướm. Để giúp trẻ nhận thức dễ dàng sự biến hóa kì diệu đó trong thiên



nhiên đồng thời đề kết hợp giáo dục trẻ, tác giả gắn thêm vào truyện một nội dung luân lý: phải biết giữ lời hứa vì biết giữ lời hứa là tự trọng.

## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

Một con sâu róm (cho HS xem khi kể đoạn 1). Một con bướm bướm đẹp (cho HS xem khi kể đoạn 3). Việc quan sát này sẽ củng cố thêm nhận thức về sự biến hóa kì diệu trong thiên nhiên.

### B — Giáo viên kể :

Cái khó đối với GV khi kể truyện này là ở đây nội dung khoa học tự nhiên và nội dung luân lý quyện vào nhau. Muốn đạt cả hai yêu cầu, GV phải khéo thay đổi điệu bộ, giọng kể cho thích hợp với từng đoạn, từng ý.

1. Sâu róm bị chê là xấu xí hứa quyết không để ai trông thấy mình nữa. Kể đoạn này phải làm cho HS thấy rằng sâu róm không tự biết mình xấu xí. Nó tự ngắm nghía mình trong giọt sương. Nó kêu lên hóm hỉnh: « Minh đẹp biết bao! » và lấy làm tiếc cho kẻ nào không được trông thấy nó.

Nhưng khi đang đợi những lời ca tụng thì nó bỗng nhận được những lời chê bai. Bằng nét mặt và ngữ điệu, GV cần làm nổi bật thái độ ghê sợ, chê bai của cô hái hoa: « Khiếp! Khiếp! xấu ơi là xấu! ».

Bởi thế nó bực mình và tự hứa sẽ giấu mặt mãi mãi. Lời hứa danh dự của sâu róm cần được thuật lại một cách trịnh trọng, dứt khoát.

2. Sâu róm biến hóa mà không hề tự biết. Đoạn này nên kể chậm để HS nắm được quá trình biến hóa của sâu róm: Nó nhả tơ, làm kén, biến thành nhộng rồi hóa bướm chui ra.... Đồng thời, phải làm cho các em

thấy rằng sâu róm tưởng mình vẫn như xưa nên cứ khẳng khẳng thề giữ lời hứa cũ. (Hai nội dung đan vào nhau).

### 3. Sâu róm tự biết mình đã hóa thành con bướm đẹp.

Thái độ trầm trở, lời khen ngợi của cô bé thoát tiên làm cho sâu róm hoài nghi (chú ý biểu hiện nội tâm của từng nhân vật bằng ngữ điệu). Nhưng rồi soi mình vào giọt sương, nó hiểu mình đã hóa thành bướm bướm. Nên nhấn giọng ở những từ ngữ: « hoàn toàn khác », « sống sót »... để làm nổi bật sự biến hóa kì diệu đó.

### C — Học sinh kể:

1. Sâu róm xấu xí và hóm mình như thế nào?
2. Bị chê bai, nó tự hứa điều gì?
3. Nó đã làm gì để thực hiện lời hứa đó?
4. Nhưng cuối cùng nó có còn là sâu róm để giữ lời hứa đó nữa không?

### D — Tổng kết:

1. Sâu róm xấu xí nhưng biết giữ lời hứa danh dự. Đó là một đức tính tốt đẹp.
2. Sâu róm hóa thành bướm bướm. Đó là một sự biến hóa kì diệu của loài côn trùng trong thiên nhiên.

## 27. ĐAM BƠ-RI

1. Xưa kia, từ lâu lắm, ở vùng Tây Nguyên gần kinh thành có thác Búc So reo vui, ca hát đêm ngày. Nhưng vua Pơ-rum không thích nghe tiếng thác. Lão bảo tiếng thác reo làm lòng dạ lão rất khó chịu, ăn không ngon, ngủ không yên. Lão ra lệnh cho quân lính bắt dân phá đá cho thác nước xuôi êm, dập tắt tiếng thác reo để yên giấc ngủ. Thế là hàng ngàn trâu bò, lợn gà bị giết



thịt, hàng trăm người đã chết vì roi đòn, vì đá rơi. Xác họ bị vớt xuống nơi thác đổ. Nước căm giận trào lên, sủi bọt đỏ ngầu máu.

2. Trong đám dân làng có một chàng trai nghèo khổ là Đăm Bơ-ri thấy cảnh buôn làng tang tóc bèn trốn đi. Chàng chỉ mang theo chiếc gùi, mấy nắm gạo, một thanh gươm, một chiếc nỏ và một con chó. Chàng đi, đi mãi, chỉ nghĩ một điều: tìm cách báo thù cho buôn làng.

Một hôm, chàng đến bên một hồ nước trong veo. Con chó bỗng cất tiếng sủa. Nhìn quanh không thấy một bóng chim, một dấu chân thú, chàng xua chó đi tiếp. Chó không chịu đi, càng sủa dữ như lên cơn dại. Xua mãi không được, chàng giận con chó không biết nghe lời chủ, liền đá nó xuống nước rồi bỏ đi. Con chó không chết. Qua bao nhiêu núi, bao nhiêu rừng, chàng vẫn nghe tiếng chó sủa bên tai. Chàng nổi giận, quay lại hồ nước, rút gươm chém con chó.

Lạ thay! Chó không chết mà gươm quán lại như chém phải đá. Chàng chém mạnh hơn. Lưỡi gươm tóe lửa, bật lại. Con chó vẫn trơ trơ, ve vầy dưới tổ vẻ mừng rỡ. Chàng trai kinh ngạc, nhúng tay xuống nước rồi rồi vung gươm chém thử. Thanh gươm gãy đôi. Biết là nước quý, chàng bèn nhảy xuống hồ tắm, rồi vẫy gọi chó trở về cứu dân làng.

3. Chân chàng vượt suối băng rừng nhanh như gió cuốn. Chàng muốn độ sức ngay với kẻ thù.

Thác Búc So đây rồi. Dân làng thân yêu đang bị quân lính đánh đập, thúc ép. Chàng xăm xăm bước tới, hét lớn:

— Sao chúng bay dám đánh dân làng?

Bọn lính gầm lên:

— Đưa nào vừa nói? Bắt lấy nó!

Chúng nhận ra chàng và hùng hổ xông tới. Chàng cứ đứng yên cho chúng chém. Bao nhiêu gươm dao tua tủa đâm chém vào chàng như chém vào đá. Gươm cái oằn, cái gãy. Chàng vẫn đứng sừng sững như ngọn núi. Bọn lính hoảng quá, tưởng chàng là một vị thiên thần, bỏ chạy tán loạn. Chàng trai giật lấy một thanh gươm đuổi theo chúng chém tới tấp. Chúng chết như ngã ra. Chàng đánh đuổi chúng tới tận kinh thành vua Pơ-rum. Lính gác cửa không cho chàng vào và tâu lên vua. Vua hoảng quá, cho quân lính ra vây đánh. Trăm đứa ra chết cả trăm, ngàn đứa ra chết cả ngàn. Quân lính đông như kiến, một mình chàng chống không xuể. Cuối cùng chúng bèn nhau lấy dây sắt trói chàng lại, chắt củi đốt. Ngọn lửa bốc cao, đỏ rực một góc trời, chàng vẫn ngang nhiên nhìn những lưỡi lửa liếm vào thân mình. Người chàng dần dần đỏ rực lên như sắt nung. Ánh sáng tỏa ra sáng chói cả một vùng. Bao nhiêu dây trói đứt tan, chảy thành nước. Chàng xông tới đám quân lính, dang rộng hai tay ôm chặt lấy chúng. Kẻ thù cháy bùng lên như mối lửa. Chàng ôm cả nhà cửa, thành quách, lâu đài. Cả kinh đô nước Pơ-rum chìm trong biển lửa. Từ đó, nhân dân Mơ-nông lại sống yên vui...

4... Ngày nay, tới vùng Đắc Lắc ta còn thấy dòng thác Búc So hùng vĩ chảy âm ầm, như hát vang lên mãi bản anh hùng ca, về chàng trai dũng cảm: Đăm Bơ-ri.

Theo « Kề chuyện cho học sinh lớp 3 »  
(Nhà xuất bản Giáo dục—1978)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

a) Chú giải: — Đăm Bơ-ri (tiếng Mơ-nông: Đăm có nghĩa là Chàng, Bơ-ri nghĩa là rừng núi): dùng hình ảnh quen thuộc đặt tên cho người dũng sĩ của bộ tộc



đề tỏ lòng kính trọng, thân thiết — *Kinh thành*: nơi đóng đô của vua chúa dưới thời phong kiến — *Thiên thần*: vị thần ở trên trời. Trong trí tưởng tượng của người xưa, ở trên trời có thần — *Lâu đài*: tòa nhà to lớn đẹp đẽ — *Anh hùng ca*: bài thơ, bài văn, bài hát ca ngợi sự nghiệp anh hùng.

b) *Ý nghĩa*: Câu chuyện được lược kể theo một truyền cổ dân gian của dân tộc Mơ-nông (một trong những dân tộc miền núi ở Tây Nguyên) ca ngợi chàng trai nghèo khổ Đăm Bơ-ri đã kiên quyết và dũng cảm chống lại ách áp bức tàn bạo của vua Pơ-rum, giành cuộc sống yên vui cho nhân dân. Hành động anh hùng đó được mọi người kính phục và đời đời ghi nhớ.

## II — Lên lớp.

### A — Chuẩn bị:

Tranh vẽ cảnh thành quách, lâu đài vua Pơ-rum chìm trong biển lửa. Chàng trai dũng sĩ đứng sừng sững, tỏa ánh sáng chói lòa, dưới chân dây xích sắt chảy thành nước.

### B — Giáo viên kể:

1. *Hành động tàn bạo của tên vua và nỗi đau khổ của dân làng.*

Kể thông thả nhấn mạnh các chi tiết: «Hàng ngàn trâu bò... hàng trăm người chết», «Nước cấm giận trào lên, sủi bọt đỏ ngầu máu».

2. *Chàng trai nghèo khổ quyết ra đi tìm cách cứu dân làng, được tắm ở hồ nước thần chàng quay lại chiến đấu với kẻ thù.*

Cuối đoạn, nhịp điệu kể cần thể hiện được tâm trạng nóng lòng, mong muốn chóng trở về cứu dân làng.

3. *Cuộc chiến đấu diễn ra dữ dội. Quân thù bị trừng trị. Mọi thù được trả, cuộc sống của dân làng trở lại yên vui.*

Cần kể với ngữ điệu sôi nổi diễn tả cuộc chiến đấu ác liệt, gây được sự hồi hộp, sáng khoái cho HS khi kể đến đoạn quân thù bị trừng trị.

4. *Đồng bào kính phục và mãi mãi nhớ ơn Đăm Bơ-ri dũng cảm.*

Hạ giọng, nhịp điệu trở lại bình thường để khắc sâu ấn tượng đẹp cho HS.

### C — Học sinh kể:

1. Vì sao vua Pơ-rum bắt dân phá thác? Bị dồn đi phá thác dân làng chịu cảnh khổ như thế nào?

2. Trước cảnh khổ của dân làng, chàng trai đã làm gì? Điều gì xảy ra khi chàng trai gặp hồ nước kì lạ? Sau khi tắm ở hồ nước đó, chàng trai đã làm gì?

3. Hãy kể lại cuộc chiến đấu giữa chàng trai và bọn lính của vua Pơ-rum?

4. Ngày nay ở Đăk Lăk còn dấu tích gì ghi lại chiến công anh hùng đó?

### D — Tổng kết:

Vua Pơ-rum bạo ngược, bọn lính tàn ác đã gây cho dân làng bao cảnh tang tóc. Chàng Đăm Bơ-ri bất chấp mọi nguy hiểm, dũng cảm chiến đấu chống lại [chúng bảo vệ dân làng. Tấm gương anh hùng đó sống mãi và trở thành niềm tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường chống áp bức của dân tộc Mơ-nông.

## 28. CUỘC PHIÊU LƯU CỦA BA GIỌT NƯỚC

1. Một ngày kia, dưới ánh nắng nóng bỏng của mặt trời, ba giọt nước nằm trên mặt đất, cứ mỗi lúc một nhẹ mãi đi. Cuối cùng chúng bốc lên tận trời cao cùng



với hàng triệu hàng triệu giọt nước khác. Chúng tụ lại thành đám mây trắng. Hòa với đám mây trắng, từ trên trời cao, ba giọt nước nhìn xuống thấy mặt đất vô cùng đẹp đẽ: sông ngòi chằng chịt, đồng ruộng bao la, núi non trùng điệp, phố phường nhộn nhịp, làng mạc xanh tươi...

2. Bỗng một cơn gió nổi lên dồn những đám mây lại với nhau. Ba giọt nước ngạc nhiên hỏi: «Dì từ phương nào đến mà dồn chúng cháu lại với nhau như vậy?».

Gió ôn tồn đáp: «Vừa rồi ta bận đưa các bạn cháu đi dạo chơi. Bây giờ đến lượt các cháu cùng ta bước vào một chuyến đi dài và đầy thú vị».

Ba giọt nước sung sướng reo lên: «Hoan hô dì Gió! Dì đưa chúng cháu đi nhé! Chúng cháu thích lắm đấy!».

Thế là đám mây trôi trên bầu trời. Dưới ánh mặt trời long lánh, đám mây thay đổi màu sắc một cách kì diệu. Ban đầu mây có màu xám rồi chuyển sang màu hung, màu nâu đỏ, màu hồng phấn, cuối cùng thành đám mây bông nởn. Hình dáng mây cũng thay đổi luôn: lúc thành hình ngựa phi, voi chạy, lúc thành hình rồng bay, cá lượn...

Cuộc dạo chơi cứ mỗi lúc một nhanh thêm. Mây cứ mỗi lúc một lạnh dần và ba giọt nước càng nhỏ đi, càng nặng thêm. Bây giờ thì đám mây không còn giữ được màu bông nữa. Nó xám dần rồi tối sẫm lại và chẳng mấy chốc trở nên đen kịt.

3. Một ngọn núi ngẩng cao đầu ngăn đám mây lại. Dì Gió vượt qua đầu ngọn núi, bay đi. Ba giọt nước ngạc nhiên hỏi núi:

— «Ông là ai mà lại chặn chúng tôi lại? Ông tránh ra cho chúng tôi bay theo dì Gió chứ?»

Giọng núi trang nghiêm đáp:

— Các con không thể đi lang thang được mãi. Ta là ngọn núi rất cao, không một đám mây nào vượt nổi. Chờ đấy, sẽ có nhiều đám mây bạn khác cũng dừng chân lại đây».

Quả nhiên, mây ùn ùn kéo đến làm đen nghịt cả bầu trời. Một luồng hơi lạnh từ đâu thổi tới. Đám mây rung mình, cảm thấy mình không còn nhẹ bỗng như trước nữa. Tất cả đều biến thành những giọt nước nặng ào ào rơi xuống mặt đất.

«Mưa!» Người dưới mặt đất reo lên. Súc vật tìm nơi ẩn náu. Cây cỏ mùa reo và tươi tắn hẳn lên.

Ba giọt nước rơi xuống, hòa mình vào một dòng suối mãi miết trôi đi để rồi một lúc nào đó lại biến thành hơi, thành mây ngao du trên bầu trời cao rộng.

Phỏng theo cuốn «Cuộc phiêu lưu của ba giọt nước»

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Cuộc phiêu lưu*: Cuộc đi đây, đi đó không định trước thời gian và nơi chốn.

— *Đi lang thang*: đi vơ vẩn, chỗ này chỗ nọ không mục đích.

— *Ngao du*: đi dạo chơi.

b) *Ý nghĩa*: Đây là một truyện khoa học. Dưới hình thức một câu chuyện vui về cuộc dạo chơi đầy đó của ba giọt nước, tác giả muốn trình bày với chúng ta một



quy luật của thiên nhiên: dưới sức nóng của mặt trời, nước bốc thành hơi, hơi nước tụ lại thành mây, mây bay lên cao gặp khí lạnh lại biến thành nước, thành mưa rơi xuống ao, hồ, sông, biển...

## II — Lên lớp.

### A — Giáo viên kể:

1. Dưới ánh nắng nóng bỏng của mặt trời, nước bốc thành hơi nước, thành mây trắng.

— Giọng kể vui, thích thú, nhấn giọng: «Dưới ánh nắng nóng bỏng của mặt trời», «cứ mỗi lúc một nhẹ mãi» «bốc lên tận trời cao», «đám mây trắng».

2. Gió thổi, mây bay đi dạo chơi đây đó.

— Giọng kể thể hiện sự biến hóa kì lạ (gió nổi lên dồn mây lại; mây thay đổi màu sắc một cách kì diệu: màu xám, màu hung, màu nâu đỏ, màu hồng phấn, màu bóng nồm, hình dáng mây cũng luôn luôn biến đổi...).

3. Mây bay lên cao, gặp khí lạnh đọng lại thành nước, biến thành mưa rơi xuống.

— Kể đoạn này chú ý làm nổi bật các chi tiết: núi ngăn mây, mây dồn lại đen nghịt cả bầu trời, hơi lạnh thổi tới, mây biến thành mưa rơi xuống.

### B — Học sinh kể:

1. Dưới ánh nắng nóng bỏng của mặt trời, ba giọt nước biến hóa như thế nào? Từ trên cao, mây nhìn xuống thấy gì?

2. Mây thay đổi màu sắc, hình dáng như thế nào?

3. Mây bị núi cao ngăn lại, gặp hơi lạnh biến thành gì?

### C — Tổng kết:

Đây là một truyện khoa học. Dưới sức nóng của mặt trời, nước bốc thành hơi, biến thành mây. Mây bay lên

cao gặp khí lạnh đọng lại thành nước, rơi xuống thành mưa. Rồi nước trên mặt đất lại bốc thành hơi... Sự quay vòng ấy không bao giờ dứt.

## 29. CHUYỆN XIÊNG MIỆNG

1. Người Lào ai cũng biết chuyện Xiêng Miêng. Xiêng Miêng thông minh, hay chơi khăm bọn chúa đất nên chúng vẫn tìm cách buộc tội anh.

☞ Một hôm, chúa nắm chặt một con chim nhỏ trong tay, cho gọi Xiêng Miêng đến hỏi:

— Mày bảo tao để con chim này sống hay sẽ bóp chết nó?

Xiêng Miêng đang đứng cạnh cái cột liền trèo lên lưng chừng rồi hỏi lại:

— Vậy thì nhà chúa bảo bây giờ tôi sẽ trèo lên nữa hay tụt xuống?

Chúa đất biết mình không thể thắng Xiêng Miêng trong cuộc đó nên đành để Xiêng Miêng về.

2. Hôm sau, chúa đất gặp Xiêng Miêng đang tắm dưới ao liền nói:

— Xiêng Miêng, tao đổ mày làm cho tao xuống ao được đấy! Xiêng Miêng nhảy lên bờ, gãi đầu, gãi tai nói:

— Hiện giờ nhà chúa đang ăn mặc thế kia mà lại đổ nhà chúa cởi cả ra để xuống ao thì khó quá. Nếu nhà chúa ở dưới nước mà đổ nhà chúa lên bờ thì rất dễ, tôi làm được ngay.

Chúa đất vội vàng cởi phăng quần áo, nẩy ùm xuống ao định bắt Xiêng Miêng đỡ mình lên bờ. Nhưng hăn chưa kịp nói thì Xiêng Miêng đã cười khà khà, chế giễu:

— Đấy nhé, nhà chúa xuống ao rồi! Thế là thua cuộc nhé!



Tiếp đó, Xiêng Miệng, thản nhiên lấy quần áo của chúa đất làm ra bộ mặc vào. Chúa đất tưởng Xiêng Miệng định cướp quần áo liền vội vã bò lên bờ. Xiêng Miệng ôm quần áo vừa đi giặt lùi vừa nói:

— Đây, thế là nhà chúa lại thua cuộc lần thứ hai nhé! Ban nãy tôi đã làm cho nhà chúa phải xuống ao, bây giờ lại buộc nhà chúa phải lên bờ. Nhà chúa đã chịu thua chưa nào?

Xiêng Miệng vừa nói vừa chạy, cố nhử cho chúa đất phải chạy theo. Dân chúng thấy chúa đất trần như nhộng đuổi theo Xiêng Miệng liền đổ ra xem. Ai nấy đều bò lăn ra cười.

Cuối cùng chúa đất đành phải chịu thua. Xiêng Miệng mới vớt trả lại quần áo...

*Phỏng theo Truyện Xiêng Miệng —*

*Tuyển tập văn học Lào*

*(Nhà xuất bản Văn hóa — 1981)*

### HƯỚNG DẪN

#### I — Tìm hiểu truyện.

##### a) Chú giải:

— *Xiêng Miệng*: Xiêng Miệng trong văn học dân gian Lào, cũng tương tự như các nhân vật Trạng Quỳnh, Tú Xuất, Ba Giai trong truyện cười Việt Nam. Xiêng Miệng cứng đầu và thông minh, thường tìm cách chơi khăm bọn vua chúa để bêu diễu và hạ uy thế của chúng.

b) *Ý nghĩa*: Truyện cười này đã kích bọn chúa đất Lào ngày trước có tính hiếu thắng nhưng ngu ngốc, đồng thời ca ngợi trí thông minh của quần chúng nhân dân lao động.

Đọc kĩ truyện ta sẽ thấy: Trong cả hai cuộc thách đố nhà chúa đều chủ động lên tiếng trước và nắm chắc phần thắng. Nhưng Xiêng Miệng đã lập tức biến thế bị động của mình thành chủ động, đẩy nhà chúa vào thế bí và rốt cuộc phải chịu thua.

#### II — Lên lớp.

##### A — Giáo viên kể:

1. *Cuộc thách đố thứ nhất*. Cần nêu rõ lối thách đố phi lí của chúa đất (hắn cầm con chim nhỏ trong tay rồi hỏi Xiêng Miệng rằng hắn sẽ bóp chết hay để con chim sống) và cách giải đáp rất thông minh của Xiêng Miệng buộc nhà chúa phải thừa nhận sự phi lí của hắn.

2. *Cuộc thách đố thứ hai*. Đây kịch tính, diễn biến nhanh. Khi kể, cần làm nổi bật tính cách của hai nhân vật: chúa đất hiếu thắng, cay cú nhưng ngờ nghệch, Xiêng Miệng nhanh trí, chủ động, hài hước.

Xiêng Miệng đã khéo kích động tính hiếu thắng và chủ quan của chúa đất: « Nếu nhà chúa ở dưới nước mà đố nhà chúa lên bờ thì rất dễ, tôi làm được ngay... » Sau khi đã làm hắn nhảy xuống ao, Xiêng Miệng lại nhử hắn lên bờ « trần như nhộng » trước mắt dân chúng làm cho hắn bị bêu diễu đến cùng cực.

Cần nhấn mạnh những chi tiết như « nhà chúa vội vàng cởi phăng quần áo, nhảy ùm xuống ao », rồi lại « vội vã bò lên bờ, trần như nhộng đuổi theo Xiêng Miệng » để làm cho HS thấy rõ sự lỗ bịch của bọn phong kiến thống trị.

Truyện này phải kể cho HS cười vui thì mới đạt.

##### B — Học sinh kể:

1. Trong truyện dân gian Lào, Xiêng Miệng là nhân vật như thế nào?



2. Lần thứ nhất gặp Xiêng Miệng chúa đất đã thách đố điều gì? Xiêng Miệng đã trả lời bằng cách nào?

3. Lần thứ hai, chúa đất lại đố Xiêng Miệng làm việc gì? Lần này Xiêng Miệng đã thắng cuộc, chúa đất đã thua cuộc ra sao?

### C — Tổng kết:

Bọn chúa phong kiến không kể ở Lào, Việt Nam hay nước khác đều là bọn áp bức, bóc lột nhân dân, nên nhân dân rất căm ghét chúng. Quen ăn trên, ngồi trốc, chúng rất hiếu thắng, chủ quan nhưng lắm khi lại ngốc nghếch. Xiêng Miệng đã chế giễu chúng sâu cay làm cho dân chúng được trận cười hả hê.

## 30. XIN CHÔN Ở NÚI VÀNG

1. Xưa có hai vợ chồng một anh nông dân nghèo phát được miếng rẫy ở bìa rừng để trồng ngô. Khi ngô đã có bắp non thì ngày nào khi cũng kéo nhau đến ăn. Vợ chồng anh phải canh giữ rất vất vả.

Một hôm, vợ anh bàn:

— Cứ đà này, chỉ vài hôm nữa, cả rẫy ngô sẽ không còn bắp nào. Bầy khỉ đông quá, canh giữ mãi không được đâu. Chi bằng chúng ta bẻ nấu ăn non cho đỡ phí.

Người chồng nghe vợ nói có lý liền bằng lòng. Rồi cả hai lên rẫy bẻ bắp, phần thì luộc, phần thì nướng ăn. Ăn no rồi lăn ra ngủ. Tối đến, bầy khỉ kéo xuống, thấy vợ chồng anh nông dân ngủ say không چرا quậy tưởng rằng họ đã chết bèn hò nhau khiêng đi chôn. Sáng ra, tỉnh giấc, thấy mình nằm dưới chân núi, vợ chồng anh nông dân rất ngạc nhiên. Họ đang bàng hoàng chưa nhận ra lối trở về rẫy thì bỗng thấy chung quanh có nhiều hòn đá óng ánh màu vàng chói. Họ

nhất lên xem thì ra đó chính là vàng khối. Rất mừng rỡ, họ lượm mỗi người một túi nặng rồi vội vã đem về nhà. Từ đó, họ tận được ruộng nương, trâu bò và trở nên giàu có.

2. Láng giềng có một tên phú hộ thấy vợ chồng anh nông dân bỗng chốc trở nên sung sướng, lấy làm thèm khát bèn lán la hỏi chuyện. Vốn tính thật thà, vợ chồng anh nông dân kể lại đầu đuôi, không giấu giếm điều gì. Nghe xong, tên phú hộ hí hửng ra về. Sau khi nhỏ to bàn bạc với vợ, hắn đến hỏi mua đám rẫy và sai người nhà tria ngô ngay. Chẳng mấy chốc ngô đã trổ cờ, ra bắp. Hai vợ chồng hắn cũng lên rẫy, cũng bẻ bắp nướng và luộc ăn rồi vội vã lăn ra ngủ. Lát sau, bầy khỉ đến rất đông. Chúng thấy hai người nằm im, tưởng họ đã chết lại xúm nhau khiêng đi chôn. Chúng chuyền tay vợ chồng tên phú hộ từ cánh này qua cánh khác, qua nhiều mỏm núi cao, suối sâu. Đang lưng chừng suối, chúng dừng lại hỏi nhau nên chôn chỗ nào. Khi đầu đàn bảo: «Nên chôn ở núi bạc vì đời vợ chồng trước đã chôn ở núi vàng».

Vợ tên phú hộ nghe vậy, không kìm được máu tham bật kêu lên:

— Chôn núi vàng thôi, đừng chôn núi bạc!

Bầy khỉ nghe tiếng người, hốt hoảng buông tay, vợ chồng tên phú hộ rơi tòm xuống vực. Bầy khỉ hè nhau chạy trốn.

Truyện cổ dân tộc Chăm

### HƯỚNG DẪN

I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chủ giải*: — *Phát rẫy*: chặt và đốt cây cối ở từng khoảnh để trồng lúa, rau màu...



— Vàng khối: vàng đúc thành thỏi, thành cục đặc.

— Phú hộ: nhà giàu.

b) Ý nghĩa:

Truyện cổ tích này kể về vợ chồng anh nông dân nghèo may mắn được vàng, trở nên giàu có và vợ chồng tên phú hộ tham lam bị quăng xuống vực sâu, qua đó nhằm thể hiện ước mơ về công lí của người nông dân thời xưa: ở hiền gặp lành, kẻ tham lam độc ác sẽ bị trừng phạt.

## II — Lên lớp.

A — Giáo viên kể:

1. Vợ chồng anh nông dân nghèo may mắn được vàng, bỗng trở thành giàu có.

Ở đoạn này, cách kể phải linh hoạt:

— Khi bình thản (phần giới thiệu hoàn cảnh anh nông dân).

— Khi lo âu, thất vọng (lời bàn của chị vợ anh nông dân).

— Khi vui cười (cảnh khiêng vợ chồng anh nông dân đi chôn).

— Khi bàng hoàng (cảnh họ bừng tỉnh dậy giữa núi vàng).

— Khi sung sướng (cảnh họ được vàng, trở nên giàu có).

Ở mỗi cảnh cần có điệu bộ, nét mặt, giọng kể thích hợp và cần nhấn mạnh những từ ngữ làm nổi bật cảnh đó.

2. Vợ chồng tên phú hộ tham lam, xảo quyệt bị quăng xuống vực.

Ở đoạn này, cần làm cho HS thấy rõ thói tham lam xảo quyệt của tên phú hộ: hẳn thêm khát sự giàu có

của anh nông dân, hẳn lần la hỏi chuyện, lập kế đến núi vàng. Nhưng dù xảo quyệt đến đâu, vợ chồng hẳn cũng không giấu nổi lòng tham có gốc rễ sâu xa trong máu tủy của chúng. Chúng chịu được cảnh ghê sợ khi bầy khiêng chúng qua núi cao, suối sâu, chuyển chúng từ cảnh này sang cảnh khác, nhưng khi nghe nói sẽ được chôn ở núi bạc thì lập tức mưu kế gian tham bật thành tiếng: «Chôn ở núi vàng thôi! Đừng chôn núi bạc!». Do đó, chúng đã bị trừng phạt đích đáng.

B — Học sinh kể:

1. Vợ chồng anh nông dân trồng ngô ở đâu? Ngô non bị phá hoại như thế nào? Vợ anh bàn định cách đối phó ra sao? Điều may mắn nào đã bắt ngờ đến với họ?

2. Thấy vợ chồng anh nông dân bỗng chốc trở nên sung sướng, tên phú hộ đã làm gì? Bầy khiêng vợ chồng tên phú hộ đi chôn ở núi vàng không? Vì sao?

3. Khi nghe khiêng đàn bảo không chôn ở núi vàng, vợ tên phú hộ nói gì? Tại sao vợ chồng chúng chết thảm hại?

C — Tổng kết:

Cha ông ta xưa kia tin ở một điều giản đơn: tham thì thâm, ở hiền gặp lành. Đó cũng là ước mơ công lí và hạnh phúc. Ước mơ ấy ngày nay đã và đang trở thành hiện thực trên đất nước ta.

## 31. BÀN CHÂN KÌ DIỆU

1. Một buổi sáng, trời đẹp, cô giáo Cương đến lớp sớm. Cô đang chuẩn bị để viết trước bài học văn lên bảng thì thấy một em bé thập thò ngoài cửa. Cô bước ra và dịu dàng hỏi:

— Em muốn hỏi gì cô phải không?



Em bé lặng im, xúc động, chưa kịp nói gì bỗng một học sinh trong lớp kêu lên:

— A! Thắng Kí! Thắng Kí liệt đến làm gì thế nhỉ?

Cô giáo Cương quay lại bảo em học sinh đó im lặng, rồi cô cúi xuống nhìn em bé. Em bé khẽ nói:

— Thưa cô, em xin cô cho em học có được không ạ?

Cô giáo cầm lấy tay Kí. Hai cánh tay em mềm nhũn buông thõng không cử động được. Cô lắc đầu thất vọng:

— Khó lắm em ạ, em về nhà chơi, để lớn lên ít nữa xem sao đã.

Cô thoáng thấy đôi mắt Kí nhòa đi. Em quay ngoắt lại, chạy về nhà, hình như vừa chạy vừa khóc.

Cô giáo trở vào lớp. Nhưng cả buổi học hôm ấy hình ảnh em bé với hai cánh tay buông thõng vẫn hiện lên trước mắt cô. Cô thương em ham học nhưng chẳng may bị tàn tật.

2. Mấy hôm sau, cô giáo đến thăm nhà Kí. Qua cổng, cô dừng lại vừa ngạc nhiên, vừa cảm động: Kí đang ngồi giữa sân hí hoáy tập viết. Kí cặp một mẫu gạch vào ngón chân và đang vẽ xuống đất những nét chữ ngoằn ngoèo. Cô hỏi thăm tình hình sức khỏe của Kí và cho em mấy viên phấn.

Mấy hôm sau, Kí lại đến lớp. Lần này em được nhận vào học. Cô giáo đã dọn một chỗ ở góc lớp, trải chiếu cho Kí ngồi và tập viết ở đó. Em cặp cây bút vào ngón chân và tập viết vào trang giấy. Ôi! Biết bao nhiêu khó khăn. Cây bút như không muốn làm theo ý muốn của Kí. Bàn chân Kí giẫm lên trang giấy, cựa quậy một lúc là nhàu nát cả. Mực giấy bết bết. Mấy ngón chân mỏi nhừ. Cô giáo thay cây bút chì cho Kí. Kí lại kiên nhẫn tập viết. Mấy ngón chân của Kí quắp lại giữ cho được

cây bút chì đã khó rồi, còn điều khiển nó viết thành chữ lại càng khó hơn. Kí cố gắng hết sức để đưa cây bút chì đi theo nét chữ. Bỗng Kí nằm ngửa ra, giờ chân lên, mặt nhăn nhó, miệng xuyết xoa trông thật tội nghiệp. Cô giáo và mấy bạn nữa chạy vội lại đỡ Kí. Thì ra bàn chân Kí bị chuột rút co quắp lại không duỗi ra được. Các bạn Kí phải xoa bóp mãi Kí mới đỡ. Cái giống « chuột rút » thật khó chịu. Nó đã rút được một lần thì sau nó cứ rút mãi, làm khổ Kí rất nhiều. Có lần đau đến tái người, Kí quăng bút chì vào xó nhà định thôi học. Nhưng cô giáo Cương lại an ủi và khuyến khích: « Em cứ tập dần từng tí một, phải hết sức chịu khó mới được » Các bạn mỗi người góp một câu, giúp một việc. Lời khuyến khích dịu dàng của cô giáo, những cái nhìn, những cử chỉ thân thương của bạn bè đã tiếp sức cho Kí. Kí lại quắp bút vào ngón chân và lại hí hục tập viết « mỗi ngày một tí » như lời cô giáo dạy. Kí bền bỉ, vượt mọi khó khăn. Trời nắng, trời mưa, người mệt mỏi, ngón chân đau nhức, có lúc chân bị chuột rút liên hồi... Tất cả những khó khăn đó không làm Kí nản lòng. Buổi học nào cũng vậy, trong góc lớp, trên mảnh chiếu nhỏ, Kí hí hục tập viết hoài. Trông Kí ai cũng thương.

3. Nhờ kiên trì luyện tập, Kí đã thành công. Lên lớp Một, Kí đã đuổi kịp các bạn. Chữ Kí viết ngày một đều hơn, đẹp hơn. Có lần Kí được 8 điểm, 9 điểm rồi 10 điểm về môn viết tập. Gương Nguyễn Ngọc Kí dũng cảm, kiên trì vượt khó khăn, vươn lên trong học tập đã được mọi người biết đến. Lúc Bác Hồ còn sống, Bác đã hai lần gửi huy hiệu của Người tặng Nguyễn Ngọc Kí.

Phỏng theo truyện « Bàn chân kì diệu »



## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— Bàn chân kì diệu: bàn chân như có phép lạ.

— Liệt: không cử động được (do hệ thần kinh bị thương tổn).

— Bàn chân bị chuột rút: bắp thịt chân bị co rút lại rất đau, không cử động được.

b) Ý nghĩa: Truyện « người thực việc thực » này nêu gương một em bé hai tay bị liệt không cầm được bút mà đã kiên trì và dũng cảm tập viết bằng chân, học tập đạt kết quả tốt. Truyện nhằm giáo dục chúng ta tinh thần vượt khó khăn, tinh kiên trì và dũng cảm vươn lên trong cuộc sống.

### II — Lên lớp.

#### A — Giáo viên kể:

1. Kí xin cô giáo cho học, nhưng chưa được cô nhận.

Kể đoạn này cần nêu bật sự xúc động của Kí và lòng ái ngại của cô giáo. Giọng kể nhẹ nhàng và xúc động.

— Kí: thập thò ngoài cửa, im lặng, xúc động, khẽ nói, mắt nhòa đi, quay ngoắt lại.

— Cô giáo: dịu dàng hỏi, cầm tay Kí, lắc đầu, thất vọng thương em ham học.

2. Kí kiên trì và dũng cảm tập viết bằng chân (trọng tâm).

— Kể đoạn này trước hết cần thể hiện rõ tinh kiên trì và lòng dũng cảm vượt khó khăn của Kí trong công việc tập viết bằng chân, và sự xúc động trước những khó khăn, đau đớn hàng ngày của Kí: « Ôi, biết bao nhiêu khó khăn », « mấy ngón chân mỗi như », « bồng

Kí nằm ngửa ra, giơ chân lên, mặt nhăn nhó, miệng xuýt xoa trông thật tội nghiệp »...

Cần giảng các từ ngữ cho thấy Kí cố hết sức tập luyện: Kí lại quắp bút vào ngón chân, hi hục tập viết, không làm Kí nản lòng...

— Tiếp đó giọng kể cần thể hiện sự quan tâm giúp đỡ, chăm sóc, động viên, an ủi của cô giáo và bạn bè đối với Kí.

#### 3. Kí đã thành công.

Tinh kiên trì và lòng dũng cảm tập luyện của Kí đã đem lại kết quả tốt.

Giọng kể chậm rãi, bình thường. Nhấn mạnh các từ ngữ cần thiết: « đều hơn, đẹp hơn », « tám điểm, chín điểm rồi mười điểm ».

#### B — Học sinh kể:

1. Tại sao lúc đầu cô giáo Cương không nhận ngay Kí vào học? Vì sao sau đó cô giáo lại nhận Kí vào lớp?

2. Trong học tập, Kí gặp những khó khăn gì? Kí vượt những khó khăn đó ra sao? Kí đã được cô giáo, bạn bè động viên, giúp đỡ như thế nào?

3. Dũng cảm và kiên trì tập viết bằng chân, Kí đã đạt được kết quả như thế nào?

#### C — Tổng kết:

Bại liệt cả hai tay mà vẫn ham học, cặp bút bằng chân mà viết thành chữ đẹp và học tập thành tài, bạn Kí là một trong những thiếu niên đã nêu tấm gương tuyệt vời về tinh thần vượt khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

Rõ ràng là:

« Không có việc gì khó,  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên ».

(BÁC HỒ)



## 32. NGƯỜI THỢ DỆT THẨM

1. Tại thành phố Ma-si-ra-lô-phi-a ở miền Nam Ấn Độ có một người thợ dệt thẩm tên là Xa-ca-ra-đa-ta. Anh dệt thẩm rất khéo, nhưng cả năm mới dệt xong được một tấm, vì thế anh ta nghèo lắm.

Một hôm, anh sắp dệt xong một tấm thẩm đẹp thì khung cửi bỗng bị gãy. Anh vác búa đi tìm một cây gỗ thật chắc để chữa lại. Anh đi khắp nơi nhưng chưa tìm được một cây gỗ nào vừa ý. Một hôm, đến một khu rừng nọ, anh thấy một cây dương liễu vàng, cao lớn, cành lá sum sê, gỗ thật chắc. Anh rất mừng, giờ búa toan chặt. Bỗng có tiếng kêu: «Ta là thần núi đây. Cây dương liễu này là nhà của ta, người không được chặt!». Anh thợ dệt ngừng tay phân vân. Anh nghĩ đến cái khung cửi hỏng liền năn nỉ: «Nếu không có gỗ tốt chữa khung cửi thì tấm thẩm của tôi sẽ không dệt xong, cả nhà tôi sẽ chết đói. Tốt hơn hết là ngài nên dọn nhà đi chỗ khác để tôi chặt cây».

Thần núi trả lời:

— Không được! Người không được đụng đến nhà của ta! Người cần gì cứ bảo, ta sẽ cho người được như ý.

Anh thợ dệt suy nghĩ và nói với thần núi rằng anh cần về bàn với vợ xem sao đã rồi sẽ trả lời sau.

2. Anh vội vã ra về. Giữa đường, anh gặp một người bạn thân. Người bạn nghe chuyện liền mách nước:

— Theo ý tôi, anh hãy bảo nó cho anh được làm vua. Anh làm vua, tôi sẽ làm tể tướng cho anh. Thế là chúng ta sẽ được hưởng giàu sang.

Người thợ dệt trả lời:

— Anh nói nghe cũng phải đó. Nhưng tôi cũng phải về bàn với vợ tôi đã.

Nói xong, anh đi một mạch về nhà thuật lại cho vợ nghe. Nghe xong, vợ anh trả lời:

— Người bạn của anh chẳng hiểu gì cả. Anh chớ nên nghe lời hắn. Làm vua lo nghĩ nhiều, nhọc lòng lắm. Anh không biết là xung quanh một ông vua có biết bao những bọn xu nịnh và phản nghịch. Làm vua chẳng sung sướng gì. Chỉ bằng anh đến nói với thần núi giúp cho chúng ta một khung cửi tốt muốn dệt bao nhiêu sẽ có bấy nhiêu, mà toàn là thứ hàng tuyệt đẹp.

Anh thợ dệt tán thành ý kiến của vợ. Anh trở lại chỗ gặp thần núi. Vừa đi, anh vừa nghĩ: Nếu thần núi giúp ta một chiếc khung cửi kì diệu như vậy thì đối với ta có gì là vui sướng đâu! Những tấm thẩm sẽ do khung cửi của thần dệt ra. Mình chỉ là người vác thẩm đi bán lấy tiền ư? Sống như vậy có gì là sung sướng?

Nghĩ vậy, anh thấy không vui nên khi đến chỗ cây dương liễu, anh nói:

— Thần đã không muốn tôi ngã cây gỗ này thì nhờ thần chữa hộ tôi cái khung cửi và giúp tôi dệt được nhanh hơn, đẹp hơn.

Thần núi đáp:

— Được lắm, ta sẽ giúp anh được như ý muốn.

3. Anh thợ dệt về đến nhà thì thấy khung cửi đã sửa chữa xong.

Anh ngồi vào dệt, dệt say sưa, nhanh hơn trước rất nhiều. Chẳng mấy chốc tấm thẩm đã xong. Anh sung sướng thấy hàng do bàn tay anh làm ra thật tuyệt đẹp. Nhiều tấm thẩm khác được anh dệt ra và mang đi bán khắp nơi. Anh sống rất sung sướng. Nghề của anh được mọi người ca tụng. Tên tuổi của anh được mọi người biết đến. Sau khi anh mất, nhân dân vẫn nhớ mãi những tấm thẩm chắc bền, tuyệt đẹp do bàn tay khéo léo của anh thợ Xa-ca-ra-đa-ta dệt ra.

Theo sách «Ba túi chuyện»  
(Nhà xuất bản Kim Đồng)



## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Thảm*: đồ dùng dệt bằng lông hoặc bằng đay, cói dùng để trải bàn hoặc trải sàn nhà cho đẹp, cho sạch.

— *Thần diệu*: ý nói khung cửi có phép lạ.

— *Mách nước*: bảo cho biết cách mà làm.

— *Tể tướng*: chức quan cao nhất trong triều đình phong kiến ngày xưa.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này ca ngợi giá trị chân chính của lao động và ca ngợi người lao động chân chính. Lao động thật sự mới đem lại niềm vui và hạnh phúc cho bản thân người lao động và cho mọi người. Vì thế nên người thợ dệt chỉ yêu cầu thần núi giúp mình sửa lại khung cửi để tự mình dệt ra những tấm thảm đẹp chứ không cậy thần núi dệt thay cho mình.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

Nên có tranh ảnh về những tấm thảm và những khung cửi dệt tay cho HS xem.

#### B — Giáo viên kể:

##### 1. Người thợ dệt gặp thần núi.

Kể đoạn này, GV chú ý thể hiện đúng giọng nghiêm nghị của thần núi và giọng nói bình tĩnh, cứng rắn của người thợ dệt.

##### 2. Ý kiến quyết định của người thợ dệt.

Kể đoạn này, GV cần lưu ý đến tính cách của 3 nhân vật: người bạn, người vợ và người thợ dệt:

— *Người bạn* để lộ tư tưởng vụ lợi « anh làm vua, tôi làm tể tướng » (muốn sung sướng nhưng không muốn lao động).

— *Người vợ* thiết thực hơn, nhưng vẫn muốn thần núi làm việc thay mình: « Chi bằng... toàn thứ hàng tuyệt đẹp ».

— Trái lại người thợ dệt chỉ muốn được thần núi giúp đỡ tạo điều kiện để tự mình lao động, sản xuất. Bởi vì sống không lao động thì « có gì là sung sướng ».

3. *Nguyên vọng chính đáng của anh thợ dệt được thỏa mãn. Anh sống rất sung sướng.*

Giọng kể đoạn này nên nhẹ nhàng, thoải mái, nhấn mạnh các ý: Anh sống rất *sung sướng*, mọi người *ca tụng anh*, nhờ mãi những tấm thảm bền chắc, tuyệt đẹp do anh dệt ra.

#### C — Học sinh kể:

1. Khi khung cửi bị gãy anh thợ dệt thảm làm gì? Thần núi nói với anh điều gì? Anh thợ dệt trả lời ra sao?

2. Người bạn anh thợ dệt khuyên anh ta ra sao? Người vợ bàn với anh những gì? Anh này nghĩ như thế nào?

3. Anh thợ dệt thảm được thần núi giúp đỡ ra sao? Từ đó anh sống như thế nào? Vì sao?

Sau khi hướng dẫn HS kể lại từng đoạn rồi kể cả truyện, GV có thể cho HS kể theo lối diễn xuất mỗi HS sắm vai một nhân vật:

— Người dẫn truyện (HS khá và giỏi).

— Người thợ dệt thảm.

— Thần núi.

— Người vợ anh thợ dệt.

— Người bạn anh thợ dệt.

#### D — Tổng kết:

— Anh thợ dệt thảm có làm theo lời bàn của bạn và vợ anh không? vì sao?



— Truyện này dạy ta điều gì ?

(Truyện này cho ta thấy anh thợ dệt thảm Xa-ca-ra-da-ta là một người thợ chân chính. Anh say mê dệt thảm, tự giác lao động vì anh hiểu rằng lao động đem lại cho anh và cho mọi người niềm vui và hạnh phúc).

### 33. ĐƯỢC BÁC HỒ TẶNG ÁNH

1. Anh Li Phúc Nha mới vào bộ đội. Một hôm anh được cấp chỉ huy giao nhiệm vụ đứng gác một vị trí đặc biệt quan trọng. Anh vừa lo lắng vừa phấn khởi. Nha thuộc lòng lời dặn của đại đội trưởng: « Nếu như khu vực đơn vị ta bảo vệ ví như cả con người thì nơi đồng chí gác là bộ óc. Đồng chí cần kiểm tra kỹ giấy ra vào. Ai có giấy tờ hợp lệ mới được ra vào ».

2. Bỗng Nha thấy từ xa một ông cụ già người cao, thanh thanh, đội chiếc nón đã cũ, quần xắn đến đầu gối, chân đi dép cao su, vai mang chiếc túi vải đi nhanh về phía mình. Nha nghĩ bụng: « Có lẽ ông cụ đến căn nhà mình bảo vệ đây! ».

Nha tiến lại gần ông cụ nhưng chưa kịp hỏi thì ông cụ đã nói:

— Chú gác ở đây à? — giọng nói của cụ vừa hiền từ vừa ấm áp.

— Vâng.

Ông cụ định tiếp tục đi vào hướng ngôi nhà cần được bảo vệ. Anh buột miệng nói luôn:

— Cụ cho cháu xem giấy ra vào ạ.

Hỏi xong, Nha để ý nhìn ông cụ. Đôi mắt ông cụ trông quen quá, sáng và đẹp như mắt Bác Hồ. Có phải Bác Hồ không nhỉ?

Ông cụ vui vẻ bảo Nha:

— Bác đây mà!

Lúc này một người nữa cũng vừa đến, vẻ không bằng lòng, bảo Nha:

— Bác đấy! Sao đồng chí lại hỏi giấy?

Một ý nghĩ thoáng qua đầu óc Nha: Bác nào? Các đồng chí chỉ huy có dặn mình miễn kiểm tra giấy của người nào đâu?

Nha buột miệng:

— Bác cũng phải có giấy mà! Có giấy mới được vào mà! Người đi với ông cụ càng tỏ vẻ bức mình, nhưng ông cụ đã ôn tồn bảo:

— Chú đi tìm chú chỉ huy đơn vị lại mới được. Bác cháu mình quên lấy giấy rồi.

Đồng chí này vội vã chạy đi.

Ông cụ vui vẻ hỏi Nha:

— Cháu người dân tộc gì? Quê ở đâu? Vào bộ đội lâu chưa?

Nghe giọng ông cụ thân thương quá, Nha trả lời thành thực:

— Cháu người Sán Chỉ, quê ở Thái Nguyên, vào bộ đội mới một năm thôi ạ.

Nha trả lời xong thì đại đội trưởng cũng vừa chạy tới. Vẻ hoảng hốt, đại đội trưởng bảo Nha:

— Bác Hồ đấy mà! Sao đồng chí không để Bác vào nhà của Bác.

Nha sung sướng quá! Lần đầu tiên Nha được thấy Bác Hồ. Nha đứng chờ người ra. Đại đội trưởng mời Bác vào nhà. Bác vui vẻ bảo Nha:

— Chú làm nhiệm vụ bảo vệ như thế là tốt.

Nghe Bác nói, Nha mới bớt lo.



3. Hết phiên gác, Nha về doanh trại. Cả tiểu đội biết chuyện Nha hỏi giấy Bác Hồ, ai nấy đều vừa buồn cười vừa phàn nàn. Nha lại càng lo.

Sáng hôm sau, hết giờ thể dục, Nha được Bác gọi lên cùng với đại đội trưởng, chính trị viên và trung đội trưởng. Bác vui vẻ chỉ chỗ cho mọi người ngồi. Bác rót nước mời uống rồi lấy từ trong cuốn sách ra một tấm ảnh, ghi vào phía sau và âu yếm nhìn mọi người nói:

— Chú Nha mới vào bộ đội chưa biết Bác. Hôm qua thấy Bác không có giấy nên không cho vào nơi cần bảo vệ. Như vậy là đúng và đáng khen. Bác thưởng chú Nha chiếc ảnh của Bác. Còn đại đội trưởng, chính trị viên giao nhiệm vụ cho chiến sĩ chưa rõ, chưa giới thiệu kĩ cho chiến sĩ biết Bác, làm trở ngại đến công việc, Bác phê bình. Các đồng chí có đồng ý không?

Mọi người thở phào nhẹ nhõm, hứa xin vâng lời. Nha nhận tấm ảnh Bác tặng, vô cùng cảm động, sung sướng.

Theo "Bác Hồ kính yêu"  
Nhà xuất bản Kim Đồng—1980

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

— *Sán chỉ*: tên gọi một dân tộc ít người ở Việt Bắc,

— *Buột miệng*: nói không kịp suy nghĩ kĩ.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này ca ngợi ý thức chấp hành mệnh lệnh của người chiến sĩ bảo vệ cơ quan Nhà nước đồng thời cho ta thấy Bác Hồ là người tiêu biểu cho đức tính giản dị, ý thức tổ chức và tính nguyên tắc.

### II — Lên lớp.

#### A — Giáo viên kể:

1. *Lí Phúc Nha được giao nhiệm vụ gác ở của Bác Hồ.*

Đoạn mở đầu này hé mở cho HS thấy ý thức chấp hành mệnh lệnh của người chiến sĩ bảo vệ cơ quan. Khi kể cần nhấn mạnh lời căn dặn của người chỉ huy đơn vị: «... cần phải kiểm tra kĩ giấy ra vào... ai có giấy tờ hợp lệ mới được ra vào». Như thế có nghĩa là không miễn kiểm tra giấy tờ cho bất cứ ai. Lí Phúc Nha đã thuộc lòng lời căn dặn đó.

2. *Lí Phúc Nha hỏi giấy Bác Hồ.*

Đoạn này lí thú ở chỗ nó thể hiện rõ tính tổ chức cao của người đứng đầu Nhà nước ta là Bác Hồ và của người chiến sĩ bình thường nhất trong quân đội ta là chiến sĩ Lí Phúc Nha.

— Lí Phúc Nha chưa được thấy Bác bao giờ. Bác lại xuất hiện như một cụ già bình thường trong vùng: nón cũ, dép cao su, túi vải mang vai, quần xắn đến đầu gối...» nên dù Lí Phúc Nha có phân vân trước cặp mắt hơi quen của Bác, anh vẫn hỏi giấy ra vào. Bác tự giới thiệu, người cán bộ cùng đi với Bác tỏ ý khiển trách, anh vẫn khẳng khái: «Bác cũng phải có giấy mà!...». Nhưng khi đại đội trưởng đến, biết đích xác là Bác thì Nha lại vừa mừng vừa lo — Những nét tâm trạng đó cần được làm nổi rõ khi kể.

— Cũng ở đoạn này qua giọng kể cần làm cho HS thấy Bác Hồ rất giản dị (trong cách ăn mặc, nói năng), rất thân ái đối với cán bộ, chiến sĩ (Bác thăm hỏi Nha) và đặc biệt rất tôn trọng tổ chức, kỉ luật (Bác cho gọi đại đội trưởng đến đảm bảo cho mình rồi mới đi vào khu vực cấm). Mặt khác, qua giọng kể cũng cần gợi



cho các em cảm nhận thấy Bác rất hiểu tâm lý cán bộ chiến sĩ. Bác biết Nha có ý lo nên khen Nha làm như vậy là tốt.

3. *Lí Phúc Nha được Bác tặng ảnh.* Việc Bác tặng ảnh cho Lí Phúc Nha thực chất là một bài học nhẹ nhàng mà sâu sắc về đạo đức cách mạng.

— Khen thưởng Nha là biểu dương tính tổ chức kỷ luật trong công tác.

— Phê bình cán bộ chỉ huy đơn vị bảo vệ là giáo dục họ phải có tác phong cụ thể, tỉ mỉ khi giao nhiệm vụ cho cấp dưới.

Đoạn này nên kể với giọng thật vui.

*B — Học sinh kể :*

1. Lí Phúc Nha được giao nhiệm vụ gì?

2. Anh đã thực hiện nhiệm vụ đó như thế nào?

3. Vì sao anh đã được Bác Hồ tặng ảnh?

*C — Tổng kết :*

Lí Phúc Nha chấp hành mệnh lệnh cấp trên rất nghiêm túc. Chúng ta học tập anh về ý thức tổ chức và kỷ luật khi làm nhiệm vụ được giao.

### 34. CON CHIM SẼ NHỎ

1. Có một con chim sẻ nhỏ mỏ vàng, tên là Pu-dích. Nhà sẻ ở phía trên khung cửa sổ của một nhà tắm, ở cái vòm trên cùng. Tổ của sẻ làm bằng vải, lông và nhiều thứ sợi mịn khác rất ấm cúng. Sẻ chưa tập bay, nhưng hai cánh cứ đập đập và suốt ngày Sẻ nhìn ra ngoài tổ: Sẻ muốn biết ngay cái thế giới rộng lớn xem nó có thích hợp với mình không. Mẹ Sẻ hỏi:

— Gì thế? Gì thế con?

Sẻ hơi tung cánh rồi nhìn xuống đất, thở thê:

— Dưới ấy tối quá! Dưới ấy tối quá!

Cha Sẻ vừa bay về, mang cho Sẻ một con sâu, miệng kêu tíu tít:

— Giỏi không!... Giỏi không?

Mẹ Sẻ khen:

— Giỏi lắm! Giỏi lắm!

Pu-dích vừa mổ con sâu vừa nghĩ bụng:

— Có gì mà cha cũng khoe nhỉ! Cho mình một con sâu có chân như thế đã có gì là giỏi lắm đâu!

Và Sẻ lần ra ngoài tổ để được trông thấy hết thấy mọi thứ.

Mẹ Sẻ lo lắng bảo:

— Con ơi, con ơi, khéo không ngã đấy!

Pu-dích lại hỏi:

— Mẹ bảo gì? Mẹ bảo gì?

Cha Sẻ vừa sửa soạn bay đi kiếm mồi, vừa giảng giải cho con:

— Con ngã bây giờ đấy, mà ngã thì mèo nó nuốt chửng con ngay!

2. Thời gian cứ thế trôi qua, mà lòng cánh Pu-dích thì lại mọc rất chậm.

Một hôm trời gió to, Pu-dích hỏi mẹ:

— Gì thế mẹ? Gì thế mẹ?

Mẹ bảo:

— Gió đấy. Nó mà thổi vào con thì nó sẽ quật con xuống đất, và con mèo đang chờ sẵn con đâu đấy.

Điều mẹ bảo không làm cho Pu-dích hài lòng. Nó lại nói:

— Thế tại sao cây lại nghiêng ngã? Cây cứ việc đứng im, thế là hết gió...



Mẹ cố nói cho Sẻ hiểu không phải là như thế, nhưng Pu-dích không tin; nó cứ muốn giải nghĩa mọi việc theo cách hiểu của nó cơ.

Một hôm có một bác nông dân đi qua nhà tắm, hai tay vung lên. Pu-dích bảo:

— Mèo nó vật trụi lông cánh bác kia rồi, chỉ còn trơ xương!

Mẹ Sẻ bảo:

— Đây là một người, người thì không có cánh.

— Sao lại thế?

— Người thì như thế đấy. Không có cánh, người ta nhảy bằng chân, con hiểu không?

— Thế là thế nào nhỉ?

— Nếu người cũng có cánh, họ sẽ bắt loài sẻ mình, như cha và mẹ vẫn bắt ruồi muỗi ấy...

Pu-dích cãi lại mẹ:

— Mẹ nói không đúng? Mọi người đều phải có cánh. Mẹ cứ đợi mà xem! Ở trên trời thích hơn ở dưới đất nhiều chứ!... Bao giờ con lớn, con sẽ làm cho tất cả mọi người đều bay được.

Pu-dích không nghe lời mẹ. Nó chưa hiểu rằng không nghe lời mẹ thì kết quả sẽ thật tai hại. Nó đậu chệnh vênh trên thành tổ và gận cổ hát những lời tự nó nghĩ ra:

Này! Bác không cánh,  
Bác đứng trên hai chân  
Bác cao lớn  
Ấy thế mà  
Ruồi muỗi ăn thịt bác,  
Còn tôi, tôi bé nhỏ thật  
Nhưng tôi lại ăn ruồi muỗi.

3. Pu-dích cứ thế hót nữa, hót mãi, hót thế nào mà ngã lảo ra khỏi tổ. Mẹ Sẻ nhào theo. Một con mèo màu hung, mắt xanh, lù lù hiện ra.

Pu-dích sợ quá, xòe hai cánh, chân run lẩy bẩy, miệng chíp chíp:

— Hân hạnh lắm, hân hạnh lắm!

Nhưng mẹ Sẻ đã sà tới, gạt con sang một bên, lòng xù lên, trông rất dữ tợn, mắt trừng trừng nhìn thẳng vào mắt mèo; miệng giục con rời rít:

— Chạy đi! chạy đi! Pu-dích! Bay lên cửa sổ, bay đi!

Trong cơn sợ hãi, Pu-dích nhảy nhảy đôi chân tí xiu, vỗ vỗ cánh một lần, hai lần rồi lên được cửa sổ.

Mẹ sẻ bay ngay theo, đuôi đã bị vật trụi, nhưng rất mừng. Mẹ Sẻ đậu cạnh con, mồm vào cổ con và bảo:

— Con đã thấy chưa? Con đã thấy chưa?

Pu-dích đáp:

— Làm thế nào được! Ai mà học được tất cả mọi điều một lúc!

Con mèo hung mắt xanh ngồi dưới đất, gỡ những túm lông của Sẻ mẹ vướng vào móng chân nó, mắt nhìn hai mẹ con nhà Sẻ, miệng meo meo:

— Meo, Sẻ non! Meo, ngon hơn chuột! Meo! Tiếc quá!

Thế là mọi việc yên ổn, chỉ có Sẻ mẹ bị cụt mất đuôi.

MÃC-XIM GOOC-KI  
(Bản dịch sách Kim Đồng)



I — Tìm hiểu truyện.

a) *Chú giải*: — M. Gooc-ki (1869 — 1936): nhà văn Nga, ngọn cờ đầu của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa xô viết.

— *Gân cổ* (hót): ráng hết hơi sức để hót một cách say sưa.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này phản ánh tâm lí trẻ em ở tuổi chưa hiểu biết gì về tự nhiên và xã hội, chưa có kinh nghiệm sống, chỉ muốn giải thích sự vật theo ý nghĩ ngây ngô của mình. Không nghe lời bố mẹ, có khi các em gây nên những hậu quả tai hại cho bản thân và cả bố mẹ nữa.

Truyện này đồng thời cũng nói lên đức hi sinh của người mẹ trong việc bảo vệ con cái trước nguy hiểm.

Ý nghĩa chủ yếu của truyện là giáo dục trẻ phải biết vâng lời dạy bảo của người trên, trước hết là của bố mẹ.

II — Lên lớp.

A — Chuẩn bị:

Tranh minh họa cảnh chim sẻ mẹ bảo vệ Pu-dích.

B — Giáo viên kể:

1. *Pu-dích không nghe lời bố mẹ, muốn ra ngoài tổ để tìm hiểu mọi thứ.*

— Mẹ Pu-dích bảo: bố «Giỏi lắm!». Pu-dích cãi «...có gì là giỏi lắm đâu!».

— Mẹ bảo và bố giải thích: ra ngoài tổ thì sẽ ngã và bị mèo vồ. Pu-dích không nghe.

Kể đoạn này cần thể hiện được sự «cứng cổ» một cách dai dột của Pu-dích và sự lo lắng của bố mẹ Pu-dích sợ con ngã.

2. *Pu-dích không nghe lời mẹ, muốn giải thích sự vật theo ý nghĩ ngây ngô của mình.*

Pu-dích nghĩ: — «Cây cứ đứng im là hết gió» (!)

— «Mọi người đều phải có cánh...» (!)

Đoạn này nên kể một cách dí dỏm để làm nổi bật cái ngây ngô của Pu-dích. Cách kể có hàm ý phê phán nhẹ nhàng, với thái độ khoan dung.

3. *Pu-dích ngã lăn xuống đất, may được mẹ cứu thoát khỏi vuốt mèo.* Kể đoạn này cần chú ý:

— Lòng thương con, tình thần hi sinh cứu con khỏi nguy hiểm của mẹ: «Mẹ Sẻ nhào theo...»; «...sà tới... miệng kêu riu rít»; «con mèo gõ những túm lông của Sẻ mẹ vương vào móng chân».

— Pu-dích bắt đầu nhận thấy sai lầm nhưng chưa hết «cứng cổ»: «...Ai mà học được tất cả mọi điều một lúc!».

C — Học sinh kể:

1. *Tổ Pu-dích ở đâu? Chuyện gì tổ ra Pu-dích không nghe lời mẹ?*

2. *Pu-dích muốn giải thích sự vật theo ý nghĩ ngây ngô của mình như thế nào?*

3. *Pu-dích đã làm gì để bị ngã ra khỏi tổ? Pu-dích suýt bị mèo ăn thịt ra sao?*



4. Mẹ Pu-dịch đã kịp thời cứu thoát con như thế nào?

*D — Tổng kết:*

Pu-dịch có sai lầm gì? (không nghe lời bố mẹ). Tại sao? (vì Pu-dịch chưa có hiểu biết nhiều về sự vật chung quanh). Pu-dịch có đáng trách không? (có) vì sao? (vì không biết thì phải nghe lời dạy bảo của bố mẹ).

— « Cá không ăn muối, cá ươn,  
Con cãi cha mẹ, trăm đường con hư ».

(Tục ngữ)

### 35. SỰ TÍCH ĐIỀU MÚA CÔNG NƯỚC LÀO

(Truyện kể trong 2 tiết)

1. Ngày xưa, ở nước Lào có một hoàng tử là Phôn-na-vông, rất đẹp trai, tài giỏi và có đạo đức. Vua và hoàng hậu rất yêu quý.

Khi hoàng tử đã đến tuổi trưởng thành, các quan trong triều ai có con gái lớn cũng muốn gả cho chàng. Nhưng kén mãi, hoàng tử vẫn không tìm được người ưng ý.

Quan tể tướng cũng có một cô con gái xinh đẹp. Ông ta muốn dâng cho hoàng tử để sau này con ông chiếm được ngôi hoàng hậu. Nhưng cô này phải cái tính gian ngoan nên chàng không ưa.

Một hôm Phôn-na-vông cùng một toán quân hầu vào rừng săn thú. Mải đuổi theo mồi, khi sức nhớ ra trời

gần tối, chàng quay lại thì quân hầu đã về đâu hết. Bên mình chỉ còn lại con chó săn và con sáo biết nói không lúc nào rời chàng mà thôi. Chàng buộc phải nghỉ lại dưới gốc một cây cổ thụ, bên bờ một hồ nước mênh mông. Sáng ra, chàng thấy cảnh bình minh chiếu sáng mặt hồ tuyệt đẹp. Xa xa, từ phía chân trời có những đốm sáng đang tiến lại, to dần như những ngôi sao. Thì ra, đó là một bầy công. Hoàng tử vội núp vào sau gốc cây, theo dõi. Bầy công lượn mấy vòng trên mặt hồ, thấy yên tĩnh liền hạ cánh, trút bộ áo lông công sắc sỡ, hiện nguyên hình bảy nàng tiên đẹp tuyệt trần. Các nàng tiên xuống hồ tắm, vụng vẫy, nô đùa thỏa thích. Đẹp nhất là nàng tiên thứ bảy. Phôn-na-vông muốn chọn nàng làm vợ. Chàng ra lệnh cho con chó săn cắn bộ áo của nàng cất vào một nơi rồi sửa lên mấy tiếng. Thấy động, bầy tiên vội vã lên bờ, khoác áo lông công bay vút lên trời. Nàng tiên thứ bảy, người trẻ nhất, tìm mãi không thấy áo, hoảng hốt kêu rói rít:

— Các chị chờ em với! Chờ em với!

Con chó săn lại được lệnh sửa ầm ĩ. Sáu nàng tiên chị lượn đi, lượn lại mấy vòng, không thấy em lên đành bay về trời, bỏ em ở lại...

Theo lệnh của Phôn-na-vông, con sáo bay ra, nói:

— Áo cô ở kia! Áo cô ở kia!

Nàng theo gót chim sáo đến tận gốc cây thì bất ngờ gặp hoàng tử. Hoàng tử cởi tấm áo khoác ngoài của mình trao cho nàng mặc tạm và dịu dàng hỏi:

— Nàng là ai? Ở đâu tới đây?

— Em là Dương-na-li, con gái út vua nước Chăm-pa.

— Còn tôi là Phôn-na-vông, con trai vua nước Lào. Gặp nhau đây âu cũng duyên trời, tôi muốn cùng nàng kết nghĩa vợ chồng. Chẳng hay nàng có vui lòng không?



Dương-na-li e lệ gặt đầu ưng thuận.

Phôn-na-vông tháo chiếc nhẫn vàng của mình đeo vào tay Dương-na-li. Dương-na-li trao tặng chàng một chiếc vòng ngọc làm tin. Rồi cả hai lên ngựa về cung vua. Con chim sáo bay trước dẫn đường. Con chó săn theo sát sau vó ngựa.

2. Thấy con trai kén được vợ đẹp người, đẹp nết, nhà vua Lào và hoàng hậu đều vui mừng. Cả triều đình ai cũng ngỏ lời chúc tụng. Riêng bố con lão tể tướng thì rất lấy làm ghen tức. Chúng bàn kế hãm hại đôi vợ chồng trẻ.

Lão tể tướng thông mưu với một tù trưởng quấy rối bờ cõi rồi tâu vua xin cử hoàng tử đi đánh dẹp hòng mượn tay bọn phiến loạn giết chết chàng. Phôn-na-vông cất quân đi. Chàng đánh trận nào thắng trận ấy nhưng lão tể tướng lại phao đồn tin là chàng thua to làm cho nhà vua rất hoảng sợ. Con gái lão lại sai một đạo sĩ vào cung đêm pha rằng đất nước và hoàng tử đang lâm nguy chính vì Dương-na-li là một con quỷ cái hiện hình để làm hại hoàng gia. Cả tin, nhà vua quyết định khép Dương-na-li vào tội chết.

Trước ngày bị hành hình, Dương-na-li tâu vua:

— Ở nước Chăm-pa có tục lệ ai bị xử tội chết đều được mặc áo lông công múa hát chúc phúc cho mọi người ở lại. Xin phụ vương ban ơn cho con được theo tục lệ đó.

Nhà vua chấp thuận.

Hôm bước lên giàn thiêu, Dương-na-li mặc bộ áo lông công lông lấy múa điệu «Lao phen» (điệu múa Lào) chúc phúc cho mọi người và nói lên nỗi oan ức của mình. Điệu múa uyển chuyển và giọng hát du dương

làm cho người xem ai cũng mê say và xúc động. Bất thình lình, thuận đà, nàng vồ cánh vút lên cao, nhắm hướng nước Chăm-pa bay thẳng.

Ai nấy sững sờ trông theo bóng nàng khuất dần trong mây bạc.

★  
★★

Dương-na-li có về được quê hương không? Hoàng tử Phôn-na-vông thắng trận trở về có gặp lại được nàng không? Tiết sau sẽ rõ.

*Tiết thứ hai:*

3. Thắng trận trở về, không thấy Dương-na-li, Phôn-na-vông rất thương xót. Hoàng hậu ứa nước mắt kể lại cho con nghe đầu đuôi nỗi oan khuất của nàng. Chàng than khóc mấy ngày ròng rồi nhất quyết bỏ kinh thành đi tìm nàng bằng được.

Chàng trở lại bên bờ hồ cũ, nơi hai người đã gặp nhau. Nghỉ đêm lại bên gốc cây cổ thụ xưa, chàng thấy vua Thủy tề từ dưới hồ lên bảo:

— Ta rất thương hoàng tử có lòng chung thủy, muốn giúp hoàng tử đến nước Chăm-pa. Nhưng từ đây đến đó đường xa và nguy hiểm lắm. Hoàng tử sẽ phải vượt qua một con sông nước sôi, bảy ngọn núi lửa và trên đường còn có thể gặp phải đại bàng chuyên ăn thịt người. Ta tặng hoàng tử một con khỉ dẫn đường, một viên ngọc quý để khi gặp nguy thì ngậm vào miệng cho người thu nhỏ lại và cái cung này để bắn tan các ngọn



núi lửa. Duy có con sông nước sôi thì ta không có cách gì trị nổi. Khi vượt sông, hễ kêu một tiếng « nóng quá » thì lập tức người chảy thành nước ngay. Hoàng tử dừng quên.

Phôn-na-vông nhận các bảo vật, vái chào, cảm ơn rồi ra đi. Chàng theo chân con khỉ dẫn đường, đi mãi. Đến con sông nước sôi, thấy hơi nước bốc lên ngùn ngụt, chàng hơi rợn. Nhưng nghĩ đến niềm sung sướng được gặp lại Dương-na-li, chàng liền cõng con khỉ lên vai, cắn răng lội qua không một tiếng kêu.

Một hôm, trời đã tối, đến một chân núi cao, chàng bỗng nghe có tiếng đàn bà day nghiêng chông: « Ông còn đoán già, đoán non nữa thôi? Con mồi từ đông nam chẳng thấy dần xác tới, chỉ thấy dơi nhũn cả người. Giới đoán nữa thôi! »

Biết đây là vợ chồng đại bàng đang chờ ăn thịt mình, hoàng tử cho con khỉ đi lên trước thăm dò. Quả nhiên, nó bị chúng xé xác ăn ngấu nghiến. Chàng liền ngậm viên ngọc quý vào miệng, thu nhỏ mình lại, nấp vào một kẽ lá. Đại bàng chồng bảo vợ:

— Ngày mai, bên nước Chăm-pa có lễ đón mừng công chúa Dương-na-li thoát nạn trở về, sang đó, thịt trâu, thịt bò tha hồ ăn.

Phôn-na-vông chờ cho chúng ngủ say, dùng mũi kiếm khoét một lỗ ở chân lông trên cánh đại bàng chồng rồi

chui vào đấy. Sáng hôm sau, vợ chồng đại bàng bay lên không, đưa chàng tới kinh đô nước Chăm-pa trong chốc lát.

Lễ chúc phúc cho Dương-na-li đông vui như một ngày hội lớn. Đại bàng sà xuống cướp thịt trâu, bò làm cho dân chúng chạy tán loạn. Phôn-na-vông liền nhả hạt ngọc ra, rút kiếm đâm chết đại bàng chồng. Đại bàng vợ hoảng hốt tìm đường biến mất.

4. Nhờ có vòng ngọc làm tin, chàng được đón vào cung vua, gặp lại Dương-na-li. Vợ chồng vui mừng khôn xiết. Hoàng hậu nước Chăm-pa rất bằng lòng thấy con rể khôi ngô, tuấn tú. Nhưng nhà vua thì không chịu để con gái lấy chồng khi chưa được phép của mình. Nhà vua phán:

— Muốn lấy con gái ta thì phải lập được công to. Hiện nay nước ta đang có bảy ngọn núi phun lửa đốt cháy nhà cửa, giết hại dân chúng rất nhiều. Nếu người trừ được nạn đó, ta sẽ gả con cho.

Phôn-na-vông liền đương cung bắn bảy phát. Tức thì bảy ngọn núi lửa tắt ngấm, biến thành bảy ngọn đồi tro nguội.

Giữ lời hứa, vua Chăm-pa cho phép hoàng tử Phôn-na-vông và công chúa Dương-na-li thành vợ chồng và sai quân đưa họ về nước Lào...

Trong lễ mừng, công chúa Dương-na-li lại mặc áo lông công múa hát chúc mừng hạnh phúc của mình và của mọi người.



Từ đây, dân tộc Lào có điệu múa công là gốc của tất cả các điệu múa Lào còn truyền lại cho đến ngày nay.

Theo Hợp tuyển văn học Lào  
(Nhà xuất bản Văn hóa — 1981)

## HƯỚNG DẪN

### I — Tìm hiểu truyện.

#### a) Chú giải:

- *Tề tướng*: (xem chú giải truyện số 32).
- *Tù trưởng*: chúa đất đứng đầu một bộ tộc địa phương trong xã hội phong kiến.
- *Đạo sĩ*: người đi tu có nhiều phép thuật.
- *Hoàng gia*: gia đình nhà vua.
- *Phụ vương*: vua cha (tiếng xưng hô của con vua đối với vua).
- *Bảo vật*: vật quý. Trong truyện, « bảo vật » là những vật có phép lạ màu nhiệm.
- *Giàn thiêu*: giàn chất củi, trên đó, người ta đốt sống người bị tội chết.

b) *Ý nghĩa*: Truyện này giải thích nguồn gốc của điệu múa công nước Lào là điệu múa chúc phúc cho mọi người. Theo tinh thần của truyện thì điệu múa này có nguồn gốc sâu xa trong tình vợ chồng chung thủy,

trong tình hữu hảo giữa hai nước láng giềng. Nó là một điệu múa biểu hiện sâu sắc tình yêu thương, quý trọng con người.

### II — Lên lớp.

#### A — Chuẩn bị:

Một tranh vẽ (hoặc ảnh chụp) người Lào đang múa điệu múa công.

#### B — Giáo viên kể:

Truyện này có thể chia thành bốn đoạn, kể trong hai tiết, mỗi tiết hai đoạn.

1. Hoàng tử Phôn-na-vông nước Lào gặp công chúa Dương-na-li nước Chăm-pa. Hai bên kết nghĩa vợ chồng.
2. Do lòng ghen ghét của hổ con viên tề tướng Lào, hai người buộc phải xa nhau.

3. Hoàng tử Phôn-na-vông quyết tâm vượt mọi gian nguy đi tìm Dương-na-li.

4. Hai người được đoàn tụ, sống hạnh phúc.

Về cách kể chuyện này, cần lưu ý mấy điểm sau:

1. *Kể đoạn 1*, cần tập trung sự chú ý của HS vào hình ảnh hoàng tử Phôn-na-vông, một chàng trai có tài, có đức và công chúa Dương-na-li, một nàng tiên tuyệt đẹp. Sự xuất hiện li kì của Dương-na-li trên một hồ nước mênh mông giữa rừng, cuộc gặp gỡ tình cờ của hai người bên một gốc cây cổ thụ, có sự tham dự của con sáo biết nói, con chó tinh khôn, cảnh đôi vợ chồng trẻ



về cung vua trên cùng một yên ngựa,... đều giàu chất thơ và có khả năng khơi gợi trí tưởng tượng bay bổng của trẻ. Giọng kể nên dí dỏm, tươi vui.

2. Ở đoạn 2, về âm mưu nham hiểm của bố con lão tề tướng, chỉ nên kể lướt qua với thái độ khinh bỉ để HS thấy nguyên nhân chia lìa của đôi vợ chồng trẻ là được. Nhưng điểm cần làm nổi bật là nỗi oan khuất của Dương-na-li, lòng thương người, sự mưu trí và tài nghệ của nàng trong buổi từ biệt nước Lào – quê chồng. Do đó, lời thỉnh cầu của nàng đối với phụ vương, bộ áo lông công lông lầy, điệu múa, lời ca du dương, sự bất ngờ của việc nàng bay vút lên không... đều phải được thể hiện thật sinh động.

3. Ở hai đoạn 3 và 4, đề nêu rõ lòng chung thủy của Phôn-na-vông và chia vui với cảnh đoàn tụ của đôi vợ chồng trẻ, cần kể chậm những tình tiết sau đây:

— Sự than khóc và quyết tâm của Phôn-na-vông đi tìm bằng được Dương-na-li.

— Sự giúp đỡ của vua Thủy tề đối với hoàng tử.

— Những hiểm nghèo mà hoàng tử phải vượt qua để đến với Dương-na-li.

— Cuộc đoàn tụ đầy hạnh phúc và điệu múa tuyệt diệu của Dương-na-li – gốc của các điệu múa hiện nay ở Lào.

C — Học sinh kể:

1. Phôn-na-vông và Dương-na-li gặp nhau và kết nghĩa vợ chồng ở đâu? Trong hoàn cảnh nào?

2. Vì sao họ phải chia lìa trong một thời gian?

3. Do có lòng chung thủy, họ lại được đoàn tụ với nhau như thế nào?

(GV có thể nêu thêm một số câu hỏi phụ để nhắc HS nhớ lại những tình tiết quan trọng).

D — Tổng kết:

Điệu múa công nước Lào bắt nguồn từ lòng chung thủy, từ tình yêu thương quý trọng con người của nhân dân Lào. Đó là một điệu múa có nhiều ý nghĩa tốt đẹp.

Ghi chú: Nếu có điều kiện cho HS múa tập thể một điệu múa Lào.



## MỤC LỤC

|                                                                       | Trang |
|-----------------------------------------------------------------------|-------|
| <i>Phần một</i> – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý<br>VỀ MÔN KỂ CHUYỆN Ở LỚP 3 | 3     |
| <i>Phần hai</i> – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ                                    | 10    |
| 1. Hoa mào gà                                                         | 10    |
| 2. Cô chủ không biết quý tình bạn                                     | 14    |
| 3. Bà cháu                                                            | 18    |
| 4. Hai tiếng kì lạ                                                    | 22    |
| 5. Đám mây nhỏ có lòng tốt                                            | 27    |
| 6. Con chim nhỏ                                                       | 30    |
| 7. Tình anh em                                                        | 35    |
| 8. Chú bé với Lê-nin                                                  | 40    |
| 9. Đường lên trời                                                     | 43    |
| 10. Cái gói trôi dưới ngòi                                            | 47    |
| 11. Sự tích cây vú sữa                                                | 51    |
| 12. Người con gái Tây Nguyên                                          | 55    |
| 13. Con thỏ mưu trí                                                   | 59    |
| 14. A-i-ô-ga                                                          | 64    |
| 15. Chuyện anh Trừ Văn Thố                                            | 68    |
| 16. Hòn đá thần                                                       | 71    |
| 17. Gà rừng và hồ                                                     | 76    |
| 18. Đàn vịt trời                                                      | 80    |
| 19. Truyền thuyết về xứ Ba-un-lê                                      | 83    |
| 20. Tiếng tạc đạn ở Sa Diện                                           | 87    |

|                                       |     |
|---------------------------------------|-----|
| 21. Chuyện kể về những bông hồng      | 92  |
| 22. Nước mắt Cà Sầu                   | 96  |
| 23. Sự tích vùng đất đỏ Tây Nguyên    | 101 |
| 24. Hai chú gấu tham ăn               | 104 |
| 25. Nhà bác học Ê-di-xơn và bà cụ già | 108 |
| 26. Lời hứa của sâu róm               | 112 |
| 27. Đám Bơ-ri                         | 115 |
| 28. Cuộc phiêu lưu của ba giọt nước   | 119 |
| 29. Chuyện Xiêng Miêng                | 123 |
| 30. Xin chôn ở núi vàng               | 126 |
| 31. Bàn chân kì diệu                  | 129 |
| 32. Người thợ dệt thảm                | 134 |
| 33. Được Bác Hồ tặng ảnh              | 138 |
| 34. Con chim sẻ nhỏ.                  | 142 |
| 35. Sự tích điệu múa công nước Lào    | 148 |